BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

BỘ SÁCH GIÁO KHOA
KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

LỚP 5

Chuẩn mực
Khoa học
Hiện đại

TẬP HUẤN, BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SGK TIẾNG VIỆT 5

BỘ SÁCH *KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG*

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

TÁC GIẢ

Tổng Chủ biên: PGS.TS. Bùi Mạnh Hùng

Chủ biên: PGS.TS. Trần Thị Hiền Lương

Tác giả:

Tập một	Tập hai
TS. Đỗ Hồng Dương	PGS.TS. Lê T Lan Anh
CN. Nguyễn Lê Hằng	TS. Đỗ Hồng Dương
PGS.TS. Trịnh Cẩm Lan	PGS.TS. Vũ Thị Thanh Hương
TS. Vũ Thị Lan	Th.S. Nguyễn Thị Kim Oanh
PGS.TS. Trần Kim Phượng	PGS.TS. Đặng T Hảo Tâm

Chuẩn mực
Khoa học
Hiện đại

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Chuẩn mực

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

NỘI DUNG TẬP HUẤN

1. Khái quát về chương trình môn Tiếng Việt
2. Giới thiệu về SGK *Tiếng Việt 5* và tài liệu bổ trợ
3. Hướng dẫn dạy học các mạch nội dung
4. Hướng dẫn đánh giá kết quả giáo dục

Thời gian	Nội dung
	Sáng: 8:00 – 11:30
8:00 – 9:00	Khái quát về CT Tiếng Việt và giới thiệu SGK TIẾNG VIỆT 5
9:00 – 9:45	Hướng dẫn dạy học Đọc
9:45 – 10:00	Nghỉ giải lao
10:00 – 10:45	Hướng dẫn dạy học Luyện từ và câu
10:45 – 11:30	Xem video bài dạy minh họa (Luyện từ và câu: Đại từ)

Thời gian	Nội dung
Chiều: 13:30 – 17:00	
13:30 – 14:15	Hướng dẫn dạy học Viết
14:15 – 15:00	Xem video bài dạy minh hoạ (Viết bài văn kể chuyện sáng tạo)
15:00 – 15:15	Giải lao
15:15 – 16:00	Hướng dẫn dạy học Nói và nghe
16:00 – 17:00	Hướng dẫn đánh giá kết quả giáo dục & thảo luận

I. KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN TIẾNG VIỆT

MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình môn Tiếng Việt giúp HS:

- Hình thành và phát triển những **phẩm chất** chủ yếu: *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.*
- Hình thành và phát triển các **năng lực chung** (*NL tự chủ và tự học, NL giao tiếp và hợp tác, NL giải quyết vấn đề và sáng tạo*) và **năng lực đặc thù** (*NL ngôn ngữ và NL văn học*) thể hiện qua: đọc, viết, nói và nghe.

MẠCH NỘI DUNG

- Chương trình GDPT 2018 chú trọng phát triển năng lực của người học; các mạch chính của CT được thiết kế tương ứng với các hoạt động giao tiếp: đọc, viết, nói & nghe; xuyên suốt cả 3 cấp học.
- Chương trình chỉ quy định những yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói và nghe cho mỗi lớp và một số kiến thức cốt lõi về tiếng Việt (gồm cả kiểu loại VB) và văn học.
- Chương trình có định hướng mở về ngữ liệu.

SO SÁNH MỤC TIÊU GIÁO DỤC VÀ MẠCH NỘI DUNG CỦA HAI CHƯƠNG TRÌNH

	CT GDPT môn Tiếng Việt 2006	CT GDPT môn Tiếng Việt 2018
Mục tiêu	Cung cấp kiến thức về tiếng Việt và văn học; phát triển kĩ năng đọc, viết, nói và nghe cho HS.	Phát triển phẩm chất và năng lực cho HS, trong đó có năng lực đọc, viết, nói và nghe.
Mạch nội dung	• Kiến thức: Tiếng Việt, Tập làm văn, Văn học • Kĩ năng: đọc, viết, nghe và nói. • Ngữ liệu mở	• Đọc, Viết, Nói và nghe • Nội dung dạy học cốt lõi • Ngữ liệu mở

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

SO SÁNH NỘI DUNG LUYỆN TỪ VÀ CÂU TRONG HAI CHƯƠNG TRÌNH

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

TIẾNG VIỆT 5 (2000)

- **Cấu tạo của vần**
- Vốn từ theo chủ điểm; nghĩa của một số thành ngữ, tục ngữ, từ Hán Việt
- Cách viết tên người và tên địa lí VN và nước ngoài
- Từ nhiều nghĩa
- Từ đồng nghĩa
- **Từ trái nghĩa**
- **Từ đồng âm**
- Đại từ, đại từ xưng hô
- Quan hệ từ
- Câu đơn và câu ghép, cách nối các vế của câu ghép
- Liên kết câu bằng cách lặp từ ngữ, thay thế từ ngữ, từ ngữ nối
- **Biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá**
- Dấu chấm, chấm hỏi, chấm than, phẩy, hai chấm, gạch ngang, ngoặc kép

TIẾNG VIỆT 5 (2018)

- Vốn từ theo chủ điểm; nghĩa của một số thành ngữ, một số yếu tố Hán Việt
- Cách viết tên người và tên địa lí nước ngoài
- Từ đa nghĩa
- Từ đồng nghĩa
- **Sử dụng từ điển**
- Đại từ: xưng hô, thay thế, nghi vấn
- Kết từ
- Câu đơn và câu ghép, cách nối các vế của câu ghép
- Liên kết câu bằng cách lặp từ ngữ, từ ngữ nối, từ ngữ thay thế
- **Biện pháp điệp từ, điệp ngữ**
- Dấu gạch ngang, dấu gạch nối
- **Viết hoa danh từ chung để thể hiện sự tôn trọng đặc biệt**
- **Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ**

SO SÁNH NỘI DUNG VIẾT TRONG HAI CHƯƠNG TRÌNH

TIẾNG VIỆT 5 (2000)	TIẾNG VIỆT 5 (2018)
• Viết chính tả đoạn văn, đoạn thơ • Viết bài tả người, tả phong cảnh • Viết báo cáo thống kê • Viết đơn, làm biên bản, lập chương trình hoạt động • Viết đoạn đối thoại • Ôn tập tả đồ vật, tả cây cối	• Viết bài văn kể lại câu chuyện sáng tạo. • Viết bài tả người, tả phong cảnh • Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc trước một sự việc hoặc một bài thơ, câu chuyện • Viết đoạn văn nêu lí do vì sao tán thành hoặc phản đối về một hiện tượng, sự việc • Viết đoạn văn giới thiệu về một nhân vật trong một cuốn sách hoặc bộ phim hoạt hình • Viết báo cáo công việc, chương trình hoạt động

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

SO SÁNH NỘI DUNG VIẾT Ở LỚP 4 VÀ LỚP 5 TRONG CHƯƠNG TRÌNH 2018

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

TIẾNG VIỆT 4 (2018)

- Viết đoạn văn nêu ý kiến
- Viết báo cáo thảo luận nhóm
- Viết bài văn thuật lại một sự kiện
- Viết bài văn kể lại một câu chuyện
- Viết đoạn văn tưởng tượng
- Viết hướng dẫn thực hiện một công việc
- Viết đơn
- Viết bài văn tả con vật, tả cây cối
- Viết thư
- Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về một người gần gũi, thân thiết
- Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về một nhân vật văn học
- Viết hướng dẫn sử dụng một sản phẩm
- Viết giấy mời

TIẾNG VIỆT 5 (2018)

- Viết bài văn kể lại câu chuyện sáng tạo.
- Viết bài tả người, tả phong cảnh
- Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc trước một sự việc hoặc một bài thơ, câu chuyện.
- Viết đoạn văn nêu lí do vì sao tán thành hoặc phản đối về một hiện tượng, sự việc
- Viết đoạn văn giới thiệu về một nhân vật trong một cuốn sách hoặc bộ phim hoạt hình
- Viết báo cáo công việc, chương trình hoạt động

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẠCH NỘI DUNG QUA SO SÁNH

• Một số nội dung Luyện từ và câu ở CT 2018 có tính chất "bổ sung" so với CT 2000, nhưng có tính thực hành cao như: sử dụng từ điển; viết hoa danh từ chung; phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ; trừ biện pháp điệp từ, điệp ngữ là có phần lí thuyết; nhưng Tiếng Việt 5, CT 2018 không có cấu tạo của vần, đồng âm, trái nghĩa; biện pháp so sánh, nhân hoá. Đánh giá chung là có "giảm tải"

• Theo CT 2018, các kiểu bài viết được triển khai theo cách "dàn hàng ngang", chứ không theo cách "cuốn chiếu", nghĩa là, các kiểu bài ở lớp trên là sự lặp lại, nâng cao nhiều kiểu bài đã học ở lớp dưới. Vì vậy, HS được làm quen từng bước qua các lớp. Đây cũng là cách triển khai các kiểu bài viết trong CT dạy tiếng của các nước phát triển như Hoa Kỳ, Australia, Hàn Quốc,…

ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

- Năng lực của người học chỉ có thể hình thành và phát triển thông qua các hoạt động. Để đạt được mục tiêu phát triển năng lực và phẩm chất cho HS theo định hướng của CT 2018, GV cần chú trọng việc tổ chức hoạt động đọc, viết, nói và nghe cho HS.
- HS cần được thực hiện nhiều hoạt động đa dạng, thể hiện vai trò chủ động, tích cực của người học, phát huy khả năng tự học, có kĩ năng làm việc nhóm, thuyết trình, thảo luận, tương tác tích cực với bạn bè và với thầy cô.

ĐỊNH HƯỚNG VỀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

- **Mục tiêu đánh giá:** Cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của HS trong suốt quá trình học.
- **Nội dung đánh giá:** Đánh giá phẩm chất, năng lực của HS trong môn Tiếng Việt thể hiện qua các hoạt động: đọc, viết, nói và nghe.
- **Cách thức đánh giá:** Đa dạng, kết hợp cả đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì; kết hợp cả định tính và định lượng, thông qua các bài kiểm tra, bài tập với nhiều hình thức và mức độ khác nhau, dựa trên yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực đối với HS được quy định trong chương trình.

(Sử dụng và khai thác ngữ liệu bảo đảm yêu cầu đánh giá năng lực của HS, khắc phục tình trạng chỉ học thuộc, sao chép tài liệu có sẵn.)

Đảm bảo sự kết nối chặt chẽ giữa CT với SGK, giữa các thành tố trong bản thân CT và SGK:

CT tổng thể	• Mục tiêu → Nội dung giáo dục → PP giáo dục & đánh giá
CT môn học	• Mục tiêu → Nội dung giáo dục → PP giáo dục & đánh giá
SGK	• Mục tiêu → Nội dung giáo dục → PP giáo dục & đánh giá

II. GIỚI THIỆU VỀ SÁCH GIÁO KHOA

TIẾNG VIỆT 5

1. QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN

QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN

1. Sách được biên soạn theo ***mô hình SGK dạy tiếng hiện đại*** và tiếp thu hợp lí kinh nghiệm biên soạn SGK Tiếng Việt lâu nay.

2. ***Các nội dung dạy học kết nối với nhau theo chủ điểm***, đảm bảo sự tích hợp giữa nội dung VB đọc với hoạt động viết, nói và nghe.

3. ***Chú trọng dạy kiến thức tiếng Việt theo quan điểm chức năng***, không khai thác sâu đặc điểm cấu trúc của các đơn vị ngôn ngữ, HS không phải ghi nhớ các khái niệm nặng tính lí thuyết.

1 *Mô hình SGK dạy tiếng hiện đại: Chú trọng các kĩ năng ngôn ngữ của người học.*

- Không chia thành các "phân môn".
- Tổ chức theo các hoạt động đọc, viết, nói, nghe và luyện tập về từ và câu.

- *Dạy học tiếng Việt gần với giao tiếp thực tế.*
- *Hình thành kiến thức tiếng Việt và phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học thông qua thực hành, vận dụng trong các tình huống giao tiếp của đời sống.*
- *Tạo hứng thú học tập và phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS.*

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

MỤC LỤC

Tuần	Bài	Nội dung	Trang
THẾ GIỚI TUỔI THƠ			7
1	1	**Đọc:** *Thanh âm của gió* **Luyện từ và câu:** Luyện tập về danh từ, động từ, tính từ **Viết:** Tìm hiểu cách viết bài văn kể lại câu chuyện với những chi tiết sáng tạo	8 10 11
	2	**Đọc:** *Cánh đồng hoa* **Viết:** Tìm hiểu cách viết bài văn kể lại câu chuyện với những chi tiết sáng tạo (tiếp theo) **Đọc mở rộng**	13 15 17
2	3	**Đọc:** *Tuổi Ngựa* **Luyện từ và câu:** Đại từ **Viết:** Lập dàn ý cho bài văn kể lại câu chuyện với những chi tiết sáng tạo	18 20 21
	4	**Đọc:** *Bến sông tuổi thơ* **Viết:** Viết bài văn kể lại câu chuyện với những chi tiết sáng tạo **Nói và nghe:** Những câu chuyện thú vị	23 25 26

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài học được tổ chức theo các hoạt động đọc, viết, nói và nghe; luyện tập về từ và câu.

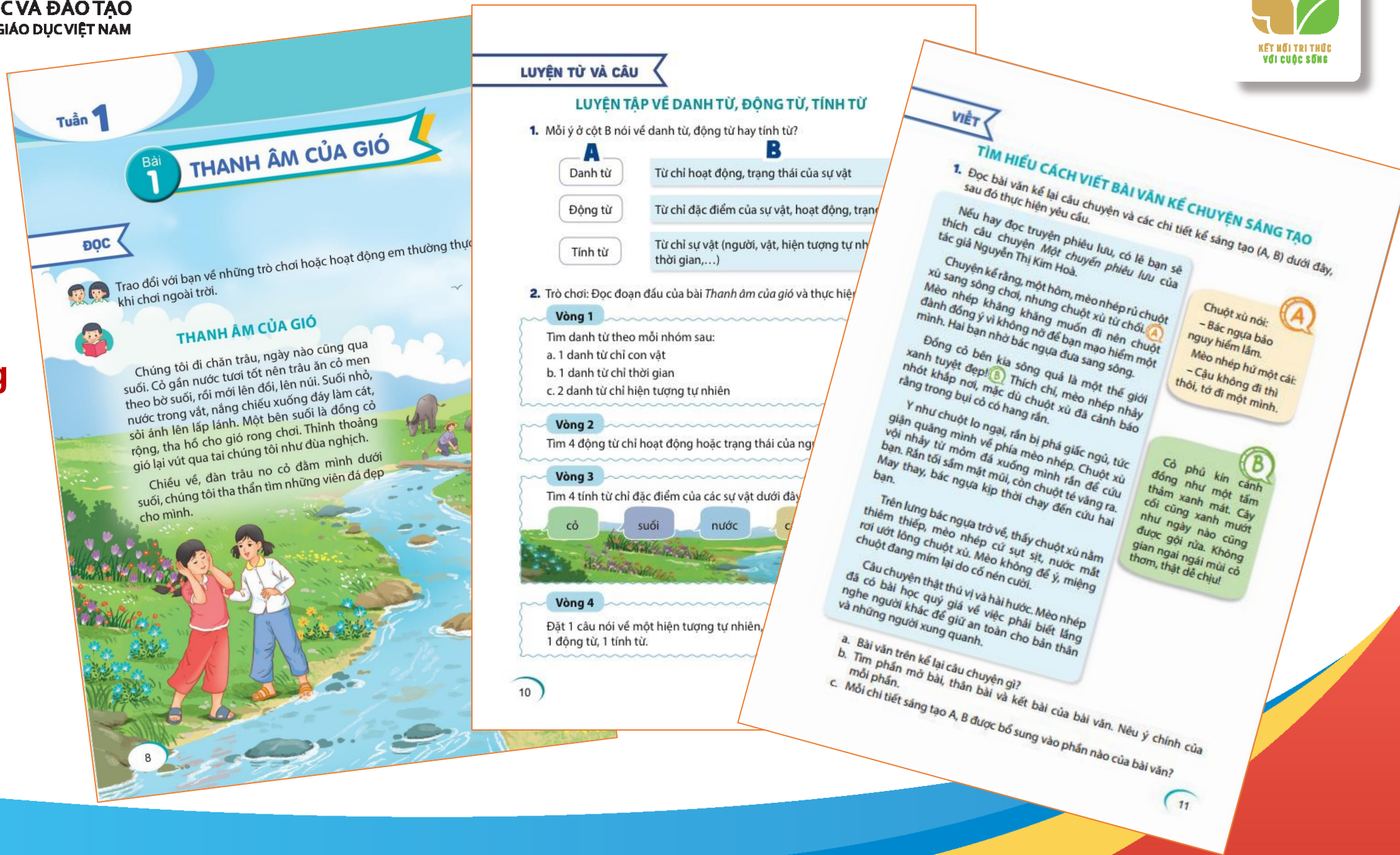

Tuần 1

Bài 1 THANH ÂM CỦA GIÓ

ĐỌC

Trao đổi với bạn về những trò chơi hoặc hoạt động em thường thực khi chơi ngoài trời.

THANH ÂM CỦA GIÓ

Chúng tôi đi chăn trâu, ngày nào cũng qua suối. Cỏ gần nước tươi tốt nên trâu ăn cỏ men theo bờ suối, rồi mới lên đồi, lên núi. Suối nhỏ, nước trong vắt, nắng chiếu xuống đáy làm cát, sỏi ánh lên lấp lánh. Một bên suối là đồng cỏ rộng, tha hồ cho gió rong chơi. Thỉnh thoảng gió lại vút qua tai chúng tôi như đùa nghịch.

Chiều về, đàn trâu no cỏ đầm mình dưới suối, chúng tôi tha thẩn tìm những viên đá đẹp cho mình.

8

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ DANH TỪ, ĐỘNG TỪ, TÍNH TỪ

1. Mỗi ý ở cột B nói về danh từ, động từ hay tính từ?

A	B
Danh từ	Từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật
Động từ	Từ chỉ đặc điểm của sự vật, hoạt động, trạn
Tính từ	Từ chỉ sự vật (người, vật, hiện tượng tự nh thời gian,…)

2. Trò chơi: Đọc đoạn đầu của bài *Thanh âm của gió* và thực hiệ

Vòng 1

Tìm danh từ theo mỗi nhóm sau:
a. 1 danh từ chỉ con vật
b. 1 danh từ chỉ thời gian
c. 2 danh từ chỉ hiện tượng tự nhiên

Vòng 2

Tìm 4 động từ chỉ hoạt động hoặc trạng thái của ng

Vòng 3

Tìm 4 tính từ chỉ đặc điểm của các sự vật dưới đây

cỏ suối nước

Vòng 4

Đặt 1 câu nói về một hiện tượng tự nhiên, 1 động từ, 1 tính từ.

10

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO

1. Đọc bài văn kể lại câu chuyện và các chi tiết kể sáng tạo (A, B) dưới đây, sau đó thực hiện yêu cầu.

Nếu hay đọc truyện phiêu lưu, có lẽ bạn sẽ thích câu chuyện *Một chuyến phiêu lưu* của tác giả Nguyễn Thị Kim Hoà.

Chuyện kể rằng, một hôm, mèo nhép rủ chuột xù sang sông chơi, nhưng chuột xù từ chối. Mèo nhép khăng khăng muốn đi nên chuột đành đồng ý vì không nỡ để bạn mạo hiểm một mình. Hai bạn nhờ bác ngựa đưa sang sông.

Đồng cỏ bên kia sông quả là một thế giới xanh tuyệt đẹp! Thích chí, mèo nhép nhảy nhót khắp nơi, mặc dù chuột xù đã cảnh báo rằng trong bụi cỏ có hang rắn.

Ý như chuột lo ngại, rắn bị phá giấc ngủ, tức giận quăng mình về phía mèo nhép. Chuột xù vội nhảy từ mỏm đá xuống mình rắn để cứu bạn. Rắn tối sầm mặt mũi, còn chuột té văng ra. May thay, bác ngựa kịp thời chạy đến cứu hai bạn.

Trên lưng bác ngựa trở về, thấy chuột xù nằm thiêm thiếp, mèo nhép cứ sụt sịt, nước mắt rơi ướt lông chuột xù. Mèo không để ý, miệng chuột đang mím lại do cố nén cười.

Câu chuyện thật thú vị và hài hước. Mèo nhép đã có bài học quý giá về việc phải biết lắng nghe người khác để giữ an toàn cho bản thân và những người xung quanh.

A
Chuột xù nói:
– Bác ngựa bảo nguy hiểm lắm. Mèo nhép hứ một cái:
– Cậu không đi thì thôi, tớ đi một mình.

B
Cỏ phủ kín cánh đồng như một tấm thảm xanh mát. Cây cối cũng xanh mướt như ngày nào cũng được gội rửa. Không gian ngai ngái mùi cỏ thơm, thật dễ chịu!

a. Bài văn trên kể lại câu chuyện gì?
b. Tìm phần mở bài, thân bài và kết bài của bài văn. Nêu ý chính của mỗi phần.
c. Mỗi chi tiết sáng tạo A, B được bổ sung vào phần nào của bài văn?

11

BỘ GIÁO DỤC VÀ
NHÀ XUẤ

Bài 2

CÁNH ĐỒNG HOA

ĐỌC

Trao đổi với bạn: Em có thể làm gì để góp phần làm cho khu phố hay thôn xóm của em thêm sạch đẹp?

CÁNH ĐỒNG HOA

Ở đầu làng, có một đồng cỏ khá rộng. Ja Ka, Mư Hoa, Ja Prok và Mư Nhơ thường rủ nhau tới đó vui chơi. Ja Ka luôn mang theo chiếc trống nhỏ. Cậu vỗ trống rất hay. Mỗi lần Ja Ka vỗ trống, các bạn lại cùng múa hát tưng bừng.

Thế nhưng gần đây, trên đồng cỏ, một bãi rác xuất hiện và cứ lớn dần lên, bốc mùi khó chịu. Các bạn nhỏ chẳng nô đùa, hò hét như mọi ngày.

– Cứ thế này, đồng cỏ sẽ thành bãi rác mất thôi! – Mư Nhơ thở dài.

Mư Hoa quay mặt đi, giấu những giọt nước mắt:

– Bọn mình còn đâu chỗ mà vui chơi!

Ja Ka, Ja Prok thì rầu rĩ:

– Biết làm thế nào bây giờ?

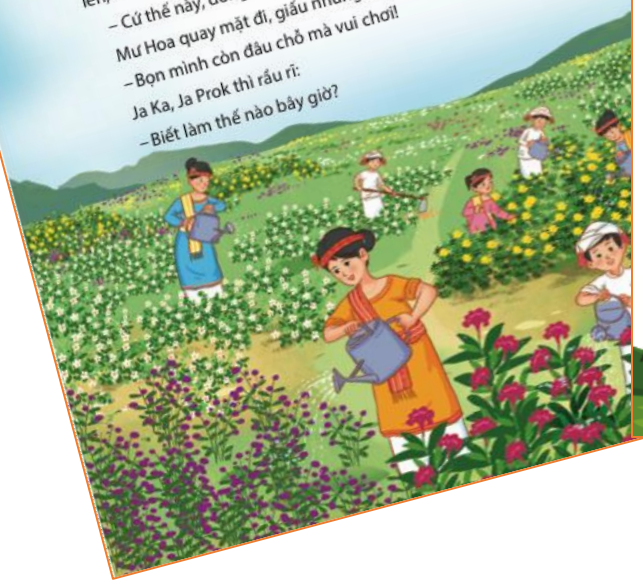

1. Xếp những từ in đậm dưới đây vào nhóm thích hợp.
   - Mỗi lần Ja Ka vỗ trống, các bạn lại cùng múa hát **tưng bừng**.
   - Bọn mình còn đâu chỗ mà **vui chơi**!
   - Biết ý tưởng đó, nhiều cô bác trong làng đã **hưởng ứng**.
   - Nhóm bạn vui mừng nhảy múa, ca hát giữa muôn hoa rực rỡ, trong tiếng trống **rộn ràng**.

Động từ	Tính từ

2. Tìm từ có thể thay thế từ in đậm trong mỗi câu ở bài tập 1.

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI CÂU CHUYỆN VỚI NHỮNG CHI TIẾT SÁNG TẠO

(Tiếp theo)

1. Đọc 2 đoạn truyện dưới đây và trả lời câu hỏi.

Chào các bạn. Tôi là chuột xù. Tôi sẽ kể cho các bạn nghe câu chu
phiêu lưu lí kì của tôi và cậu bạn thân mèo nhép.

Hôm ấy là một ngày rất đẹp trời, chúng tôi đều muốn đi chơi. T
muốn chơi ở bên này sông, còn cậu bạn của tôi lại nằng nặc đòi đi
bên kia sông. Tôi vẫn nhớ lời dặn của bác ngựa là bên kia sông ngu
lắm. Thế mà **chẳng hiểu sao** mèo nhép lại cứ muốn đi chơi ở đó.
quả là thích phiêu lưu. Nhưng phiêu lưu mà mất an toàn thì thật
Tôi cố gắng thuyết phục mèo nhép. Cậu ấy chẳng những không
còn chê tôi nhát. Cuối cùng, tôi đành chịu thua và đi theo cậu ấy
nỡ để cậu ấy mạo hiểm một mình.

Trên lưng bác ngựa trở về, tôi vẫn g
thiêm thiếp. Mèo nhép **chắc là** biết lỗi
sụt sịt, nước mắt rơi ướt cả bộ lông cù
lúc cậu ấy khăng khăng đòi sang sô
bây giờ trông cậu ấy thật quá khác biệ
nén cười. Cứ để cậu ấy ân hận một lúc
mới có bài học chứ.

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc câu chuyện về thế giới tuổi thơ.

G:

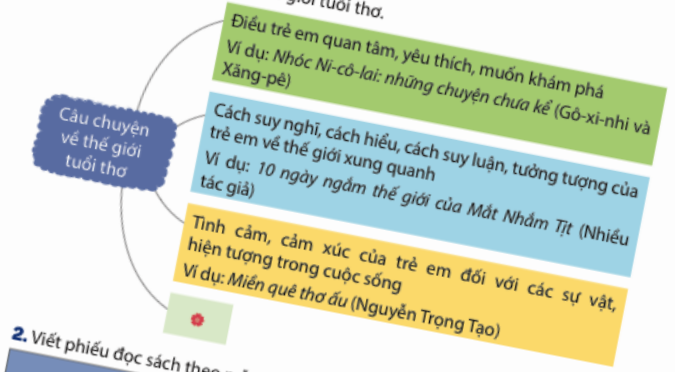

2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.

PHIẾU ĐỌC SÁCH		
Tên câu chuyện:	Tác giả:	Ngày đọc:
Nội dung chính của câu chuyện:		Nhân vật em thích nhất:
Chi tiết thú vị hoặc sự việc đáng nhớ:		Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆

3. Trao đổi với bạn về câu chuyện đã đọc.

G:

Em có thể chọn một trong các hoạt động sau:
- Kể tóm tắt câu chuyện và giới thiệu về nhân vật chính.
- Nêu điều thú vị về thế giới tuổi thơ được thể hiện trong câu chuyện.
- Chia sẻ những điều em học tập được về cách kể chuyện.

Kể cho người thân nghe câu chuyện về thế giới tuổi thơ mà em đã đọc hoặc đã nghe. Cùng người thân nhận xét về các nhân vật, sự việc trong câu chuyện.

17

Tạo cơ hội cho HS tham gia những hoạt động giao tiếp tự nhiên.

NÓI VÀ NGHE

BẢO TỒN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Yêu cầu: Thảo luận về việc bảo tồn động vật hoang dã.

1. Chuẩn bị.
- Tìm hiểu về động vật hoang dã và việc bảo tồn động vật hoang dã qua sách báo, in-tơ-nét.

  G: Một số cuốn sách về động vật hoang dã: *Sinh vật trú ẩn và săn mồi* (Rất Ô-oen), *Khám phá rừng già – Động vật hoang dã* (Xti Pa-cơ),…
- Ghi chép các thông tin quan trọng về những hoạt động bảo vệ động vật hoang dã.

2. Thảo luận.
- Người điều hành nêu nội dung thảo luận.
- Từng bạn trình bày ý kiến đã chuẩn bị. Ví dụ:
  + Thực tế: Nhiều loài động vật đang có nguy cơ tuyệt chủng, bị săn bắt, buôn bán trái phép; rừng bị chặt phá khiến môi trường sống của động vật hoang dã bị đe doạ;…
  + Những việc cần làm: Lập các khu bảo tồn; tuyên truyền vận động không chặt phá rừng, không săn bắt, không buôn bán động vật hoang dã;…
- Cả nhóm trao đổi, góp ý và thống nhất ý kiến.
  + Khẳng định tầm quan trọng của việc bảo tồn động vật hoang dã.
  + Nhấn mạnh những việc cần làm để bảo tồn động vật hoang dã.

3. Đánh giá.

Những thông tin quan trọng | Ý kiến hay | ❁

Sưu tầm tranh ảnh và tìm đọc thêm những thông tin về vịnh Hạ Long.

NÓI VÀ NGHE

CẢNH ĐẸP THIÊN NHIÊN

Yêu cầu: Giới thiệu một cảnh đẹp thiên nhiên của đất nước ta.

1. Chuẩn bị.
- Tìm hiểu những thắng cảnh nổi tiếng của Việt Nam.

  G: Cao nguyên đá Đồng Văn (Hà Giang), vịnh Hạ Long (Quảng Ninh), động Phong Nha – Kẻ Bàng (Quảng Bình), đảo Ngọc – Phú Quốc (Kiên Giang),…
- Tìm đọc trên sách báo, in-tơ-nét,… thông tin về một thắng cảnh em muốn giới thiệu. Ghi chép những thông tin quan trọng về thắng cảnh.

2. Trình bày.

G:

Mở đầu	Giới thiệu khái quát tên thắng cảnh, địa điểm, đặc điểm nổi bật.
Triển khai	Nêu những thông tin đặc sắc về thắng cảnh. Ví dụ: – Vịnh Hạ Long bao gồm gần 2 000 hòn đảo lớn nhỏ với nhiều hang động. – Đảo Ngọc – Phú Quốc là thiên đường du lịch của miền nhiệt đới với những hòn đảo xa đầy bí ẩn, những khu rừng xanh mướt,…
Kết thúc	– Khẳng định giá trị và sức hấp dẫn của thắng cảnh. – Mời gọi bạn bè quốc tế đến tham quan.

Em có thể:
- Dùng thêm tranh ảnh hoặc đoạn phim ngắn để thuyết minh.
- Thể hiện sự tự hào về cảnh đẹp đất nước qua giọng nói.
- Ghi lại những điều thú vị trong bài trình bày của bạn.

3. Trao đổi, góp ý.

Giới thiệu được các thông tin thú vị. | Sử dụng những từ ngữ miêu tả gây ấn tượng. | ❁

Tìm đọc sách báo hoặc xem video về những miền đất xa xôi mà con người ít có cơ hội đặt chân đến (Nam Cực, Bắc Cực, sa mạc,…).

NÓI VÀ NGHE

NHỮNG Ý KIẾN KHÁC BIỆT

Yêu cầu: Thảo luận về một sự việc có nhiều ý kiến khác biệt.

1. Chuẩn bị.
- Lựa chọn một sự việc gần gũi với học sinh, có nhiều ý kiến khác biệt để thảo luận. Ví dụ: học sinh giữ tiền riêng để tiêu, học sinh mặc đồng phục khi đi học,…
- Tìm hiểu và ghi chép những thông tin liên quan đến nội dung thảo luận.

G:

Ý kiến tán thành việc học sinh giữ tiền riêng để tiêu	Ý kiến phản đối việc học sinh giữ tiền riêng để tiêu
– Học sinh có thể tự mua đồ ăn, nước uống hoặc đồ dùng học tập. – Học sinh sớm học được cách chi tiêu và cách quản lí tiền. – Học sinh hiểu được giá trị của đồng tiền và trân trọng công sức lao động của bố mẹ. – ❁	– Học sinh có thể quan tâm nhiều đến việc tiêu tiền, hình thành thói quen tiêu xài hoang phí. – Học sinh có thể bắt chước nhau, đòi cha mẹ cho tiền để tiêu vào những việc không cần thiết. – ❁

2. Thảo luận.
- Các thành viên phát biểu ý kiến đã chuẩn bị, trả lời câu hỏi của các bạn.
- Khi nghe bạn trình bày, cần ghi chép những thông tin đáng chú ý. Có thể nêu ý kiến đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ tôn trọng sự khác biệt.
- Người điều hành tóm tắt nội dung thảo luận. Nêu những điểm đã thống nhất và những điểm còn khác biệt giữa các thành viên.

3. Đánh giá.
- Nhận xét về các ý kiến phát biểu, tiến trình thảo luận,…
- Bình chọn người tham gia thảo luận tích cực và có ý kiến hay.

Kể lại câu chuyện *Khu rừng của Mát* cho người thân nghe và chia sẻ cảm nghĩ của em về câu chuyện.

Tạo cơ hội cho HS tham gia những hoạt động giao tiếp tự nhiên.

2 ***Các bài học kết nối với nhau theo chủ điểm, tạo điều kiện cho việc tích hợp hiệu quả nội dung của các hoạt động đọc, viết, nói và nghe.***

ĐỌC: Các bài đọc viết về thế giới tuổi thơ (những kỉ niệm của tuổi thơ, tình cảm đối với bạn bè, thầy cô, những hoạt động được các em yêu thích,…)

VIẾT: Tìm hiểu và luyện viết bài văn kể chuyện với những chi tiết sáng tạo (được phát huy trí tưởng tượng, được sáng tạo thêm chi tiết cho câu chuyện theo tưởng tượng của mỗi em).

NÓI VÀ NGHE: Chia sẻ về những câu chuyện thú vị, biết chỉ ra những chi tiết mình thấy hấp dẫn; được giới thiệu về những điểm vui chơi lí thú dành cho trẻ em,…

2

Các bài học kết nối với nhau theo chủ điểm, tạo điều kiện cho việc tích hợp hiệu quả nội dung của các hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

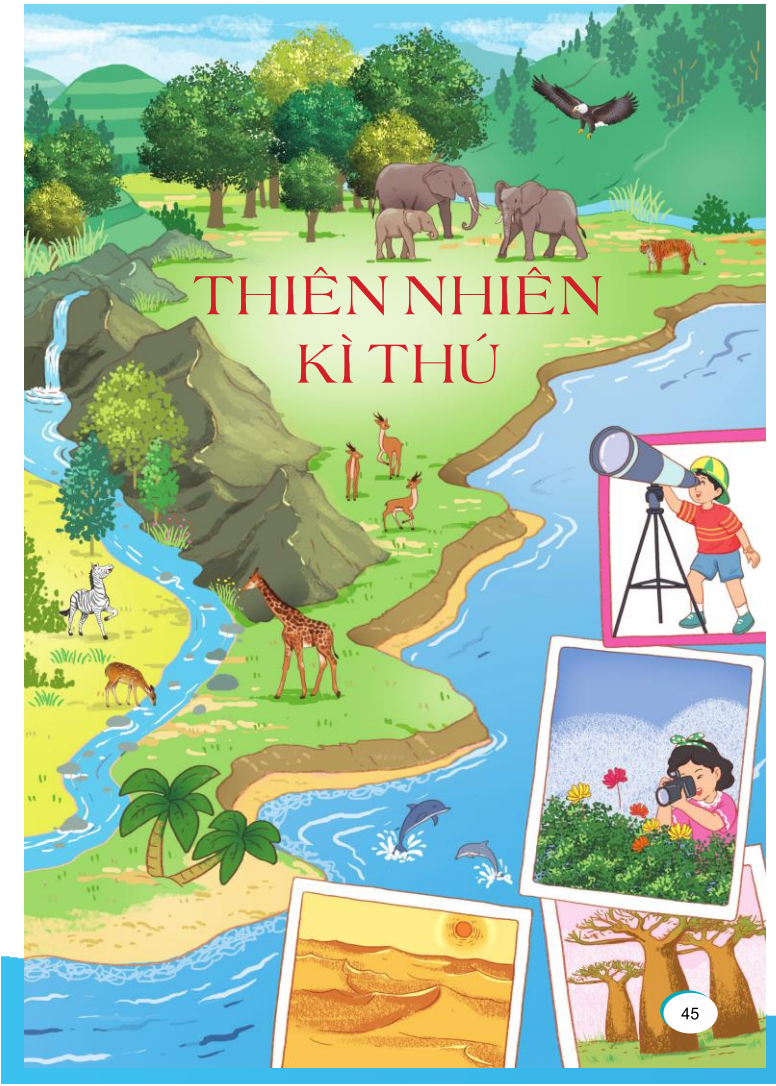

ĐỌC: Các bài đọc gợi ra những sự vật, hiện tượng thiên nhiên đặc sắc, kì lạ, thú vị, giúp các em mở rộng hiểu biết, yêu hơn thiên nhiên, có ý thức bảo vệ thiên nhiên,…

VIẾT: Tìm hiểu và luyện viết bài văn miêu tả phong cảnh, giúp các em biết quan sát cảnh vật, biết tìm từ ngữ, câu văn để tái hiện bằng lời văn, bằng tình cảm, cảm xúc của mình.

NÓI VÀ NGHE: Thảo luận về việc bảo tồn động vật hoang dã, giới thiệu cảnh đẹp thiên nhiên của quê hương hoặc danh lam thắng cảnh của đất nước,…

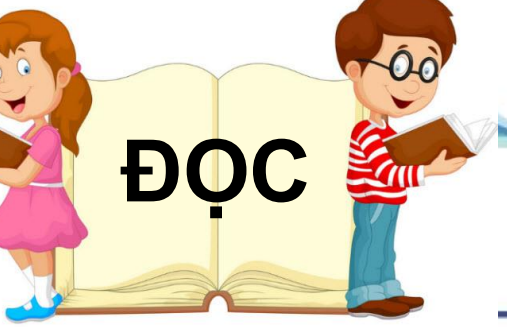

ĐỌC

Chú trọng tích hợp nội dung đọc và viết trong một bài học hoặc trong một chủ điểm.

Bài 15

BÀI CA VỀ MẶT TRỜI

ĐỌC

Chia sẻ với bạn suy nghĩ, cảm xúc của em về cảnh mặt trời mọc hoặc mặt trời lặn.

BÀI CA VỀ MẶT TRỜI

Không hiểu sao, tôi thức dậy rất sớm. Sương mù như tấm khăn voan mỏng màu sữa bay la đà trên những khóm cây quanh vườn, trùm lấp một khoảng sân. Tôi chợt nhận ra, trên những ngọn cau cao, chim sẻ thi nhau cất tiếng hót. Tôi lắng tai nghe. Dàn đồng ca chim sẻ khi bổng khi trầm, khi nhanh khi chậm, xôn xao vòm không gian. Chúng đang hát về cái gì vậy? Tôi không thể biết được. Nhưng rõ ràng là chúng đã trông thấy một cái gì đó mà tôi không thể cùng trông thấy được.

Tôi ngước nhìn về phương đông, sau vòm cây xanh thẫm bỗng nhô lên nửa vành mũ màu đỏ. Chiếc mũ đỏ to lớn nhô dần lên trên nền trời buổi sớm. Cuối cùng chiếc mũ đỏ bay lên khỏi vòm cây. Đấy là vầng mặt trời. Vầng mặt trời giống một chiếc mâm đồng đỏ bay từ từ chiếm lĩnh nền trời xa, rộng. Chim sẻ càng cất cao giọng, chiếc mâm đồng đỏ càng nhích dần lên.

Vầng mặt trời đã lên từ bao giờ? Chắc là nó đã nhô lên khỏi mặt biển trước khi nhô lên khỏi vòm cây. Trái tim tôi bỗng vang lên một bài ca hoà với bài ca của những con chim sẻ trên trời cao. Bài ca về mặt trời.

Mâm đồng đỏ. Mâm đồng đỏ
Suốt đêm tắm biển
Làm nước biển sôi
Ngày trở về trời
Mâm đồng không nguội
Mâm đồng đỏ chói.
Mặt trời. Mặt trời…

(*Theo* Nguyễn Trọng Tạo)

1. Đàn chim sẻ làm gì khiến nhân vật "tôi" chú ý? Nhân vật "tôi" nghĩ gì về chuyện đó?
2. Cảnh mặt trời mọc được miêu tả như thế nào?
3. Vì sao nhân vật "tôi" liên tưởng mặt trời như chiếc mũ đỏ rồi lại như chiếc mâm đồng đỏ?
4. Khi phát hiện ra vầng mặt trời như chiếc mâm đồng đỏ, cảm xúc của nhân vật "tôi" như thế nào? Em suy nghĩ gì về bài hát của nhân vật "tôi"?
5. Khi đọc đoạn văn tả mặt trời mọc, có hai bạn nhỏ đã nêu ý kiến như dưới đây. Em thích ý kiến của bạn nào hoặc có ý kiến nào khác? Vì sao?

Cảnh mặt trời mọc giống như một thước phim quay chậm. Vầng mặt trời chậm rãi xuất hiện, như một nghệ sĩ muốn màn mở đầu của mình phải thật đặc biệt để mang lại cảm xúc vỡ oà cho khán giả.

(Ngọc Minh)

Cảnh mặt trời mọc giống màn ảo thuật mà khán giả hồi hộp mong chờ. Khi mặt trời xuất hiện, bí mật được khám phá, "sân khấu" bầu trời sáng bừng rạng rỡ trong niềm vui của tất cả mọi người.

(Việt Phương)

VIẾT

Chú trọng tích hợp nội dung đọc và viết trong một bài học hoặc trong một chủ điểm.

3. Nghĩa nào của từ *cứng* dưới đây là nghĩa chuyển? Đặt 1 câu với từ *cứng* mang nghĩa chuyển.

Có khả năng chịu đựng tác động lực lớn mà không bị biến dạng. (M: *Lớp vỏ rất cứng.*)

Thiếu sự uyển chuyển, sinh động trong cử động, động tác. (M: *Động tác múa rất cứng.*)

VIẾT

VIẾT ĐOẠN VĂN TẢ PHONG CẢNH

1. Đọc các đoạn văn dưới đây và trả lời câu hỏi.

a. Trong rừng trúc có một con suối nhỏ, nước rất trong. Suối chảy lững lờ, làm những sợi rêu xanh bám vào những tảng đá xám hai bên bờ nhảy múa nhịp nhàng. Ở giữa dòng, một bầy cá nhỏ chỉ bằng ngón tay út ve vẩy vây và đuôi, miệng khẽ há ra, lặng lẽ bơi đứng. Gần như không có một tiếng động nào báo hiệu sự có mặt của con suối ở quãng rừng có lẽ là đầu nguồn này. Bên kia suối, đã thấy những chiếc măng trúc non bị nhím ăn dở, chân chúng in lỗ chỗ như vết chân chuột. Những cây trúc vàng óng, vút cao, đã bắt đầu trổ hoa. Hoa trúc cứng và vàng, không có hương vị gì, vậy mà đâu đó, vẫn thoảng một mùi thơm nhẹ nhõm, xa ngái,…

(*Theo* Trần Nhuận Minh)

– Đoạn văn tả phong cảnh gì?

– Tác giả quan sát, cảm nhận vẻ đẹp của phong cảnh bằng những giác quan nào?

– Phong cảnh được miêu tả theo trình tự thời gian hay không gian?

b. Biển luôn thay đổi màu tuỳ theo sắc mây trời. Trời xanh thẳm, biển cũng thẳm xanh như dâng cao lên, chắc nịch. Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương. Trời âm u mây mưa, biển xám xịt nặng nề. Trời ầm ầm dông gió, biển đục ngầu, giận dữ,… Như một con người biết buồn vui, biển lúc tẻ nhạt, lạnh lùng, lúc sôi nổi, hả hê, lúc đăm chiêu, gắt gỏng. Biển nhiều khi rất đẹp, ai cũng thấy như thế. Nhưng có một điều ít ai chú ý là: vẻ đẹp của biển, vẻ đẹp kì diệu muôn màu muôn sắc ấy phần rất lớn là do mây, trời và ánh sáng tạo nên.

(*Theo* Vũ Tú Nam)

– Tìm câu chủ đề của đoạn văn.

– Theo em, tác giả đã quan sát biển, trời vào những thời điểm nào?

– Tìm và nêu tác dụng của hình ảnh so sánh và nhân hoá trong đoạn văn.

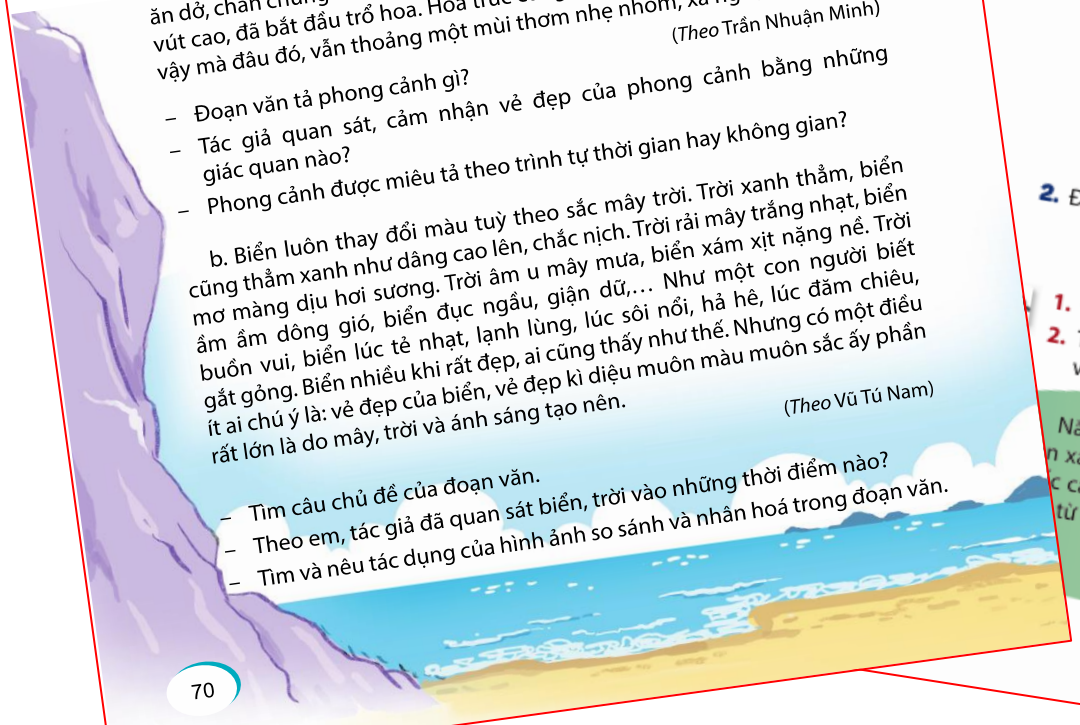

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH

Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:

Đề 1: Tả một cảnh sông nước (sông, suối,…) ở quê hương em hoặc ở nơi gia đình em sinh sống.

Đề 2: Tả một cảnh biển đảo em đã được thấy tận mắt hoặc xem trên phim ảnh.

1. Dựa vào dàn ý đã lập trong hoạt động Viết ở Bài 14, viết bài văn theo yêu cầu của đề bài.

Lưu ý:

– Trình bày rõ 3 phần mở bài, thân bài, kết bài.

– Tả kĩ hơn những sự vật, hiện tượng đặc sắc, làm nên vẻ đẹp riêng cho phong cảnh được miêu tả.

– Lựa chọn từ ngữ có sức gợi tả để làm nổi bật đặc điểm của sự vật, hiện tượng; kết hợp sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá,… để lời văn sinh động, có sức cuốn hút đối với người đọc.

M:

Con sông Nậm Khan làm duyên nũng nịu, uốn mình một quãng rồi mới chịu hoà vào sông Mê Kông.

(*Theo* Tô Hoài)

Màn sương biến mất. Khuôn mặt dòng sông lộ ra ửng hồng, tươi rói như khuôn mặt của em bé vừa ra khỏi chiếc chăn ấm.

(Kim Viên)

2. Đọc soát và chỉnh sửa.

Bố cục bài văn	Trình tự miêu tả	

1. Đọc bài văn của em cho người thân nghe và tiếp thu góp ý.

2. Tìm đọc đoạn văn, bài văn tả cảnh miền núi, trung du, đồng bằng,… và chép lại những câu văn hay.

Nắng bốc hương hoa tràm thơm ngây ngất. Gió đưa mùi hương ngọt n xa, phảng phất khắp rừng. Mấy con kì nhông nằm phơi lưng trên c cây mục, sắc da luôn luôn biến đổi từ xanh hoá vàng, từ vàng hoá từ đỏ hoá tím xanh…

(Đoàn Giỏi)

Tích hợp đọc, viết, nói, nghe trong môn Tiếng Việt và tích hợp Tiếng Việt với các môn học và hoạt động giáo dục khác.

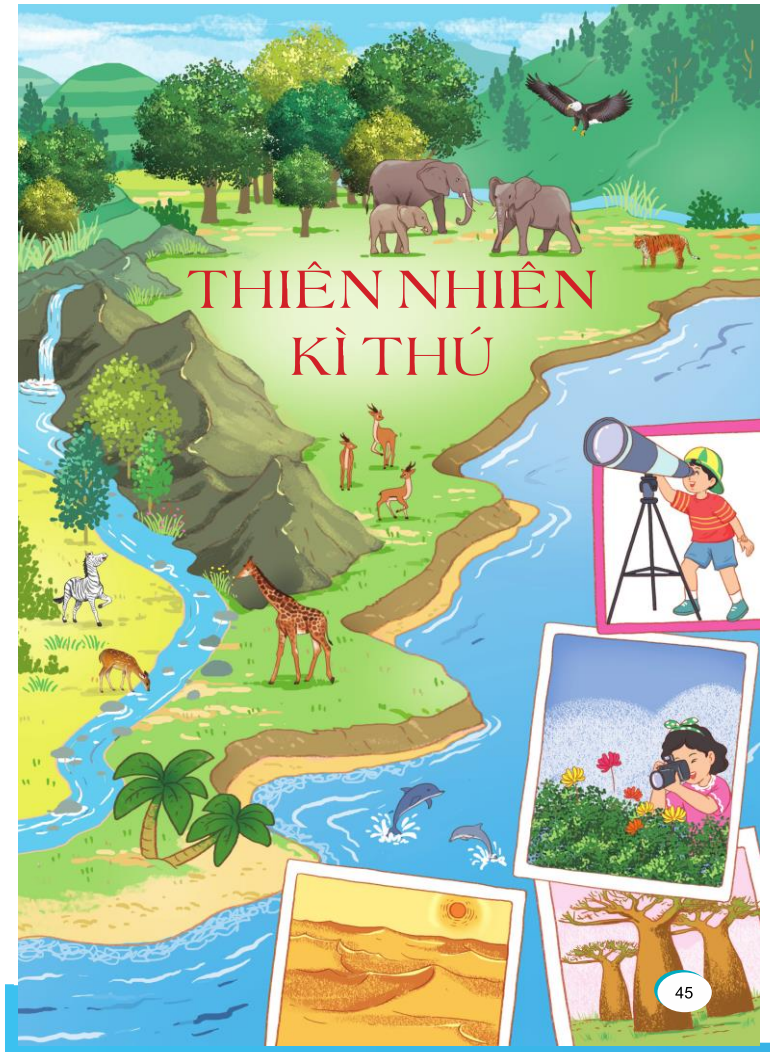

ĐỌC: Các bài đọc gợi ra những sự vật, hiện tượng thiên nhiên đặc sắc, kì lạ, thú vị, giúp các em mở rộng hiểu biết, yêu hơn thiên nhiên, có ý thức bảo vệ thiên nhiên,…

VIẾT: Tìm hiểu và luyện viết bài văn miêu tả phong cảnh, giúp các em biết quan sát cảnh vật, biết tìm từ ngữ, câu văn để tái hiện bằng lời văn, bằng tình cảm, cảm xúc của mình.

NÓI VÀ NGHE: Thảo luận về việc bảo tồn động vật hoang dã, giới thiệu cảnh đẹp thiên nhiên của quê hương hoặc danh lam thắng cảnh của đất nước,…

Tích hợp đọc, viết, nói, nghe trong môn Tiếng Việt và tích hợp Tiếng Việt với các môn học và hoạt động giáo dục khác.

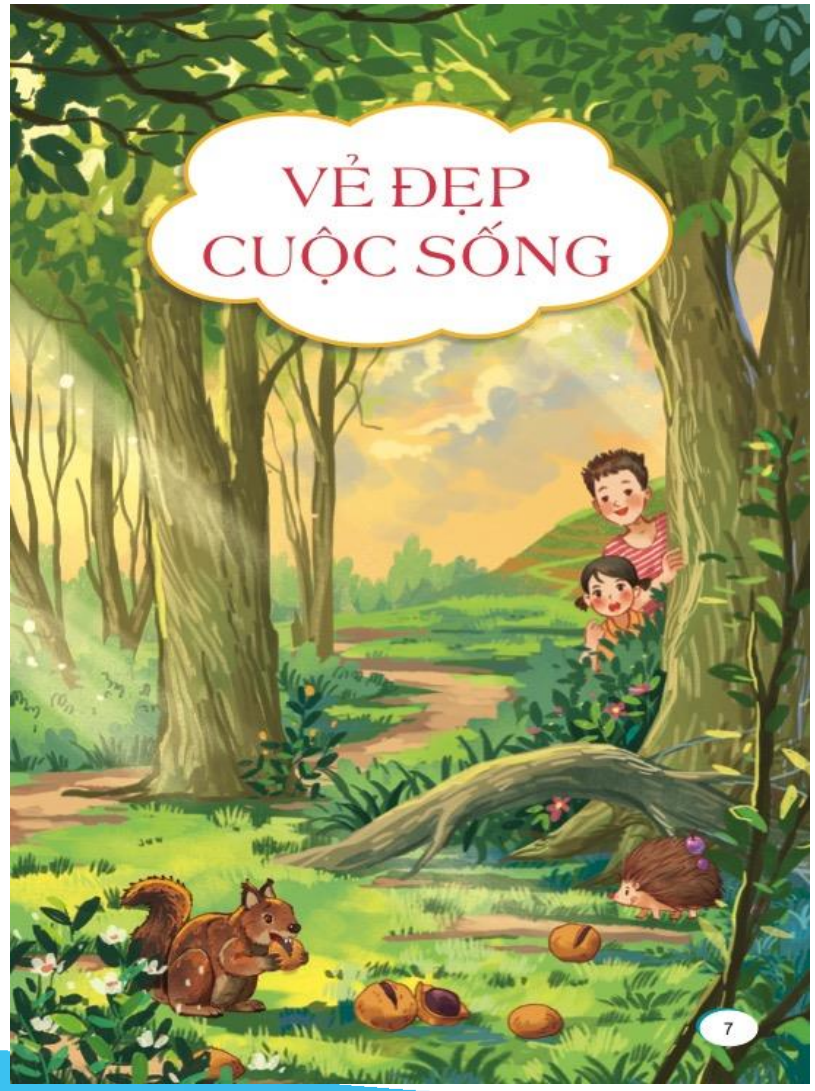

ĐỌC: Các bài đọc về những vẻ đẹp bình dị trong cuộc sống thường ngày (vẻ đẹp trong tình cảm, suy nghĩ, hành động, việc làm,…) của những người quanh ta.

VIẾT: Tìm hiểu và luyện viết bài văn tả người, giúp các em biết quan sát và cảm nhận vẻ đẹp riêng của mỗi người và ghi lại bằng lời văn, bằng tình cảm, cảm xúc của mình dành cho những người mà mình yêu quý hoặc có ấn tượng sâu sắc.

NÓI VÀ NGHE: Thảo luận về nét đẹp học đường, biết bày tỏ ý kiến nhận xét về những cử chỉ, hành động, việc làm tốt hoặc chưa tốt; biết tôn trọng ý kiến khác biệt,…

3 ***Dạy kiến thức tiếng Việt theo quan điểm chức năng; các khái niệm được giải thích một cách đơn giản, dễ hiểu; chú trọng đến nghĩa và cách dùng của các đơn vị ngôn ngữ.***

Định hướng đổi mới quan điểm dạy học kiến thức tiếng Việt này phù hợp với việc đổi mới mục tiêu của CT: chuyển từ mục tiêu chú trọng cung cấp kiến thức sang mục tiêu giúp người học phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực. Cách dạy học trong sách *Tiếng Việt 5* giúp "giảm tải" nội dung bài học, tăng cường hiệu quả ứng dụng các kiến thức tiếng Việt vào hoạt động thực hành.

2. CẤU TRÚC SÁCH VÀ CẤU TRÚC BÀI HỌC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

CẤU TRÚC SÁCH

TẬP MỘT CÓ 4 CHỦ ĐIỂM

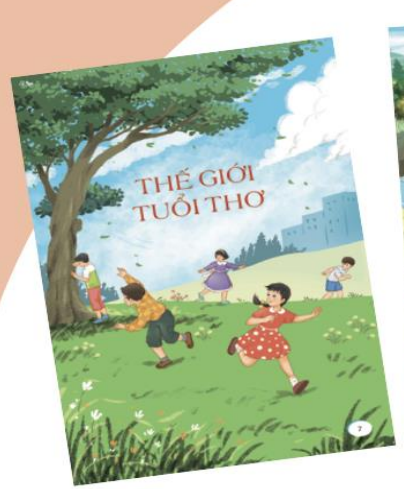

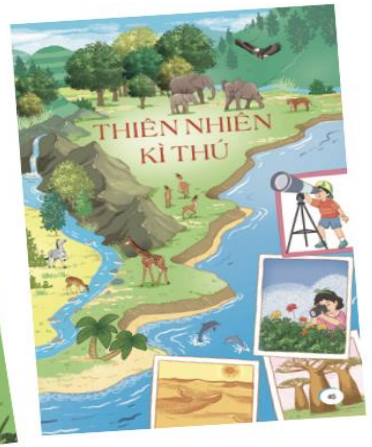

TẬP HAI CÓ 4 CHỦ ĐIỂM

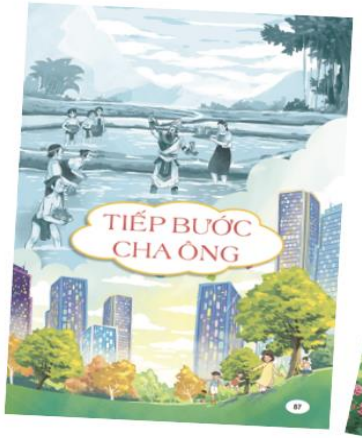

CẤU TRÚC SÁCH

TẬP MỘT

- *Thế giới tuổi thơ*
- *Thiên nhiên kì thú*
- *Trên con đường học tập*
- *Nghệ thuật muôn màu*

TẬP HAI

- *Vẻ đẹp cuộc sống*
- *Hương sắc trăm miền*
- *Tiếp bước cha ông*
- *Thế giới của chúng ta*

• **Chủ điểm Tập 1** giúp HS cảm nhận cuộc sống của lứa tuổi các em, khám phá những điều kì thú của thiên nhiên, có được những trải nghiệm về con đường học tập, những cảm xúc sâu lắng về thế giới nghệ thuật phong phú,…

• **Chủ điểm Tập 2** giúp HS biết trân trọng những vẻ đẹp bình dị trong cuộc sống, tự hào về cảnh sắc, sản vật của các miền đất nước, về truyền thống tốt đẹp mà dân tộc ta đã bao đời gìn giữ, gây dựng,… Chủ điểm cuối mở cánh cửa để HS nhìn ra thế giới rộng lớn.

CẤU TRÚC SÁCH

18 tuần

- **16** tuần – **32** bài (**4 chủ điểm**)
- **1** tuần ôn giữa kì
- **1** tuần ôn cuối kì

17 tuần

- **15** tuần – **30** bài (**4 chủ điểm**)
- **1** tuần ôn giữa kì
- **1** tuần ôn cuối kì

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

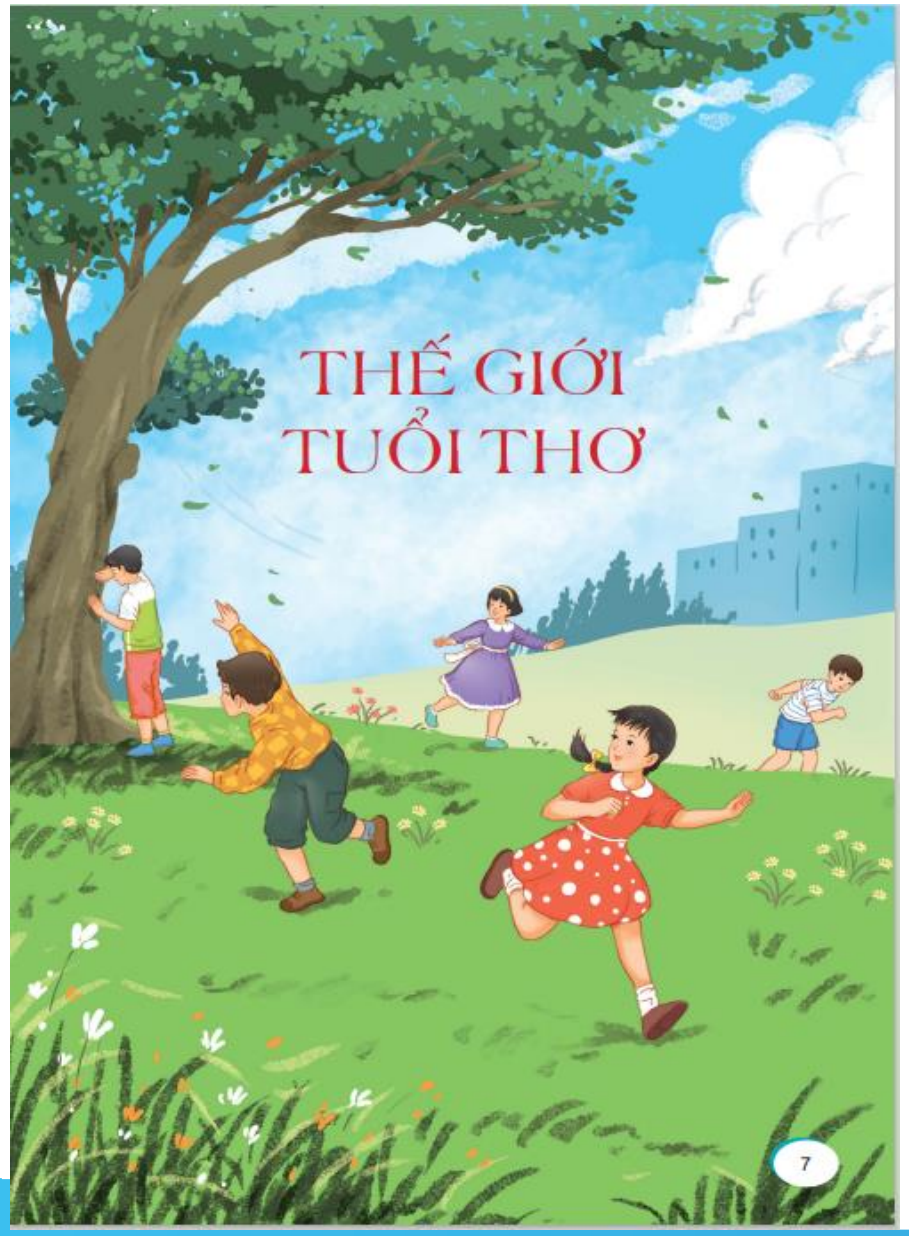

CHỦ ĐIỂM 1

1. Thanh âm của gió
2. Cánh đồng hoa
3. Tuổi Ngựa
4. Bến sông tuổi thơ
5. Tiếng hạt nảy mầm
6. Ngôi sao sân cỏ
7. Bộ sưu tập độc đáo
8. Hành tinh kì lạ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

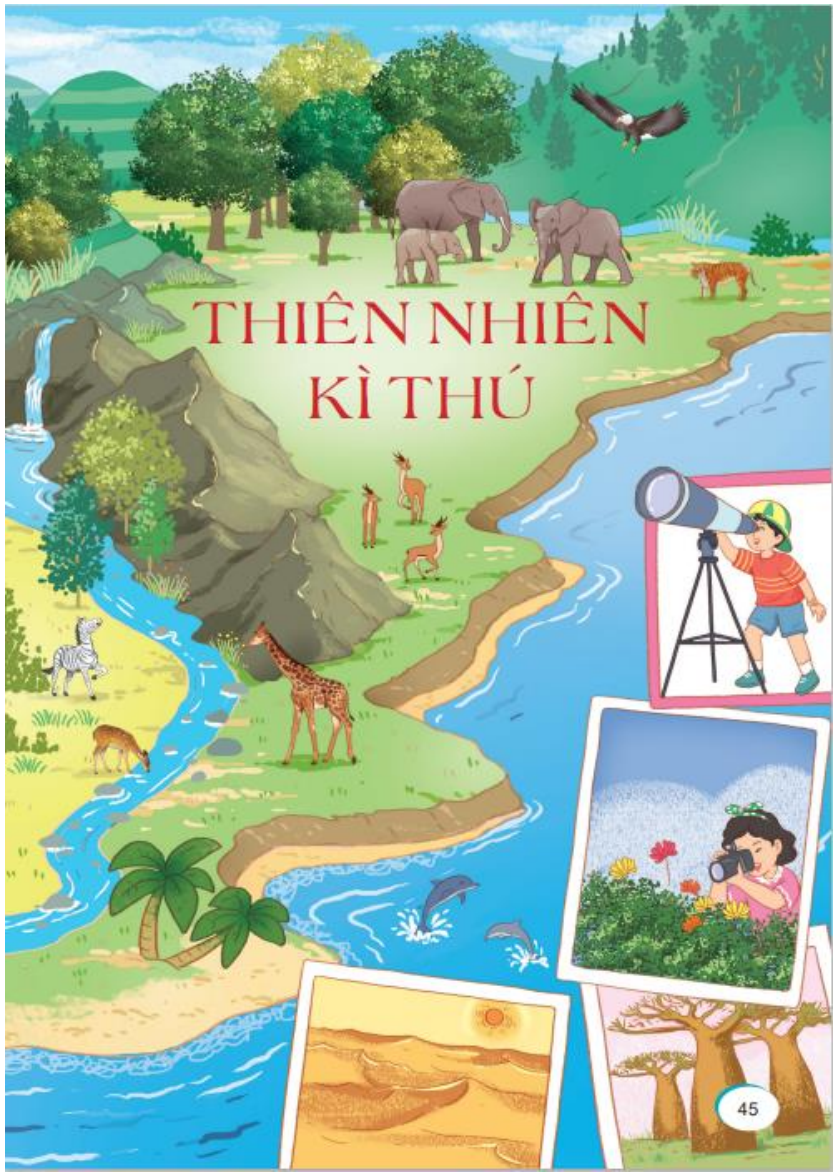

CHỦ ĐIỂM 2

1. Trước cổng trời
2. Kì diệu rừng xanh
3. Hang Sơn Đoòng – những điều kì thú
4. Những hòn đảo trên vịnh Hạ Long
5. Mầm non
6. Những ngọn núi nóng rẫy
7. Bài ca về mặt trời
8. Xin chào, Xa-ha-ra

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

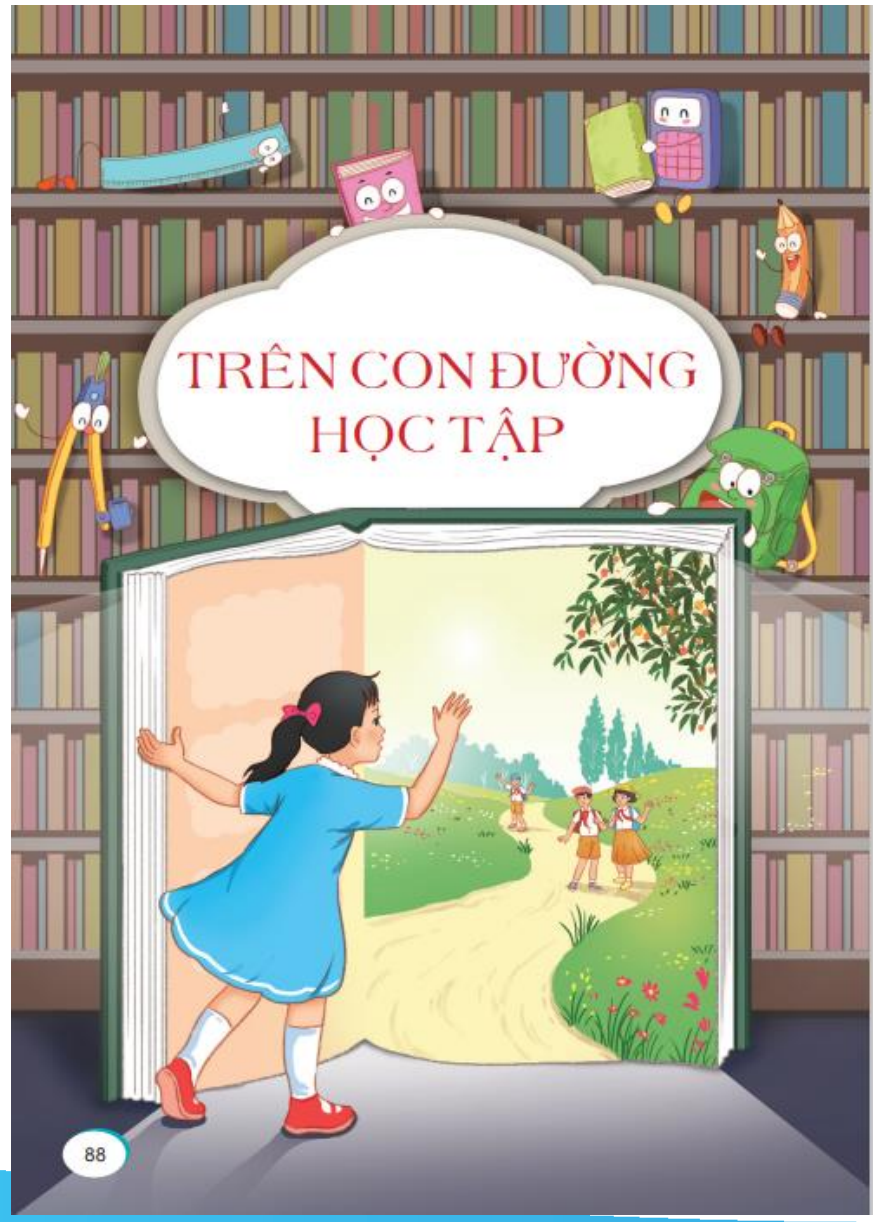

CHỦ ĐIỂM 3

1. Thư gửi các học sinh
2. Tấm gương tự học
3. Trải nghiệm để sáng tạo
4. Khổ luyện thành tài
5. Thế giới trong trang sách
6. Từ những câu chuyện ấu thơ
7. Giới thiệu sách *Dế Mèn phiêu lưu kí*
8. Tinh thần học tập của nhà Phi-lít

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

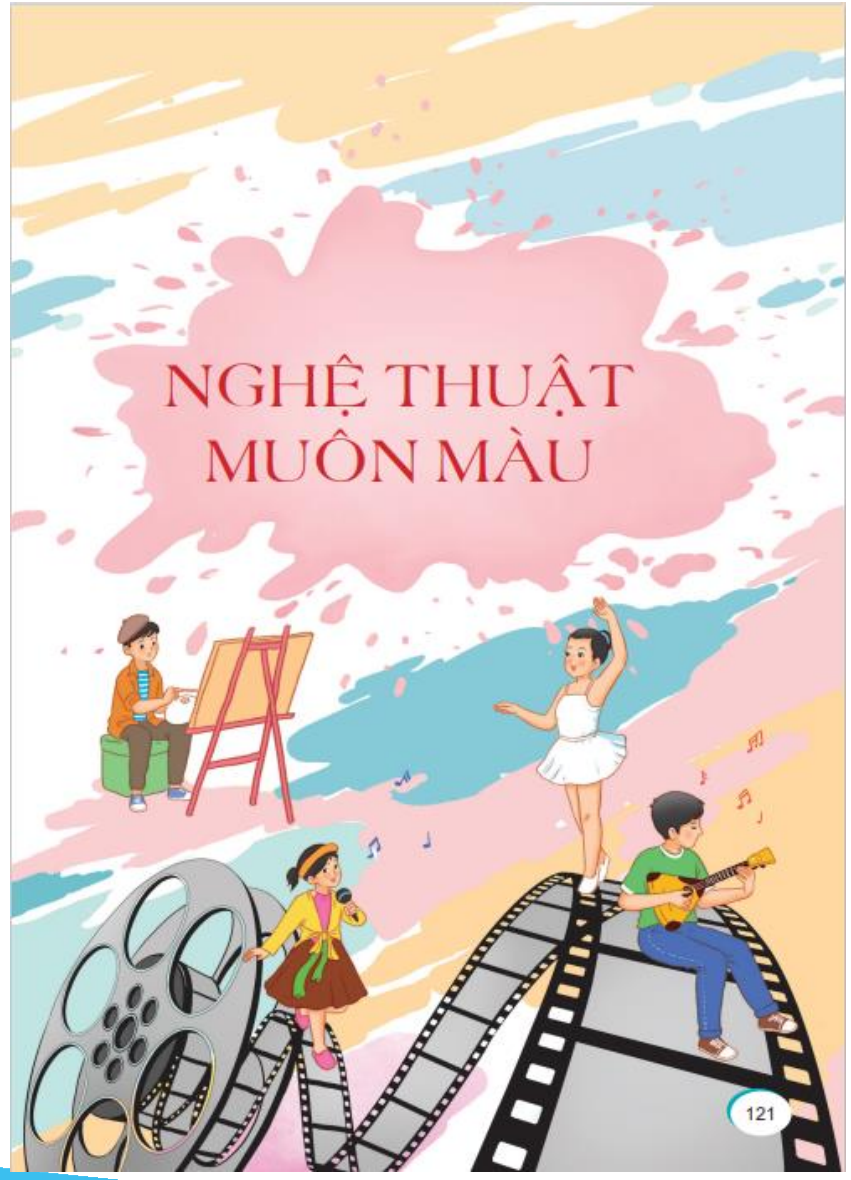

CHỦ ĐIỂM 4

1. Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên sông Đà
2. Trí tưởng tượng phong phú
3. Tranh làng Hồ
4. Tập hát quan họ
5. Phim hoạt hình *Chú ốc sên bay*
6. Nghệ thuật múa ba lê
7. Một ngôi chùa độc đáo
8. Sự tích chú Tễu

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

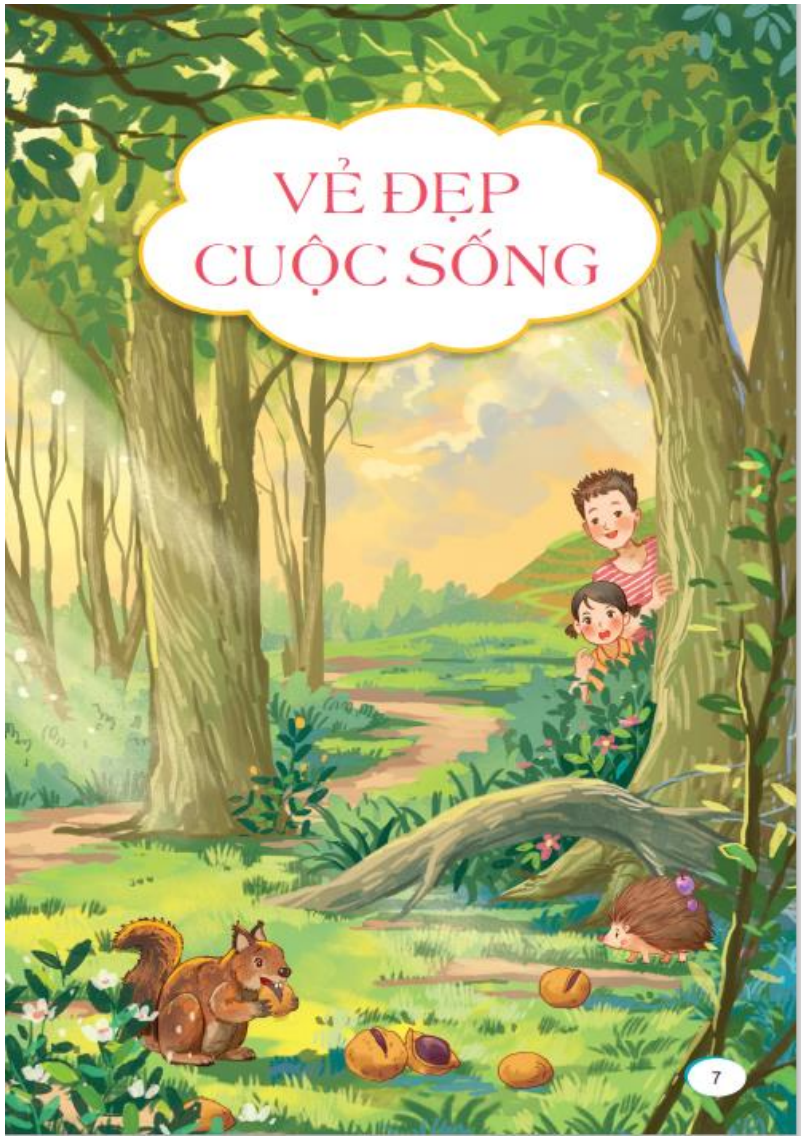

CHỦ ĐIỂM 5

1. Tiếng hát của người đá
2. Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ
3. Hạt gạo làng ta
4. Hộp quà màu thiên thanh
5. Giỏ hoa tháng Năm
6. Thư của bố
7. Đoàn thuyền đánh cá
8. Khu rừng của Mát

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

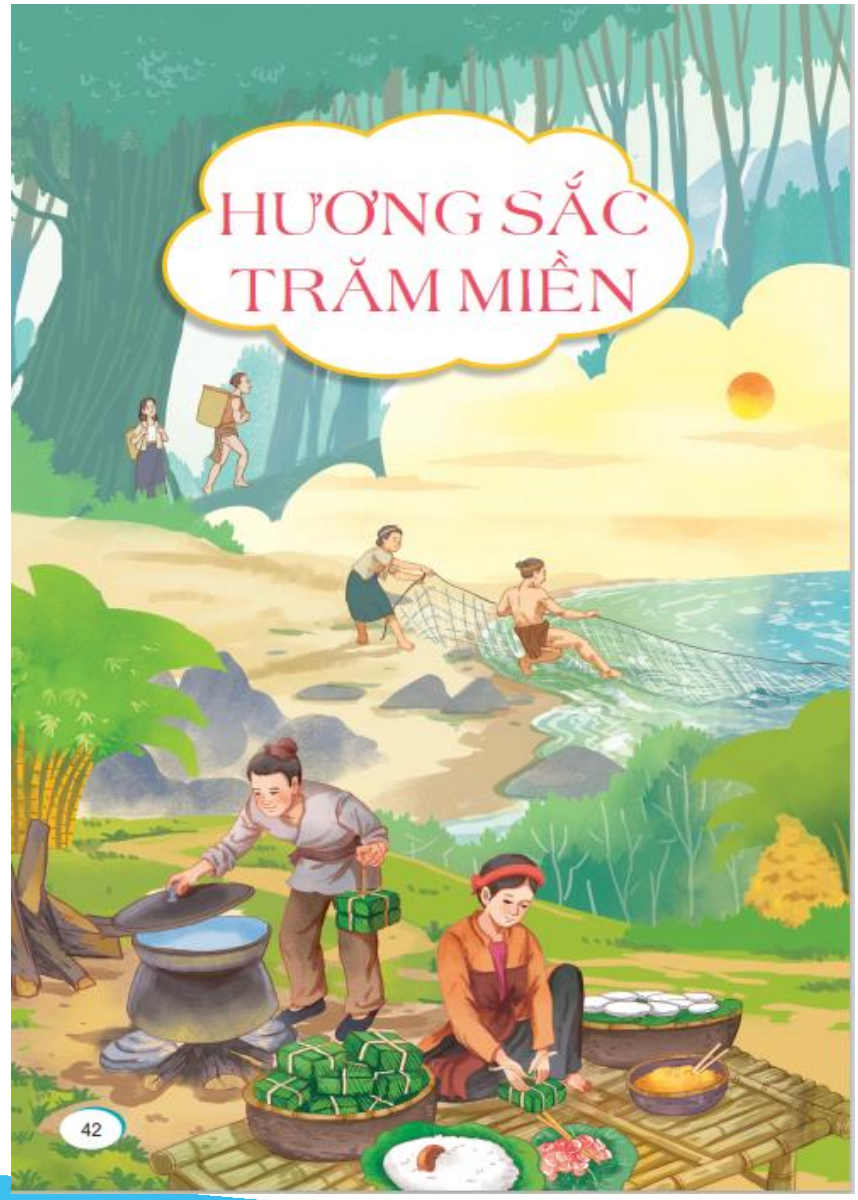

CHỦ ĐIỂM 6

1. Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân
2. Những búp chè trên cây cổ thụ
3. Hương cốm mùa thu
4. Vũ điệu trên nền thổ cẩm
5. Đàn t'rưng – tiếng ca đại ngàn
6. Đường quê Đồng Tháp Mười
7. Xuồng ba lá quê tôi
8. Về thăm Đất Mũi

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

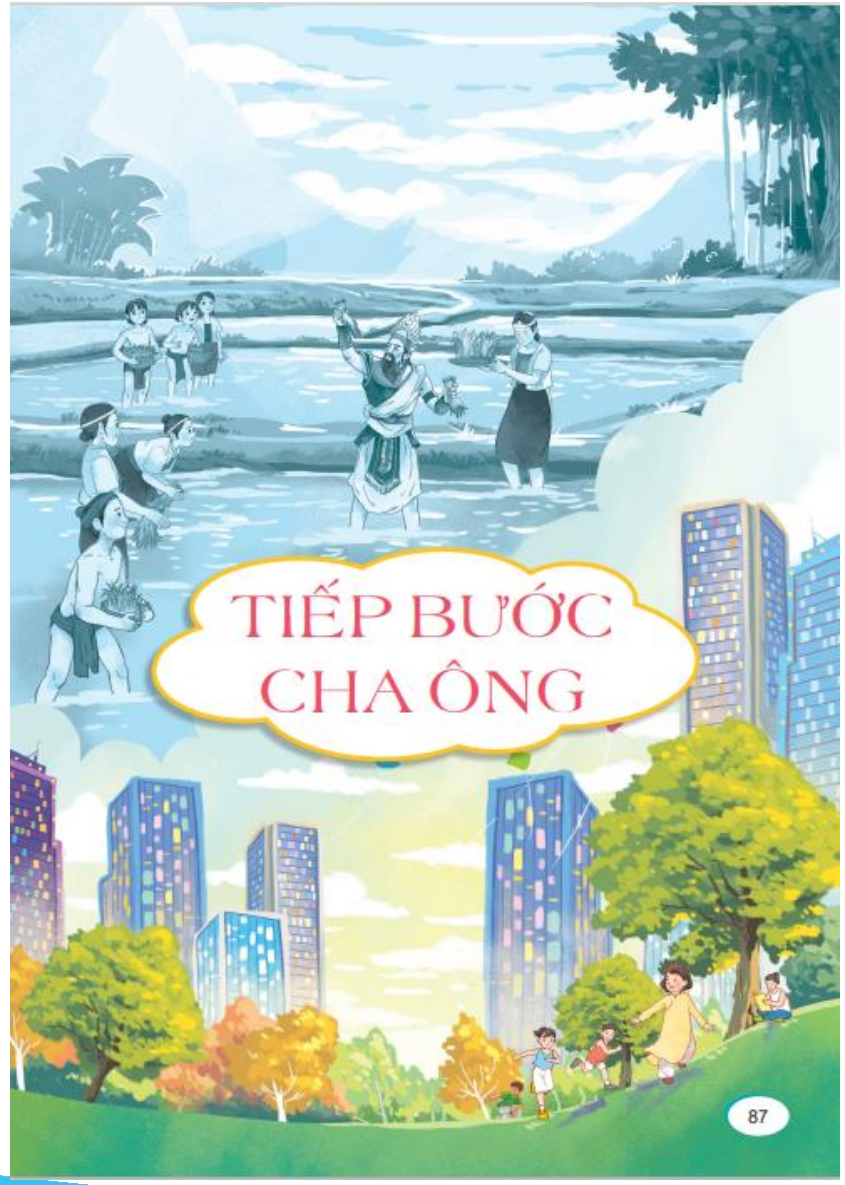

CHỦ ĐIỂM 7

1. Nghìn năm văn hiến
2. Người thầy của muôn đời
3. Danh y Tuệ Tĩnh
4. Cụ Đồ Chiểu
5. Anh hùng Lao động Trần Đại Nghĩa
6. Bộ đội về làng
7. Về ngôi nhà đang xây
8. Việt Nam quê hương ta

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

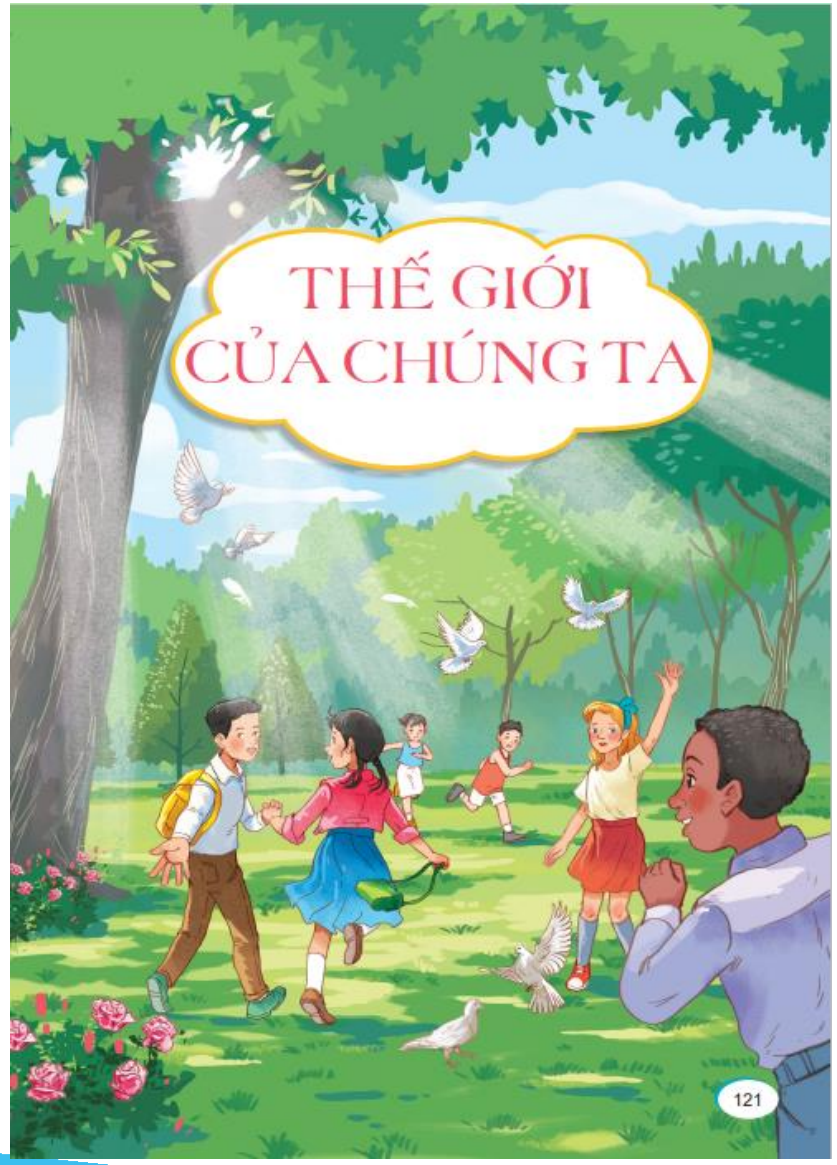

CHỦ ĐIỂM 8

1. Bài ca trái đất
2. Những con hạc giấy
3. Một người hùng thầm lặng
4. Giờ Trái Đất
5. Điện thoại di động
6. Thành phố thông minh Mát-xđa

THỐNG KÊ VỀ NGỮ LIỆU THEO KIỂU LOẠI VĂN BẢN

Ngữ liệu trong *Tiếng Việt 5* có tổng số 62 văn bản (chưa tính các văn bản trong các phần ôn tập giữa kì, cuối kì và cuối năm học); gồm văn bản văn học và văn bản thông tin, phân bổ cụ thể như sau:

- 17 văn bản thơ
- 1 văn bản kịch
- 28 văn bản truyện và các thể loại (văn xuôi) văn học khác (miêu tả, tản văn,…)
- 16 văn bản thông tin

• Hệ thống ngữ liệu tươi mới, trong sáng, giàu hình ảnh, giàu cảm xúc, phù hợp tâm lí tiếp nhận của HS lớp 5.

• Hầu hết ở các bài đọc, nhân vật trung tâm chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc là trẻ em.

- Phát triển các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.
- Phát triển cá tính lành mạnh, tư duy độc lập.
- Bồi dưỡng tình yêu gia đình, bạn bè, thầy cô; tình yêu thiên nhiên; tình yêu quê hương, đất nước, đồng loại…

CẤU TRÚC BÀI HỌC

1 TUẦN

Bài 3 tiết

- Đọc (1 tiết)
- Luyện từ và câu (1 tiết)
- Viết (1 tiết)

Bài 4 tiết

- Đọc và Luyện tập theo VB đọc (2 tiết)
- Viết (1 tiết)
- Nói và nghe/ Đọc mở rộng (1 tiết)

Cuối mỗi bài (3 tiết và 4 tiết) đều có hoạt động Vận dụng.

CÁC HOẠT ĐỘNG TRONG MỘT BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG

2. KHÁM PHÁ – LUYỆN TẬP – THỰC HÀNH

3. VẬN DỤNG

Hoạt động Vận dụng yêu cầu HS thực hành ngoài giờ lên lớp, thường là kể, chia sẻ với người thân về một nội dung đã học hoặc cùng người thân phối hợp thực hiện một công việc có liên quan đến vận dụng bài học vào đời sống hằng ngày.

ĐỌC

Bài đọc học trong 1 tiết thuộc bài học mở đầu của mỗi tuần (bài số lẻ).

Bài 11

HANG SƠN ĐOÒNG – NHỮNG ĐIỀU KÌ THÚ

ĐỌC

Em biết những điều gì về hang Sơn Đoòng?

HANG SƠN ĐOÒNG – NHỮNG ĐIỀU KÌ THÚ

Hang Sơn Đoòng (Quảng Bình) được coi là một trong những tác phẩm tuyệt vời nhất của tạo hoá.

Sơn Đoòng được xác định có niên đại tới 5 triệu năm tuổi.

Hang Sơn Đoòng được hình thành từ một vết đứt gãy của dãy Trường Sơn, bị dòng nước sông Rào Thương bào mòn liên tục trong một khoảng thời gian dài (từ 2 đến 5 triệu năm). Quá trình đó đã tạo nên một "lỗ hổng khổng lồ" ngay dưới mặt đất.

Sơn Đoòng là hang động tự nhiên lớn nhất thế giới.

Theo ước tính, hang động này có chiều dài lên tới 9 ki-lô-mét, thể tích 38,5 triệu mét khối. Nó có thể chứa tới 68 máy bay cỡ lớn Bô-inh 777 hoặc cả một khu phố sầm uất với những toà nhà cao 40 tầng.

Sơn Đoòng sở hữu hệ sinh thái đặc biệt.

Trong hang Sơn Đoòng, có một khu rừng nguyên sinh tuyệt đẹp với thảm thực vật phong phú, khác lạ. Cây cối ở đây khá mỏng manh, dù là cây thân gỗ. Sơn Đoòng còn là nơi trú ngụ của nhiều loài động vật, trong đó có một số loài cá, nhện, cuốn chiếu, bọ cạp,… với đặc điểm chung là không có mắt và cơ thể trong suốt.

Vẫn còn những điều bí ẩn về hang động lớn nhất hành tinh này chưa được giải mã. Liệu những điều trên có đủ khiến bạn muốn đặt chân tới nơi này một lần trong đời?

(Phan Nguyên *tổng hợp*)

Từ ngữ:

Rừng nguyên sinh: rừng tự nhiên chưa hoặc ít bị tác động bởi con người, chưa làm thay đổi cấu trúc của rừng.

1. Những câu được in đậm trong văn bản cho biết điều gì?
2. Quá trình hình thành hang Sơn Đoòng được giới thiệu như thế nào?
3. Những chi tiết nào cho thấy hang Sơn Đoòng rất lớn?
4. Nêu những điều đặc biệt của hệ sinh thái trong hang Sơn Đoòng.
5. Tưởng tượng em là hướng dẫn viên du lịch, hãy giới thiệu hang Sơn Đoòng với du khách.

G: Tham khảo những thông tin dưới đây:

SƠN ĐOÒNG

- Năm 2013, được ghi nhận là hang động tự nhiên lớn nhất thế giới.
- Năm 2014, được bình chọn là một trong 52 điểm du lịch hấp dẫn nhất thế giới.
- Năm 2020, được vinh danh là một trong 20 kì quan phá vỡ kỉ lục tự nhiên.

Bài đọc học trong 2 tiết có thêm hoạt động luyện tập theo VB đọc: 2 – 3 BT về từ và câu, ngữ liệu gắn với VB đọc (bài số chẵn).

Bài 12

NHỮNG HÒN ĐẢO TRÊN VỊNH HẠ LONG

ĐỌC

Chia sẻ những điều em biết về vịnh Hạ Long.

NHỮNG HÒN ĐẢO TRÊN VỊNH HẠ LONG

(Trích)

Vịnh Hạ Long là thắng cảnh có một không hai của đất nước ta. Trên một diện tích hẹp, mọc lên hàng nghìn đảo nhấp nhô khuất khúc như rồng chầu, phượng múa.

Đảo có chỗ sừng sững, chạy dài như bức trường thành vững chãi, ngăn khơi với lộng, nối mặt biển với chân trời. Có chỗ đảo dàn ra thưa thớt, hòn này với hòn kia biệt lập, xa trông như quân cờ bày chon von trên mặt biển. Có chỗ đảo quần tụ lại, xúm xít như vạn chài lúc neo thuyền, phơi lưới.

Đảo của Hạ Long không phải là những núi đá buồn tẻ, đơn điệu mà mỗi hòn, mỗi dáng đều thấp thoáng hình ảnh của sự sống. Có hòn trông như đôi gà đang xoè cánh chọi nhau trên mặt nước (hòn Gà Chọi); có hòn bề thế như mái nhà (hòn Mái Nhà); có hòn chông chênh như con cóc ngồi bờ giếng (hòn Con Cóc), có hòn như ông lão trầm tĩnh ngồi câu cá (hòn Ông Lã Vọng),... Có nhiều hang đảo đẹp, như hang Bồ Nâu, hang Đầu Gỗ,... Mỗi hang đảo gắn với một sự tích huyền bí.

Ngắm Hạ Long với trăm nghìn đảo đá sừng sững, ta có cảm giác được chiêm ngưỡng một thế giới sống động đã trải qua hàng triệu năm hoá đá.

(*Theo* Thi Sảnh)

Từ ngữ

- *Trường thành*: bức thành dài và vững chắc.
- *Khơi*: vùng biển xa bờ.
- *Lộng*: vùng biển gần bờ.

1. Tìm câu văn miêu tả bao quát về đảo ở vịnh Hạ Long. Câu văn đó giúp em hình dung được những gì về vịnh Hạ Long?
2. Những hòn đảo ở Hạ Long được tạo hoá xếp đặt thú vị như thế nào? Bằng cách nào, tác giả giúp ta cảm nhận được điều đó?
3. Dựa vào bài đọc, em hãy miêu tả hình dáng một số hòn đảo ở Hạ Long.
4. Khi ngắm đảo ở vịnh Hạ Long, vì sao tác giả có cảm giác được "chiêm ngưỡng một thế giới sống động đã trải qua hàng triệu năm hoá đá"?
5. Chủ đề của bài *Những hòn đảo trên vịnh Hạ Long* là gì? Chọn đáp án đúng.

A. Vẻ đẹp kì thú của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long
B. Sự thơ mộng, huyền bí của sóng nước Hạ Long
C. Sức cuốn hút của thiên nhiên Hạ Long đối với du khách
D. Những cảnh đẹp có một không hai của thiên nhiên

1. Nêu tác dụng của các từ ngữ sau trong việc miêu tả những hòn đảo trên vịnh Hạ Long.

nhấp nhô | sừng sững | thưa thớt | chon von | xúm xít | chông chênh

2. Tìm trong các từ dưới đây những cặp từ đồng nghĩa.

ngắm nhìn | quần tụ | vững chắc | trầm tĩnh | trầm lặng | vững chãi | quây quần | chiêm ngưỡng

3. Đặt câu với 1 cặp từ đồng nghĩa em tìm được ở bài tập 2.

VIẾT

QUAN SÁT PHONG CẢNH

Yêu cầu: Quan sát một cảnh ao hồ, sông suối hoặc biển đảo và ghi lại kết quả quan sát.

1. Chuẩn bị.
   - Lựa chọn phong cảnh để quan sát (cảnh ao, hồ, sông, suối, biển, đảo,...).
   - Lựa chọn cách quan sát (trực tiếp hoặc qua tranh ảnh, video,...).
   - Lựa chọn trình tự quan sát.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

- Luyện từ và câu được phân bổ ở tiết 2 của bài 3 tiết. Ngữ liệu mở (linh hoạt, không phụ thuộc nhiều vào VB đọc).
- Phần Luyện tập theo VB đọc (nửa sau tiết 2 của bài 4 tiết) bổ trợ cho tiết Luyện từ và câu ở bài 3 tiết. Giúp HS củng cố và vận dụng kiến thức về từ và câu qua những ngữ cảnh cụ thể, chân thực (VB đọc).

VIẾT

- Chương trình môn Tiếng Việt lớp 4 và lớp 5 không có yêu cầu viết chính tả. Hoạt động viết tập trung vào yêu cầu viết đoạn, bài (tên gọi cũ: Tập làm văn).
- Tất cả các bài đều có 1 tiết rèn kĩ năng viết đoạn văn, bài văn. Cách phân bổ thời gian như vậy cho thấy *Tiếng Việt 5* thống nhất với các lớp dưới, tiếp tục quan tâm đặc biệt đến mục tiêu phát triển kĩ năng viết cho HS.

NÓI & NGHE VÀ ĐỌC MỞ RỘNG

Hoạt động nói & nghe và hoạt động đọc mở rộng được thực hiện luân phiên ở tiết 4 của bài 4 tiết. Sự sắp xếp theo cách này đảm bảo thời gian phù hợp cho cả hai hoạt động (theo đúng yêu cầu của chương trình), không ảnh hưởng đến thời gian dành cho những hoạt động cần ưu tiên hơn: đọc VB (ở lớp) và luyện viết.

3. NHỮNG ĐIỂM MỚI NỔI BẬT CỦA TIẾNG VIỆT 5

NHỮNG ĐIỂM MỚI NỔI BẬT

1

Sắp xếp các bài học theo chủ điểm, phân bổ các bài học trong tuần hợp lí, thời lượng đảm bảo phù hợp với tiến độ học tập của HS.

2

Tích hợp hoạt động đọc, viết, nói và nghe trong mỗi bài học. Kiến thức tiếng Việt dạy học nhẹ nhàng.

3

Nhiều bài đọc có nội dung hiện đại, tươi mới, hấp dẫn đối với HS, đáp ứng hiệu quả mục tiêu giáo dục.

4

Bài học mở, giúp GV được chủ động, sáng tạo trong dạy học; thuận lợi trong đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá.

Ngoài ra, Kênh hình trong *Tiếng Việt 5* được thiết kế công phu, có tính thẩm mĩ và tính giáo dục cao.

4. SÁCH GIÁO VIÊN VÀ TÀI LIỆU BỔ TRỢ

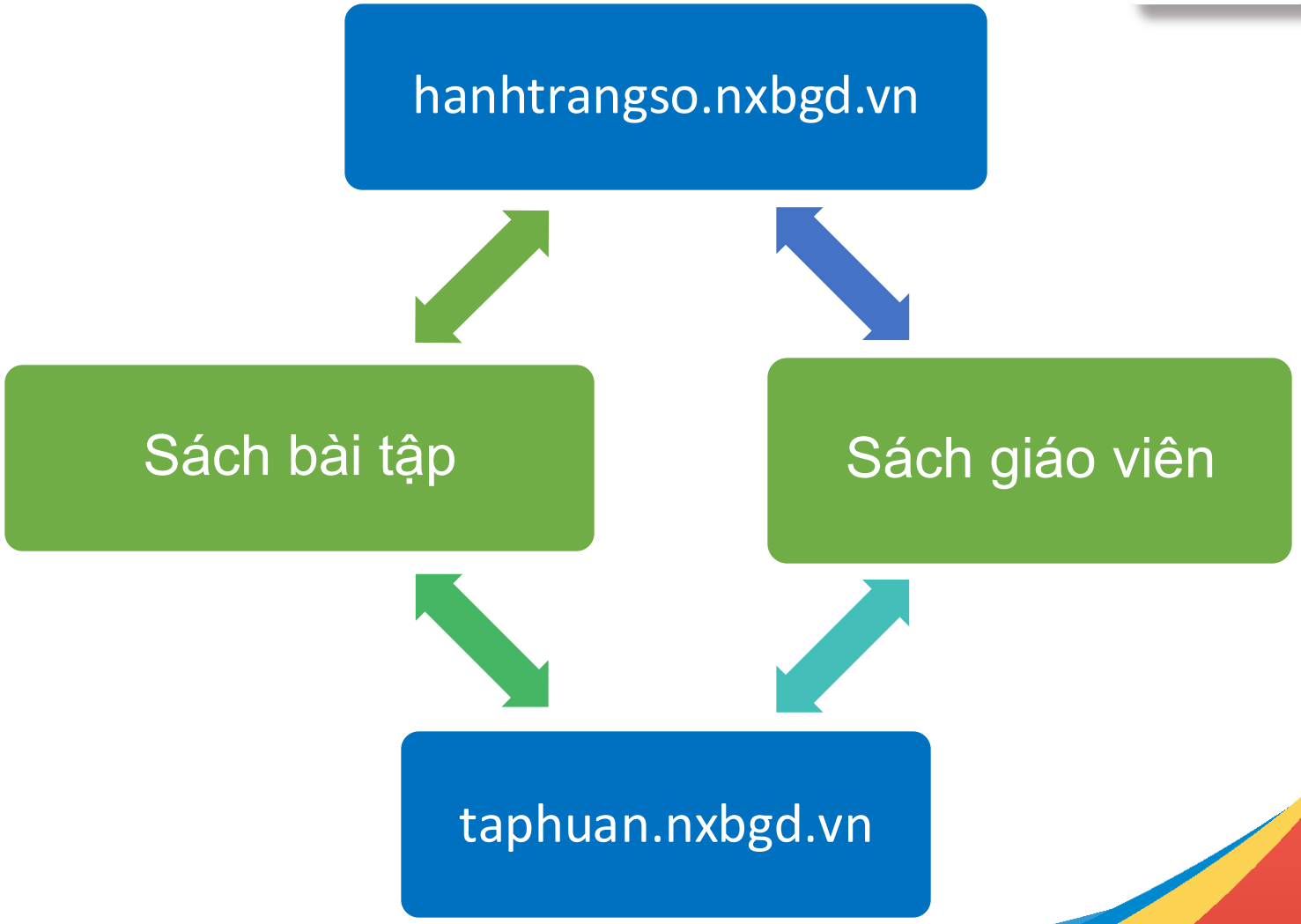

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

NGHỆ THUẬT MUÔN MÀU

TUẦN 14

Bài 25 TIẾNG ĐÀN BA-LA-LAI-CA (3 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên sông Đà*, biết nghỉ hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ, giọng thể hiện được niềm xúc động của tác giả khi nghe tiếng đàn với những cung bậc thánh thót, trầm bổng trong một đêm trăng đẹp trên công trường thuỷ điện sông Đà.
b. Nhận biết được từ ngữ và hình ảnh thơ giàu sức gợi tả, cảm nhận được tiếng đàn ba-la-lai-ca gợi lên những cung bậc âm thanh và hình ảnh của cuộc sống. Tiếng đàn đó quyện hoà với cảnh đẹp thơ mộng của đêm trăng trên công trường thể kì hứa hẹn bao hi vọng về tương lai tươi sáng của đất nước. Hiểu được một trong những ý nghĩa sâu sắc của bài thơ: Nghệ thuật (âm nhạc) mang đến cảm xúc, niềm vui sống cho con người.
2. Nhận biết được biện pháp điệp từ, điệp ngữ và tác dụng của việc sử dụng điệp từ, điệp ngữ trong bài văn, bài thơ.
3. Nhận biết được cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ.
4. Biết chia sẻ cảm xúc trước vẻ đẹp của nghệ thuật thơ ca và âm nhạc, biết thể hiện sự đồng cảm với suy nghĩ, cảm xúc, niềm vui của những người xung quanh.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức
– Nghệ thuật thơ ca, phương pháp đọc hiểu văn bản thơ.
– Biện pháp Điệp từ, điệp ngữ.

2. Phương tiện dạy học
– Tranh ảnh minh hoạ bài thơ, tranh ảnh (sưu tầm) về công trường thuỷ điện sông Đà trong giai đoạn đang xây dựng và Nhà máy Thuỷ điện Hoà Bình hiện nay.
– Những tư liệu, thông tin về quá trình xây dựng và hoàn thành Nhà máy Thuỷ điện Hoà Bình với sự giúp đỡ của bạn bè quốc tế.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

ÔN BÀI CŨ

– 2 HS đọc nối tiếp bài *Tinh thần học tập của nhà Phi-lít* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác, VD: Bài đọc giúp em hiểu thêm điều gì về chủ điểm *Đường tới tri thức*?).
– GV giới thiệu chủ điểm mới, VD: Chủ điểm thứ ba: *Đường tới tri thức*. đã kết lại bằng câu chuyện *Tinh thần học tập của nhà Phi-lít*. Hôm nay, các em bước sang chủ điểm thứ tư: *Nghệ thuật muôn màu*. Hãy quan sát tranh chủ điểm và cho biết bức tranh nói với em điều gì về chủ điểm này. HS phát biểu theo cảm nhận của cá nhân. GV có thể nói thêm: Các bài học nói về các môn nghệ thuật thú vị như âm nhạc, hội hoạ, vũ đạo, điêu khắc,... Các bài đọc sẽ giúp em có thêm những hiểu biết về thế giới nghệ thuật có muôn sắc màu đẹp đẽ, khơi dậy ở các em niềm hứng thú, say mê, có thể khơi dậy ở các em những sở thích, năng khiếu còn tiềm ẩn, chưa được bộc lộ,...

ĐỌC

1. Khởi động.
– GV cho HS thực hiện
ý nghĩa của âm nhạc đối
– GV giới thiệu tranh mi
Nhà máy Thuỷ điện Sông
giới thiệu bài thơ. VD: B
động của tác giả khi cảm
cụ dân gian của nước Ng
Nam và các chuyên gia l

2. Đọc văn bản.
– GV đọc cả bài (đọc diễ
tiếng đàn, những hình ản
các đoạn như sau.
+ Đoạn 1: Từ đầu đến ...
+ Đoạn 2: Tiếp theo đến
+ Đoạn 3: Còn lại.
– GV hướng dẫn đọc:
+ Đọc đúng các từ ngữ c
nóng lòng tìm biển cả,...

+ Đọc diễn cảm thể hiện cảm xúc của tác giả khi cảm nhận những cung bậc của tiếng đàn, sự hoà quyện giữa tiếng đàn với cảnh sắc đêm rằng và cảm xúc của con người. VD, đọc nhấn giọng ở một số từ ngữ:

Tiếng đàn ba-la-lai-ca
*Như ngọn gió **bình yên***
*Thổi qua rừng bạch dương **dìu dặt**...*

Tiếng đàn ba-la-lai-ca
Như ngọn sóng
*Vỗ **trắng phau** ghềnh đá*
*Nghe **nao nức***
*Những dòng sông **nóng lòng** tìm biển cả...*
...
Chỉ còn** tiếng đàn **ngân nga
*Với một **dòng trăng lấp loáng** sông Đà.*

– HS làm việc nhóm (3 em/ nhóm): đọc nối tiếp các đoạn thơ.
...
– HS làm việc cả nhân: đọc toàn bài (đọc thầm).
– HS làm việc cả nhóm: đọc diễn cảm cả lớp.
– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.
– GV hướng dẫn HS đọc phần tìm hiểu nghĩa một số từ ngữ. GV có thể giải nghĩa thêm một số từ chưa có trong phần chú thích: cao Nguyên (vùng đất rộng và cao, xung quanh có sườn dốc, bề mặt bằng phẳng hoặc lượn sóng); trăng chơi vơi (trăng một mình sáng tỏ giữa cảnh trời nước bao la);...

3. Trả lời câu hỏi.
– GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ nêu trong SHS.
– GV hỏi HS có từ ngữ nào trong bài thơ mà chưa hiểu hoặc cảm thấy khó hiểu, GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn tra từ điển.
GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các câu hỏi, yêu cầu nêu trong SHS.
Câu 1. *Tiếng đàn ba-la-lai-ca được miêu tả như thế nào qua 8 dòng thơ đầu?*
– GV nêu cách thức thực hiện:
+ Bước 1: HS làm việc cả nhân (tự trả lời câu hỏi).
+ Bước 2: HS làm việc theo cặp/ nhóm: lần lượt từng em nêu ý kiến, sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.
– GV mời một số HS phát biểu ý kiến trước lớp. GV có thể thống nhất các ý kiến của HS và nêu như sau:

Âm thanh của tiếng đàn gợi những liên tưởng thú vị	Những liên tưởng từ tiếng đàn lại tôn lên vẻ đẹp âm thanh của tiếng đàn
Tiếng đàn ba-la-lai-ca như ngọn gió bình yên thổi qua rừng bạch dương dìu dặt... *(gợi liên tưởng đến tiếng gió dìu dặt)*	– Tiếng đàn ba-la-lai-ca làm hiện lên những hình ảnh, âm thanh của cuộc sống (tiếng gió, tiếng sóng).
Tiếng đàn ba-la-lai-ca như ngọn sóng vỗ trắng phau ghềnh đá, nghe nao nức những dòng sông nóng lòng tìm biển cả... *(gợi liên tưởng đến tiếng sóng nào nức)*	– Tiếng đàn ba-la-lai-ca có những cung bậc âm thanh trầm bổng, khi dìu dặt, khoan thai, khi nào nức, dồn dập...

Câu 2. *Trên công trường thuỷ điện sông Đà, tác giả đã nghe tiếng đàn ba-la-lai-ca vang lên trong khung cảnh như thế nào?*
– GV nêu câu hỏi, dành thời gian đủ để HS chuẩn bị câu hỏi, sau đó mời nhiều em phát biểu ý kiến trước lớp. GV có thể tổng hợp ý kiến HS và có thể nhấn mạnh để các em hiểu rõ ý thơ. VD:

Khung cảnh	Ý nghĩa
Thời gian: đêm trăng *Không gian*: tĩnh mịch. Công trường thuỷ điện với rất nhiều xe ủi, xe ben, tháp khoan, cần trục... đã say ngủ sau một ngày làm việc; dòng sông Đà lấp loáng dưới trăng...	Trong thời gian, không gian ấy, tác giả cảm nhận rõ hơn tiếng đàn ba-la-lai-ca bởi vì không gian trở nên yên ắng, tĩnh mịch, mọi vật dường như giấu mình trong bóng đêm, chỉ còn tiếng đàn (âm thanh) và ánh trăng quyện vào dòng sông – dòng trăng (ánh sáng).

Câu 3. *Miêu tả những điều em hình dung được khi đọc 2 dòng thơ: "Chỉ còn tiếng đàn ngân nga/ Với một dòng trăng lấp loáng sông Đà".*
– GV nêu cách thức thực hiện:
+ Bước 1: HS làm việc cả nhân (tự chuẩn bị câu trả lời, có thể gạch ý sẽ trình bày ra giấy nháp/ vở).
+ Bước 2: HS làm việc theo cặp/ nhóm: lần lượt từng em thực hiện yêu cầu (câu hỏi 3), cả nhóm nhận xét, góp ý.
– GV mời một số HS phát biểu ý kiến trước lớp, GV hướng dẫn HS nhận xét và khen ngợi các ý kiến phát biểu đúng ý thơ, diễn đạt lưu loát,...
– GV có thể nói sau khi đã nhận xét các ý kiến phát biểu của HS, VD:
Chỉ còn tiếng đàn ngân nga
Với một dòng trăng lấp loáng sông Đà.
Bốn bề yên tĩnh, tất cả như lắng yên để lắng nghe tiếng đàn của ba-lai-ca của cô gái Nga. Tiếng đàn vang lên, ngân nga, toả lan mênh mông cùng với dòng sông như một

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

dòng trăng lấp lánh trong đêm. Âm thanh (của tiếng đàn) như quyện hoà với ánh sáng (dòng trăng), tạo nên vẻ đẹp huyền ảo, thơ mộng.

Câu 4. *Nêu cảm nghĩ của em về hình ảnh cô gái Nga chơi đàn ba-la-lai-ca trên công trường thuỷ điện sông Đà.*

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân (tự chuẩn bị câu trả lời).

+ Bước 2: HS làm việc theo cặp/ nhóm: lần lượt từng em thực hiện yêu cầu (câu hỏi 4), cả nhóm nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét các nhóm/ cá nhân. GV có thể thâu tóm ý kiến của HS, VD: Dưới ánh trăng, bên dòng sông Đà lấp loáng, trên công trường "đang say ngủ" sau một ngày làm việc sôi động, cô gái Nga có mái tóc màu hạt dẻ đang đánh đàn ba-la-lai-ca một cách say sưa "ngón tay đan trên những sợi dây đồng",... Hình ảnh này khiến mỗi người dân chúng ta xúc động. Những chuyên gia ở những đất nước xa xôi (Liên Xô cũ) đã gia đình, xa Tổ quốc để đến Việt Nam, giúp chúng ta xây dựng nhà máy thuỷ điện, làm ra luồng ánh sáng gửi đi muôn nơi, làm cuộc sống tươi sáng hơn. Tiếng đàn ba-la-lai-ca của cô gái Nga như giúp chúng ta cảm nhận được tình hữu nghị tốt đẹp và tương lai đang rộng mở.

– GV có thể nêu câu hỏi (nếu còn thời gian): *Nhà thơ muốn nói điều gì qua khổ thơ cuối?*

– HS trao đổi nhóm để tìm câu trả lời.

– Đại diện một số nhóm bát biểu trước lớp. VD:

+ Khổ thơ cuối gợi hình ảnh của tương lai – khi công trường thuỷ điện hoàn thành, cũng là khi cuộc sống bừng sáng lên cùng với dòng điện toả đi muôn nẻo trên đất nước.

+ Khổ thơ cuối vẽ ra viễn cảnh tươi đẹp của tương lai, viễn cảnh đó chứa chan niềm cảm xúc của những người lao động hôm nay,...

4. Học thuộc lòng bài thơ

– GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài thơ.

– Làm việc cá nhân: Tự đọc thuộc lòng toàn bài.

– GV khích lệ HS xung phong đọc thuộc lòng những đoạn thơ đã thuộc trong nhóm hoặc trước lớp.

TIẾT 2

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

BIỆN PHÁP ĐIỆP TỪ, ĐIỆP NGỮ

1. Đọc bài ca dao trong SHS và trả lời câu hỏi.

– GV nêu yêu cầu của bài tập 1, mời 1 HS đọc bài ca dao (lưu ý đọc diễn cảm) và các câu hỏi nêu ở dưới.

– GV hướng dẫn HS làm việc cặp đôi để tìm câu trả lời thích hợp.

– GV mời đại diện một số nhóm báo cáo kết quả làm việc. GV và cả lớp nhận xét, góp ý và thống nhất đáp án.

Đáp án:

a. Từ *trông* được lặp lại 9 lần.

b. Nhằm giảm độ khó của câu hỏi, SHS có đưa ra một gợi ý (đặt ngay dưới bài ca dao). Từ gợi ý đó, GV hướng dẫn HS tìm thêm những tác dụng khác, VD: nhấn mạnh niềm ước mong có được sự thuận lợi trong công việc đồng áng của người nông dân; nhấn mạnh niềm hi vọng vào một mùa bội thu, niềm mong mỏi vào cuộc sống bình yên và ấm no;...

2. Tìm từ được lặp lại trong câu tục ngữ *Học ăn, học nói, học gói, học mở*. Việc lặp lại từ đó có tác dụng gì?

– GV nêu yêu cầu của bài tập 2, mời 1 HS đọc câu tục ngữ.

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, tìm từ được lặp lại trong câu tục ngữ và suy nghĩ về tác dụng của việc lặp lại từ đó. Sau đó, HS làm việc nhóm đôi để thống nhất kết quả với bạn.

– GV mời đại diện

ý và thống nhất đá

Đáp án: Từ học đư

nhiều thứ cần phải

– Sau khi kết thúc

trong phần ghi nh

+ GV mời 1 – 2 H

+ GV mời HS xun

nhìn sách.

3. Đọc đoạn thơ tr

a. Từ "bỗng" xuấ

b. Việc lặp lại nhữ

A. Nhấn mạnh nă

B. Nhấn mạnh nă

C. Nhấn mạnh sự

D. Nhấn mạnh sự

– GV mời 2 HS l

+ GV yêu cầu 1

lại đoạn thơ, tìm

việc lặp lại nhiều

kết quả của mỗi

+ GV yêu cầu 2 – 3 HS đại diện cho các nhóm trình bày kết quả của mỗi nhóm, các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV chốt kết quả được cả lớp thống nhất.

Đáp án:

a. Từ bỗng xuất hiện 4 lần.

b. Tác dụng: Đáp án D (Nhấn mạnh sự ngỡ ngàng của chú gà con trước những điều mới mẻ).

4. Đọc đoạn văn trong SHS và trả lời câu hỏi.

a. Từ nào được lặp lại ở tất cả các câu trong đoạn?

b. Việc lặp lại từ đó có tác dụng gì?

– GV mời 2 HS lần lượt đọc to yêu cầu của bài tập và hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu.

+ GV yêu cầu 1 HS đọc diễn cảm đoạn văn, hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc kĩ lại đoạn văn, tìm xem từ nào được lặp lại ở tất cả các câu trong đoạn và suy nghĩ về tác dụng của việc lặp lại nhiều lần từ này. Sau đó, HS làm việc theo nhóm để trao đổi, góp ý về kết quả của mỗi thành viên và thống nhất kết quả chung.

+ GV yêu cầu 2 – 3 HS đại diện cho các nhóm trình bày kết quả của mỗi nhóm, các HS khác nhận xét, góp ý. GV chốt kết quả được cả lớp thống nhất.

Đáp án:

a. Từ *tre* xuất hiện ở tất cả các câu trong đoạn.

b. Tác dụng: Việc lặp lại từ *tre* nhằm làm nổi bật hình ảnh cây tre và giá trị, đóng góp của tre đối với người dân Việt Nam. Trong đoạn văn này, ngoài từ tre, có một số từ khác cũng được tác giả dùng lặp lại nhiều lần như *giữ, anh hùng*. Tuy vậy, ở tiết học đầu tiên, để HS thuận lợi trong việc nhận biết biện pháp điệp từ, điệp ngữ, sách chỉ tập trung vào trường hợp nổi bật. Khi tổ chức dạy học, tùy vào khả năng của HS, GV có thể mở rộng thêm.

TIẾT 3

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ

1. Đọc đoạn văn và thực hiện các yêu cầu.

– GV nêu khái quát mục tiêu, nhiệm vụ của bài tập 1: Đọc đoạn văn và trả lời lần lượt 4 câu hỏi a, b, c.

– 1 HS đọc đoạn văn trước lớp hoặc cả lớp đọc thầm đoạn văn. (GV dành thời gian cho HS đọc và suy nghĩ để trả lời lần lượt các câu hỏi.)

a. Tìm phần mở đầu, triển khai, kết thúc của đoạn văn trên và cho biết ý chính của mỗi phần.

– 1 HS đọc câu hỏi a (Tìm phần mở đầu, triển khai, kết thúc của đoạn văn và cho biết ý chính của mỗi phần).

– GV yêu cầu HS đọc thầm, đọc lướt đoạn văn để xác định bố cục của đoạn văn.

– GV mời 2 – 3 em trả lời, GV hướng dẫn HS nhận xét, góp ý. Có thể nêu nội dung các như sau:

+ Mở đầu: (Câu 1) Giới thiệu tên bài thơ, tên tác giả và nêu cảm nhận chung về bài thơ *Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên sông Đà*.

+ Triển khai: (Tiếp theo đến "Xúc động biết mấy!") bày tỏ tình cảm, cảm xúc về cái hay, cái đẹp của ngôn từ, hình ảnh thơ và nội dung, ý nghĩa của bài thơ.

+ Kết thúc: Câu cuối, khẳng định lại một lần nữa ý nghĩa, giá trị của bài thơ và tình cảm đối với nhà thơ.

b. Những điều gì ở bài thơ khiến người viết yêu thích hoặc xúc động? (Bài thơ gợi lên bức tranh sống động: Bài thơ tả tiếng đàn thật hay,; ...)

– GV nêu câu hỏi b hoặc HS đọc câu hỏi b và các gợi ý trả lời.

– HS làm việc theo nhóm: Trao đổi để tìm và thống nhất câu trả lời cho câu hỏi. VD: Những điều khiến tác giả thấy yêu thích bài thơ:

+ Bài thơ gợi lên những hình ảnh đẹp / bức tranh sống động (đưa dẫn chứng phù hợp)

+ Bài thơ tả tiếng đàn thật hay (đưa dẫn chứng phù hợp).

+ Mọi vật trong đêm trăng trên công trường gần gũi, thân thương (xe ủi, xe ben "sống vai nhau năm nghỉ", những tháp khoan "nhỏ lên trời ngẫm nghĩ",...).

+ Tình hữu nghị của bạn bè quốc tế (hình ảnh cô gái Nga và tiếng đàn ba-la-lai-ca ngân vang trên công trình thuỷ điện sông Đà),...

c. Tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua những từ ngữ, câu văn nào?

– HS đọc câu hỏi c và làm việc theo nhóm.

– HS đọc câu hỏi c và làm việc theo nhóm.

– 2 – 3 HS trả lời câu hỏi trước lớp. VD:

+ Những từ ngữ, câu văn trực tiếp bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người viết đối với bài thơ: "ấn tượng đẹp", "bức tranh sống động về đêm trăng", "tả tiếng đàn thật hay", "tình hữu nghị cao đẹp", "Xúc động biết mấy!"...

+ Ngoài những từ ngữ, câu văn trực tiếp bộc lộ tình cảm, cảm xúc,, người viết còn thể hiện sự yêu thích của mình đối với bài thơ qua những chi tiết nói về vẻ đẹp ngôn từ trong bài thơ, âm thanh diệu kì của tiếng đàn, sự quyện hoà giữa ánh trăng vàng và dòng nước sông Đà, ...

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

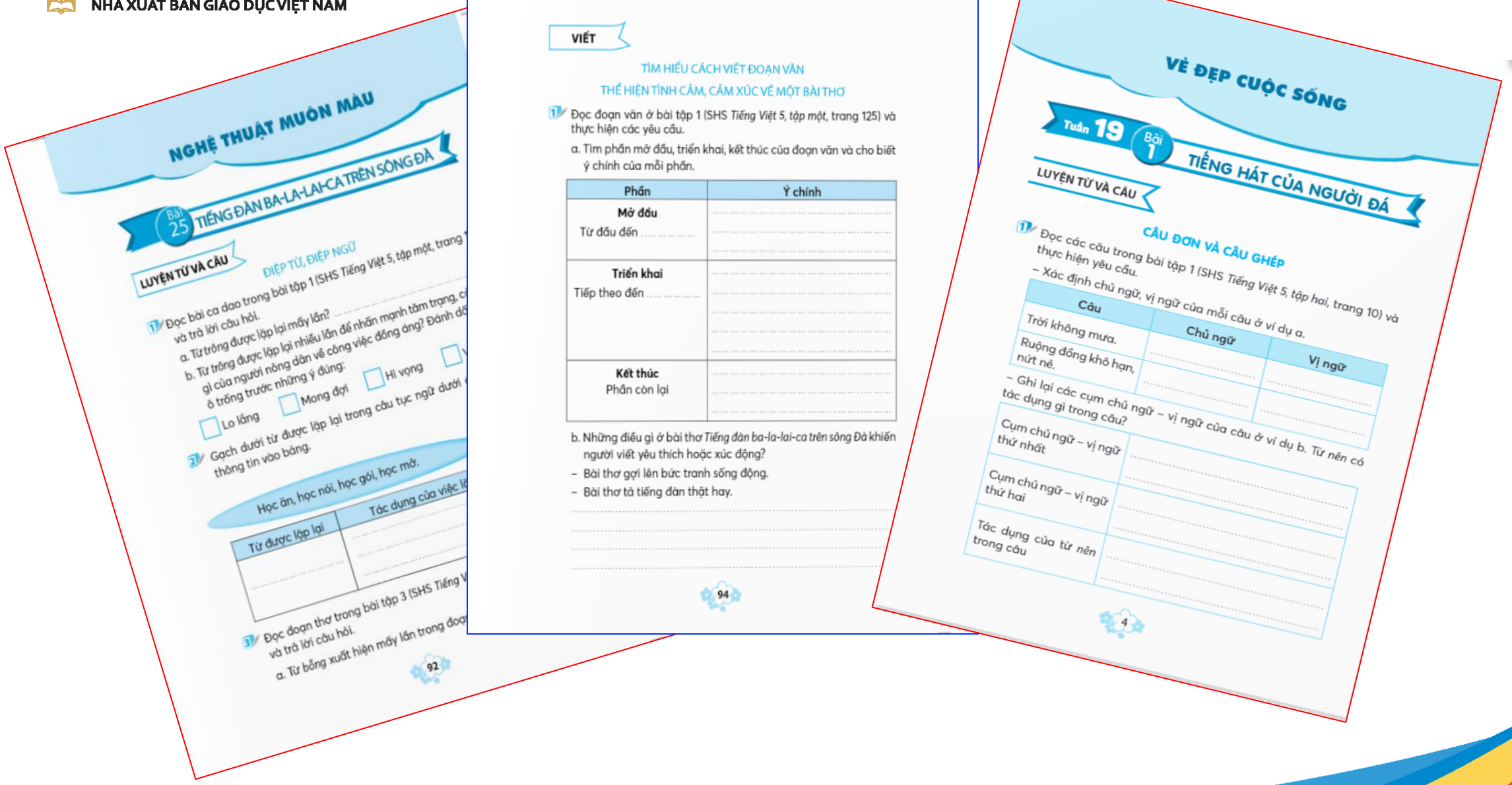

NGHỆ THUẬT MUÔN MÀU

Bài 25 TIẾNG ĐÀN BA-LA-LAI-CA TRÊN SÔNG ĐÀ

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

ĐIỆP TỪ, ĐIỆP NGỮ

1 Đọc bài ca dao trong bài tập 1 (SHS *Tiếng Việt 5, tập một*, trang ...) và trả lời câu hỏi.

a. Từ trông được lặp lại mấy lần?

b. Từ trông được lặp lại nhiều lần để nhấn mạnh tâm trạng, c... gì của người nông dân về công việc đồng áng? Đánh dấ... ô trống trước những ý đúng:

☐ Lo lắng ☐ Mong đợi ☐ Hi vọng ☐ ...

2 Gạch dưới từ được lặp lại trong câu tục ngữ dưới ... thông tin vào bảng.

Học ăn, học nói, học gói, học mở.

Từ được lặp lại	Tác dụng của việc lặ...
.....	.....

3 Đọc đoạn thơ trong bài tập 3 (SHS Tiếng V...) và trả lời câu hỏi.

a. Từ bống xuất hiện mấy lần trong đoạ...

92

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ

1 Đọc đoạn văn ở bài tập 1 (SHS *Tiếng Việt 5, tập một*, trang 125) và thực hiện các yêu cầu.

a. Tìm phần mở đầu, triển khai, kết thúc của đoạn văn và cho biết ý chính của mỗi phần.

Phần	Ý chính
Mở đầu Từ đầu đến	.....
Triển khai Tiếp theo đến	.....
Kết thúc Phần còn lại	.....

b. Những điều gì ở bài thơ *Tiếng đàn ba-la-lai-ca trên sông Đà* khiến người viết yêu thích hoặc xúc động?

- Bài thơ gợi lên bức tranh sống động.
- Bài thơ tả tiếng đàn thật hay.

94

VẺ ĐẸP CUỘC SỐNG

Tuần 19 Bài 1 TIẾNG HÁT CỦA NGƯỜI ĐÁ

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

CÂU ĐƠN VÀ CÂU GHÉP

1 Đọc các câu trong bài tập 1 (SHS *Tiếng Việt 5, tập hai*, trang 10) và thực hiện yêu cầu.

– Xác định chủ ngữ, vị ngữ của mỗi câu ở ví dụ a.

Câu	Chủ ngữ	Vị ngữ
Trời không mưa.	.....	.....
Ruộng đồng khô hạn, nứt nẻ.	.....	.....

– Ghi lại các cụm chủ ngữ – vị ngữ của câu ở ví dụ b. Từ *nên* có tác dụng gì trong câu?

Cụm chủ ngữ – vị ngữ thứ nhất	.....
Cụm chủ ngữ – vị ngữ thứ hai	.....
Tác dụng của từ *nên* trong câu	.....

4

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

THIÊN NHIÊN KÌ THÚ

TUẦN 5

BÀI 9 TRƯỚC CỔNG TRỜI (3 TIẾT)

I MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Đọc

– Đọc thành tiếng: Đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Trước cổng trời*, biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc ngỡ ngàng trước vẻ đẹp hoang sơ, kì thú, thơ mộng, hữu tình của cảnh vật thiên nhiên miền núi cao.

– Đọc hiểu: Nhận biết được hình ảnh thơ, thời gian và không gian được thể hiện trong bài thơ. Nhận biết được cảnh vật thiên nhiên vùng núi cao mang vẻ đẹp hoang sơ, khoáng đạt, trong lành, thơ mộng,... qua lời thơ giàu hình ảnh, gợi âm thanh, sắc màu,... Trong không gian ấy, hình ảnh con người hiện lên chan hoà với thiên nhiên và đầy sức sống.

b. Viết

– Biết cách viết bài văn tả phong cảnh (tả theo từng bộ phận của cảnh) với bố cục 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài) và các yêu cầu cụ thể của mỗi phần.

– Nhận biết được từ đồng nghĩa, bước đầu phân biệt được những từ có nghĩa giống nhau và các từ có nghĩa gần giống nhau.

2. Phẩm chất

– Tài liệu viết về vẻ đẹp của ngôn ngữ thơ ca, nghệ thuật của thơ ca.

– Một số bài văn tả cảnh thiên nhiên.

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Hoạt động 1: Ôn bài cũ

2 – 3 HS đọc nối tiếp bài *Hành tinh kì lạ*, mỗi em trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài đọc hoặc GV nêu câu hỏi khác, Ví dụ:

– Em thấy chi tiết nào trong câu chuyện thú vị?

– Bài đọc giúp em hiểu thêm điều gì về chủ điểm *Thế giới tuổi thơ*?

– ...

2. Hoạt động 2: Khởi động

a. Mục tiêu: Giúp HS có tâm thế tiếp nhận các bài học của chủ điểm mới (*Thiên nhiên kì thú*) nói chung và hào hứng đón nhận bài thơ *Trước cổng trời*.

b. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Giới thiệu chủ điểm mới. (Ví dụ: Chủ điểm *Thế giới tuổi thơ* khép lại bằng câu chuyện khoa học viễn tưởng *Hành tinh kì lạ* đầy thú vị. Chủ điểm thứ hai có tên *Thiên nhiên kì thú*, bức tranh minh hoạ chủ điểm đã hứa hẹn mang đến cho các em những hiểu biết mới lạ, thú vị về thế giới tự nhiên ở quanh ta hoặc ở rất xa chúng ta. **Giao việc cho HS** – Yêu cầu HS quan sát và nêu nội dung bức tranh	**Làm việc chung cả lớp** – Quan sát tranh chủ điểm, nêu nội dung tranh, vẻ đẹp của cảnh ng tranh. dung tranh *m minh hoạ* *ồm núi rừng,* *ông thú,... và* *, khám phá* *ic bạn nhỏ.*

VẺ ĐẸP CUỘC SỐNG

TUẦN 19

BÀI 1 TIẾNG HÁT CỦA NGƯỜI ĐÁ (3 tiết)

I MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Đọc

– Đọc thành tiếng: Đọc đúng và diễn cảm bài *Tiếng hát của người đá*, biết nhấn giọng ở những từ ngữ gợi hình ảnh đẹp, những câu văn diễn tả những tình tiết kì ảo của câu chuyện cổ tích.

– Đọc hiểu: Đặc điểm của truyện cổ tích, nhân vật,... Nhận biết được chi tiết, diễn biến của sự việc,... Nhận biết được nội dung chính của bài đọc: Những hành động, việc làm của chú bé người đá trong câu chuyện cổ tích thể hiện tình yêu đối với cuộc sống và con người. Hiểu được những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hoá,... góp phần làm nổi bật vẻ đẹp của cuộc sống: thiên nhiên cũng như con người, đều góp phần làm cho cuộc sống thêm tươi đẹp hơn.

b. Viết

– Nhận biết được cách viết bài văn tả người (biết cách lựa chọn chi tiết tiêu biểu để làm nổi bật đặc điểm của người được tả như đặc điểm ngoại hình, hoạt động, sở trường,...).

– Nhận biết được câu đơn, câu ghép; vận dụng kiến thức đã học để thực hành tạo lập câu ghép, qua đó phát triển kĩ năng viết nói chung, kĩ năng tạo lập văn bản nói riêng.

2. Phẩm chất

– Biết yêu thiên nhiên, cảm nhận được vẻ đẹp kì diệu của cảnh vật thiên nhiên và mối quan hệ giữa thiên nhiên với cuộc sống của con người.

– Yêu cuộc sống, yêu con người; làm những việc tốt vì một cuộc sống hoà bình.

II THIẾT BỊ VÀ HỌC LIỆU

– Truyện cổ tích, phương pháp đọc hiểu truyện cổ tích.

– Tranh ảnh minh hoạ bài đọc *Tiếng hát của người đá*.

– Văn tả người, cách viết văn tả người.

– Thẻ từ hoặc phiếu học tập bài *Câu đơn và câu ghép*.

– Một số bài văn tả người.

– Từ điển tiếng Việt.

III TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

TIẾT 1

ĐỌC

1. Hoạt động 1: Giới thiệu chủ điểm

Đây là bài học mở đầu sách *Tiếng Việt 5 tập hai*, GV có thể tổ chức cho HS nêu cảm nhận chung về tập sách (hình ảnh của trang bìa, hệ thống chủ điểm,...) trước khi giới thiệu chủ điểm.

VD:
– Tranh minh hoạ trang bìa gợi hình ảnh về ngày kết thúc năm học, các em chia tay mái trường tiểu học đã gắn bó suốt 5 năm, chia tay các thầy cô, bạn bè với bao lưu luyến để lên cấp học tiếp theo. Hình ảnh con đường gợi hành trình mới đang chờ đón các em ở phía trước.
– Các chủ điểm ở tập hai giúp các em biết trân trọng những vẻ đẹp bình dị trong cuộc sống, tự hào về cảnh sắc, sản vật của các miền đất nước, về truyền thống tốt đẹp mà dân tộc ta đã bao đời gìn giữ, gây dựng. Chủ điểm cuối mở cánh cửa để HS nhìn ra thế giới rộng lớn.

Có thể tổ chức hoạt động giới thiệu chủ điểm như sau:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Giao việc cho HS – Yêu cầu HS quan sát tranh chủ điểm và nêu nội dung tranh: Tranh vẽ những gì? Cảm xúc của các bạn nhỏ được thể hiện như thế nào?... – Khích lệ HS nêu suy nghĩ, cảm nhận riêng về bức tranh.	**Làm việc chung cả lớp** – Quan sát tranh chủ điểm, nêu nội dung tranh. – 1 – 2 HS nêu nội dung tranh và phát biểu ý kiến. VD: Tranh chủ điểm vẽ hai bạn nhỏ đang thích thú ngắm những con vật trong rừng, đặc biệt là chú sóc con đang ăn những hạt dẻ rơi dưới gốc cây,... Bức tranh thể hiện tình cảm, cảm xúc của con người đối với cuộc sống đáng yêu, đáng mến. – Cả lớp nhận xét.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Hướng dẫn chung

Mục tiêu

Bám sát các cấu phần của bài học trong SHS -> Giúp GV hình dung rõ và cụ thể mục tiêu của mỗi hoạt động trong bài.

Chuẩn bị

1. Kiến thức GV cần nắm: đặc điểm thể loại, nội dung VB, nghĩa của các từ ngữ.
2. Phương tiện dạy học.

Tổ chức hoạt động dạy học

Bám sát các hoạt động trong SHS. SGV chỉ đưa ra những kịch bản gợi ý. GV có thể vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo.

III. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC MẠCH NỘI DUNG

1. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC KĨ NĂNG ĐỌC

YCCĐ VỀ KĨ NĂNG ĐỌC

Kĩ thuật đọc

- Đọc đúng và diễn cảm các VB truyện, kịch bản, bài thơ, bài miêu tả, tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng trong 1 phút. Đọc thầm với tốc độ nhanh hơn lớp 4.
- Sử dụng được một số từ điển tiếng Việt thông dụng để tìm từ, nghĩa của từ, cách dùng từ và tra cứu thông tin khác.
- Biết đọc theo những cách khác nhau (đọc lướt và đọc kĩ).
- Ghi chép vắn tắt những ý tưởng, chi tiết quan trọng vào phiếu đọc hoặc sổ tay.

Đọc hiểu VB VH

- ***Đọc hiểu nội dung:*** Nhận biết được một số chi tiết tiêu biểu và nội dung chính của VB. Hiểu được nội dung hàm ẩn dễ nhận biết của VB. Chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết. Biết tóm tắt VB. Hiểu chủ đề của VB.
- ***Đọc hiểu hình thức:*** Nhận biết được văn bản viết theo tưởng tượng và văn bản viết về người thật, việc thật. Nhận biết được thời gian, địa điểm và tác dụng của chúng trong câu chuyện. Hiểu từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hoá trong VB.
- ***Liên hệ, so sánh, kết nối:*** Biết nhận xét về thời gian, địa điểm, hình dáng, tính cách của nhân vật qua hình ảnh trong truyện tranh hoặc phim hoạt hình. Tìm được một cách kết thúc khác cho câu chuyện. Nêu những điều học được từ câu chuyện, bài thơ, màn kịch; lựa chọn điều tâm đắc nhất và giải thích vì sao.

Đọc hiểu VB TT

- ***Đọc hiểu nội dung:*** Nhận biết được những chi tiết tiêu biểu và các thông tin chính của VB. Dựa vào nhan đề và các đề mục lớn, xác định được đề tài, thông tin chính của VB. Nhận biết được mối liên hệ giữa các chi tiết. Biết tóm tắt VB.
- ***Đọc hiểu hình thức:*** Nhận biết được mục đích và đặc điểm của VB giải thích về một HT tự nhiên; VB giới thiệu sách hoặc phim; VB quảng cáo, VB chương trình hoạt động. Nhận biết được bố cục (phần đầu, phần giữa (chính), phần cuối) và các yếu tố (nhan đề, đoạn văn, câu chủ đề) của một VBTT đơn giản. Nhận biết được cách triển khai ý tưởng và thông tin trong VB theo trật tự thời gian hoặc theo tầm quan trọng. Nhận biết được vai trò của hình ảnh, kí hiệu hoặc số liệu trong việc thể hiện thông tin chính của VB (văn bản in hoặc văn bản điện tử).
- ***Liên hệ, so sánh, kết nối:*** Nêu được những thay đổi trong hiểu biết, tình cảm, cách ứng xử của bản thân sau khi đọc VB.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Hệ thống ngữ liệu của các bài đọc tươi mới, trong sáng, giàu hình ảnh, giàu cảm xúc.

Tuần 3

Bài 5

TIẾNG HẠT NẢY MẦM

ĐỌC

Chơi trò chơi: Nghe từ ngữ, đoán âm thanh.

Cách chơi: Một bạn nêu từ ngữ chỉ âm thanh, một bạn đoán đó là âm thanh của sự vật, hiện tượng nào.

M: *tí tách* → tiếng mưa rơi.

TIẾNG HẠT NẢY MẦM

Mắt sáng, nhìn lên bảng
Lớp mươi nụ môi hồng
Đôi tay cô cụp mở
Báo tưng bừng thanh âm.

Cánh sẻ vụt qua song
Hót nắng vàng ánh ỏi
Các bé vẫn lặng chăm
Nhìn theo cô mấp máy.

Sau ngón tay cô đấy
Là tiếng hạt nảy mầm
Tiếng lá động trong vườn
Tiếng sớm mai mẹ gọi.

Tiếng cuộc đời sâu vợi
Con tàu biển buông neo
Ngôi sao mọc rừng chiều
Vó ngựa ran vách đá.

Bao nghĩ suy vất vả
Trong mắt người lo toan
Để từng âm có nghĩa
Bật lên từ môi em.

Nghe cánh vỗ chim non
Trước diệu kì tiếng hót
Giữa hồn nhiên lớp học
Ai nụ cười rưng rưng.

(Tô Hà)

1. Ở khổ thơ thứ nhất, chi tiết nào giúp em nhận ra đây là lớp học của trẻ khiếm thính (mất khả năng nghe hoặc nghe kém)?
2. Theo em, những khó khăn, thiệt thòi của các bạn học sinh trong bài thơ là gì?
3. Cô giáo đã gợi lên trong tâm trí học trò những hình ảnh và âm thanh nào của cuộc sống?

4. Những chi tiết nào cho thấy các bạn học sinh rất chăm chú? Vì sao giờ học của cô giáo cuốn hút được các bạn?
5. Em có suy nghĩ gì về cô giáo của lớp học đặc biệt này qua 2 khổ thơ cuối?

* Học thuộc lòng bài thơ.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ ĐẠI TỪ

1. Tìm đại từ xưng hô trong mỗi đoạn dưới đây. Nhận xét về thái độ của người nói qua các từ xưng hô đó.

a. Trông thấy tôi theo mẹ vào đến cổng, bà buông cái chổi, chạy ra nắm tay tôi.

– Cu Dũng lớn ngần này rồi ư?

[...]

Bà xăng xái xuống bếp lấy dao ra vườn chặt mía đem vào.

– Mía ngọt lắm, mẹ con ăn đi cho đỡ khát.

Bà róc, bà tiện, bà chẻ từng khẩu mía đưa cho tôi:

– Ăn đi! Cháu ăn đi! Răng bà yếu rồi, bà chả nhai được đâu.

(*Theo* Vũ Tú Nam)

b. Cánh cam vùng chạy, nhớn nhác tìm lối thoát. Chuột cống cười phá lên:

– Ha ha! Ta đã cho bịt kín tất cả lối ra vào. Nhà ngươi chớ có nhọc công vô ích! Tất cả các ngươi đã trở thành nô lệ của ta. Dưới cống này, ta là chúa tể, các ngươi không biết sao?

(Vũ Tú Nam)

Tuần 19

Bài 1

TIẾNG HÁT CỦA NGƯỜI ĐÁ

ĐỌC

Kể tên 1 – 2 truyện cổ mà em đã đọc hoặc đã nghe. Nêu những chi tiết em thích.

TIẾNG HÁT CỦA NGƯỜI ĐÁ

Trên đỉnh núi cao ở vùng Chư Bô-đa, có một mỏm đá xanh giống hình một em bé cười voi. Những tia nắng vàng dịu, những hạt mưa trong vắt thay nhau tắm gội, sưởi ấm cho mỏm đá. Gió rì rào kể cho mỏm đá nghe những câu chuyện về mọi miền. Chim hót cho mỏm đá nghe những điệu ca du dương. Cứ thế, năm này qua năm khác, những câu chuyện của gió, những bài ca của chim thấm sâu vào mỏm đá hình em bé.

Một buổi sáng, mỏm đá khẽ cựa quậy, rồi từ từ biến thành một em bé xinh đẹp. Em bước xuống núi, thấy muông thú từng đàn kéo về phá

nương rẫy, dân làng đuổi đằng đông, dồn đằng tây mà chẳng ăn thua gì. Em bé liền cất giọng hát. Tiếng hát của em vang khắp núi rừng. Muông thú quên cả phá lúa, nhảy múa theo tiếng hát. Dân làng vây quanh em bé, hỏi em từ đâu tới, tên em là gì, nhưng em chỉ cười. Mọi người đặt tên cho em là Nai Ngọc.

Ngày nọ, giặc kéo đến đông như lá rừng, nhanh như chớp giật, giáo mác chĩa lên trời tua tủa như bông lách, bông lau. Dân làng không kể trẻ già, trai gái vội cầm tên nỏ, khiên đao đuổi giặc. Bốn phương lửa cháy rừng rực. Nai Ngọc trèo lên một mỏm núi, cất tiếng hát kêu gọi những kẻ xâm lược chớ đi ăn cướp, hãy trở về với vợ con, đi hái rau ngọt, cắt lúa vàng, tối ngủ bên lửa ấm, sáng thức dậy theo mặt trời,… Giọng hát của Nai Ngọc khiến giặc đứng sững như những pho tượng, vũ khí tuột khỏi tay.

Giặc tan, nhưng không thấy Nai Ngọc đâu. Dân làng bảo nhau rằng sau khi giúp dân trừ giặc, Nai Ngọc đã trở lên núi cao, biến thành đá như trước. Ai cũng tin rằng nhất định Nai Ngọc sẽ trở về với dân làng, cất tiếng hát giữa cảnh núi rừng thanh bình, tươi đẹp.

(Theo *Truyện cổ Việt Nam*, Ngọc Anh và Văn Lang *kể*)

1. Mỏm đá trên đỉnh núi cao có gì đặc biệt? Mỏm đá được mọi vật yêu quý như thế nào?

Nắng | Mưa | ● | ●

2. Chuyện gì xảy ra vào ngày mỏm đá hoá thành một em bé? Mọi người được chứng kiến điều gì kì lạ khi em bé người đá cất tiếng hát vang khắp núi rừng?

3. Khi giặc kéo đến, em bé người đá và dân làng đã làm gì để đuổi giặc?

4. Theo em, lời hát của em bé người đá thể hiện ước nguyện gì của con người?

5. Nêu một kết thúc khác cho câu chuyện theo mong muốn của em.

ĐỌC THÀNH TIẾNG

YÊU CẦU CẦN ĐẠT VỀ ĐỌC THÀNH TIẾNG CẦN ĐƯỢC CHÚ TRỌNG RÈN LUYỆN:

Đọc đúng và diễn cảm các văn bản truyện, kịch bản, bài thơ, bài miêu tả, tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng trong 1 phút.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG ĐỌC THÀNH TIẾNG

- Đối với HS lớp 5, thời gian dành cho đọc thành tiếng không nhiều, vì yêu cầu đọc hiểu được chú trọng hơn. GV cần linh hoạt trong tổ chức luyện đọc thành tiếng sao cho phù hợp với các nhóm HS có khả năng đọc khác nhau.
- Cần tăng cường luyện đọc cá nhân (tự đọc), đọc theo cặp, theo nhóm.

Chuẩn mực Khoa học Hiện đại

ĐỌC HIỂU

• Sau mỗi văn bản đọc có các câu hỏi đọc hiểu nội dung và hình thức của văn bản; câu hỏi liên hệ, so sánh, kết nối văn bản được đọc với trải nghiệm của HS và với các sự việc, hiện tượng,… trong cuộc sống.

• Các câu hỏi đọc hiểu được thiết kế đa dạng về kiểu loại và mức độ yêu cầu, tạo cơ hội để HS phát biểu ý kiến cá nhân, luyện cho các em thói quen và kĩ năng suy nghĩ độc lập, cách thức trình bày ý kiến và sự tự tin khi trình bày suy nghĩ, cảm xúc của mình trước tập thể.

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI VỀ ĐỌC HIỂU

Ngữ liệu dạy học và câu hỏi đọc hiểu chú trọng phát triển năng lực ngôn ngữ và tư duy cho HS.

Nội dung học tập được thiết kế theo hướng phát huy sáng tạo của HS, giúp các em có nhiều cơ hội phát triển năng lực chung và năng lực đặc thù của môn học: năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học.

Hệ thống câu hỏi đọc hiểu được thiết kế theo các mức: nhận biết; phân tích, suy luận (thông hiểu); đánh giá, vận dụng (vận dụng). Yêu cầu đọc hiểu được nâng cao: tỉ lệ các câu hỏi ở mức phân tích, suy luận tăng lên so với lớp 4.

CÁC MỨC ĐỘ NHẬN THỨC TRONG ĐỌC HIỂU

VB *Tiếng hát của người đá*

Ba câu hỏi đầu ở mức 1. Nhận biết:

1. *Mỏm đá trên đỉnh núi cao có gì đặc biệt? Mỏm đá được mọi vật yêu quý như thế nào?*

2. *Chuyện gì xảy ra vào ngày mỏm đá hoá thành một em bé? Mọi người được chứng kiến điều gì kì lạ khi em bé người đá cất tiếng hát vang khắp núi rừng?*

3. *Khi giặc kéo đến, dân làng và em bé người đá đã làm gì để đuổi giặc?*

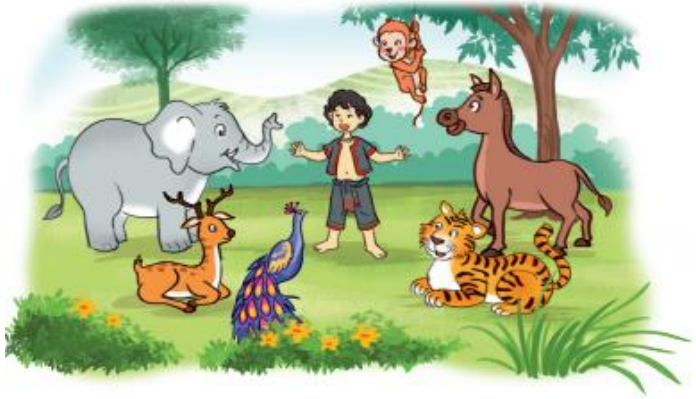

Câu 4 ở mức 2. Phân tích, suy luận (Thông hiểu):

4. *Theo em, lời hát của em bé người đá thể hiện ước nguyện gì của con người?*

Câu 5 ở mức 3. Vận dụng:

5. *Nêu một kết thúc khác cho câu chuyện theo mong muốn của em.*

Câu hỏi đọc hiểu đa dạng, phát huy năng lực HS.

Bài 22

BỘ ĐỘI VỀ LÀNG

ĐỌC

Nói những điều em biết về các chú bộ đội (trang phục, công việc,...).

BỘ ĐỘI VỀ LÀNG

(Trích)

Các anh đi
Ngày ấy đã lâu rồi
Xóm làng tôi còn nhớ mãi.
Các anh đi
Bao giờ trở lại
Xóm làng tôi trai gái vẫn chờ mong...
Các anh về mái ấm nhà vui
Tiếng hát câu cười
Rộn ràng xóm nhỏ
Các anh về tưng bừng trước ngõ,
Lớp lớp đàn em hớn hở theo sau
Mẹ già bịn rịn áo nâu
Vui đàn con ở rừng sâu mới về.
Từ lưng đèo
Dốc núi mù che,
Các anh về
Xôn xao làng tôi bé nhỏ.
Nhà lá đơn sơ,
Nhưng tấm lòng rộng mở,
Nồi cơm nấu dở
Bát nước chè xanh
Ngồi vui kể chuyện tâm tình bên nhau.

(Hoàng Trung Thông)

Từ ngữ

- *Bịn rịn*: lưu luyến, không muốn rời xa.
- *Đơn sơ*: đơn giản và sơ sài.

1. Tìm những từ ngữ thể hiện nỗi niềm mong nhớ các anh bộ đội của dân làng.
2. Không khí xóm làng thay đổi như thế nào khi các anh bộ đội trở về? Hình ảnh nào giúp em cảm nhận được điều đó?
3. Năm dòng thơ cuối gợi cho em những cảm xúc, suy nghĩ gì?
4. Theo em, người dân đã dành tình cảm gì cho các anh bộ đội? Vì sao?
5. Nêu chủ đề của bài thơ. Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em.
   - A. Các anh bộ đội Cụ Hồ đã để lại ấn tượng rất đẹp với người dân.
   - B. Tình quân dân thắm thiết, sự gắn bó bền chặt giữa hậu phương và tiền tuyến tạo nên sức mạnh của dân tộc Việt Nam.
   - C. Trong những tháng năm chiến tranh chống giặc xâm lược, mỗi làng quê Việt Nam đều là quê hương của các anh bộ đội.

* Học thuộc lòng bài thơ.

1. Chọn những từ đồng nghĩa với từ *đơn sơ*.

đơn giản	đơn độc	mộc mạc	sơ lược	giản dị

2. Đặt 2 – 3 câu với những từ đồng nghĩa mà em đã chọn ở bài tập 1.

Câu hỏi đọc hiểu đa dạng, phát huy năng lực HS.

Bài 12

NHỮNG HÒN ĐẢO TRÊN VỊNH HẠ LONG

ĐỌC

Chia sẻ những điều em biết về vịnh Hạ Long.

NHỮNG HÒN ĐẢO TRÊN VỊNH HẠ LONG

(Trích)

Vịnh Hạ Long là thắng cảnh có một không hai của đất nước ta. Trên một diện tích hẹp, mọc lên hàng nghìn đảo nhấp nhô khuất khúc như rồng chầu, phượng múa.

Đảo có chỗ sừng sững, chạy dài như bức trường thành vững chãi, ngăn khơi với lộng, nối mặt biển với chân trời. Có chỗ đảo dàn ra thưa thớt, hòn này với hòn kia biệt lập, xa trông như quân cờ bày chon von trên mặt biển. Có chỗ đảo quần tụ lại, xúm xít như vạn chài lúc neo thuyền, phơi lưới.

Đảo của Hạ Long không phải là những núi đá buồn tẻ, đơn điệu mà mỗi hòn, mỗi dáng đều thấp thoáng hình ảnh của sự sống. Có hòn trông như đôi gà đang xoè cánh chọi nhau trên mặt nước (hòn Gà Chọi); có hòn bể thế như mái nhà (hòn Mái Nhà); có hòn chông chênh như con cóc ngồi bờ giếng (hòn Con Cóc), có hòn như ông lão trầm tĩnh ngồi câu cá (hòn Ông Lã Vọng),... Có nhiều hang đảo đẹp, như hang Bồ Nâu, hang Đầu Gỗ,... Mỗi hang đảo gắn với một sự tích huyền bí.

Ngắm Hạ Long với trăm nghìn đảo đá sừng sững, ta có cảm giác được chiêm ngưỡng một thế giới sống động đã trải qua hàng triệu năm hoá đá.

(*Theo* Thi Sảnh)

Từ ngữ

- *Trường thành*: bức thành dài và vững chắc.
- *Khơi*: vùng biển xa bờ.
- *Lộng*: vùng biển gần bờ.

1. Tìm câu văn miêu tả bao quát về đảo ở vịnh Hạ Long. Câu văn đó giúp em hình dung được những gì về vịnh Hạ Long?
2. Những hòn đảo ở Hạ Long được tạo hoá xếp đặt thú vị như thế nào? Bằng cách nào, tác giả giúp ta cảm nhận được điều đó?
3. Dựa vào bài đọc, em hãy miêu tả hình dáng một số hòn đảo ở Hạ Long.
4. Khi ngắm đảo ở vịnh Hạ Long, vì sao tác giả có cảm giác được "chiêm ngưỡng một thế giới sống động đã trải qua hàng triệu năm hoá đá"?
5. Chủ đề của bài *Những hòn đảo trên vịnh Hạ Long* là gì? Chọn đáp án đúng.

A. Vẻ đẹp kì thú của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long
B. Sự thơ mộng, huyền bí của sóng nước Hạ Long
C. Sức cuốn hút của thiên nhiên Hạ Long đối với du khách
D. Những cảnh đẹp có một không hai của thiên nhiên

1. Nêu tác dụng của các từ ngữ sau trong việc miêu tả những hòn đảo trên vịnh Hạ Long.

nhấp nhô | sừng sững | thưa thớt | chon von | xúm xít | chông chênh

2. Tìm trong các từ dưới đây những cặp từ đồng nghĩa.

ngắm nhìn | quần tụ | vững chắc | trầm tĩnh | trầm lặng | vững chãi | quây quần | chiêm ngưỡng

3. Đặt câu với 1 cặp từ đồng nghĩa em tìm được ở bài tập 2.

VIẾT

QUAN SÁT PHONG CẢNH

Yêu cầu: Quan sát một cảnh ao hồ, sông suối hoặc biển đảo và ghi lại kết quả quan sát.

1. Chuẩn bị.
   - Lựa chọn phong cảnh để quan sát (cảnh ao, hồ, sông, suối, biển, đảo,...).
   - Lựa chọn cách quan sát (trực tiếp hoặc qua tranh ảnh, video,...).
   - Lựa chọn trình tự quan sát.

Bài 16

XIN CHÀO, XA-HA-RA

ĐỌC

Trao đổi với bạn những điều em biết về sa mạc (thời tiết, cảnh vật, con vật, cây cối,…).

XIN CHÀO, XA-HA-RA

Sang phía nam dãy Át-lát, tôi như lạc vào phim khoa học viễn tưởng. Những rặng đá xám bỗng xỉn màu rồi ngả sang đen rám hoặc đỏ quạch. Bốn bề giống như sao Hoả.

Nghỉ vài chặng, xe bắt đầu quành vào sa mạc. Chúng tôi xuống xe dưới cái nắng như rải lửa khiến tóc của mọi người trở nên giòn tan. Nhưng tôi đã quên mất nắng nóng. Tôi còn bận thì thầm: "Xin chào, Xa-ha-ra.".

Xa-ha-ra, sa mạc lớn nhất châu Phi đang ở ngay trước mắt tôi. Chân tôi đang giẫm lên nó. Cát của nó lộm cộm dưới đế giày. Cát sa mạc mịn như bột và mỏng manh như gió bụi, không to như cát Phan Thiết hay ẩm ướt như cát Sầm Sơn. Chúng tôi phấn khích nhảy nhót. Giấc mơ này là có thật. Chúng tôi đang ở đây, một trong những nơi hoang vu nhất địa cầu.

Chúng tôi trèo lên yên lạc đà. Chúng đứng bổng dậy, cao lừng lững. Những người dắt lạc đà phải ghìm để chúng không chạy. Chạy trên cát lún thì lạc đà là vô địch.

Trời tối dần, lạ thay, trời rất mát, thậm chí rất lạnh. Gió thổi lồng lộng kéo bật tóc tôi ra khỏi khăn trùm đầu. Chúng tôi đi khá lâu mới đến khu lều dành cho khách du lịch, nhưng không ai muốn vào những túp lều du mục ấy. Mọi người nằm kềnh ra những tấm chiếu dạ trải trên cát để ngắm sao, tận hưởng đêm duy nhất giữa sa mạc mênh mông.

Năm giờ sáng, trời hửng. Những cồn cát óng vàng vây quanh những căn lều vuông vắn. Bầu trời nhu nhú ánh bình minh rồi rải nắng non lóng lánh lên những hạt cát mịn. Đàn lạc đà lại đưa chúng tôi ra xe. Sa mạc hai triệu năm tuổi và những cồn cát lùi dần lại phía sau. Bỗng trên xe có người nói chưa biết quốc tịch của người bên cạnh. Mọi người cười phá lên. Phải rồi, việc mang quốc tịch gì đâu có quan trọng, khi mà ở giữa hoang mạc, ai cũng trở nên nhỏ bé như một hạt cát.

(*Theo* Di Li)

1. Tìm những chi tiết miêu tả sự khắc nghiệt của thiên nhiên:

– Trên con đường dẫn đến sa mạc Xa-ha-ra.

– Ở sa mạc Xa-ha-ra.

2. Nhân vật "tôi" có cảm xúc gì khi được đến Xa-ha-ra? Cảm xúc đó được thể hiện ra sao?

3. Những điều đặc biệt ở Xa-ha-ra được miêu tả thế nào?

Thời tiết

Cát

Lạc đà

Bình minh

4. Theo em, chi tiết đoàn khách du lịch muốn nằm ngoài trời để ngắm sao cho thấy cảm xúc gì của họ?

5. Câu cuối bài đọc cho biết điều gì? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em.

A. Thiên nhiên quá hùng vĩ, con người quá bé nhỏ.

B. Ở một nơi kì vĩ như Xa-ha-ra, con người chỉ cần chú ý đến cảnh sắc thiên nhiên.

C. Thiên nhiên giúp xoá nhoà khoảng cách giữa người với người.

1. Tìm trong và ngoài bài đọc những từ ngữ chỉ đặc điểm của sa mạc và những từ ngữ có nghĩa trái ngược với chúng.

M: *hoang vu – sầm uất*

Tuần 22

Bài 7

ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ

ĐỌC

Trao đổi với bạn những điều em biết về cuộc sống, công việc của người dân miền biển.

ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ

Mặt trời xuống biển như hòn lửa
Sóng đã cài then, đêm sập cửa
Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi
Câu hát căng buồm cùng gió khơi.

Hát rằng: cá bạc Biển Đông lặng,
Cá thu Biển Đông như đoàn thoi
Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng
Đến dệt lưới ta, đoàn cá ơi!

Ta hát bài ca gọi cá vào
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao
Biển cho ta cá như lòng mẹ
Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.

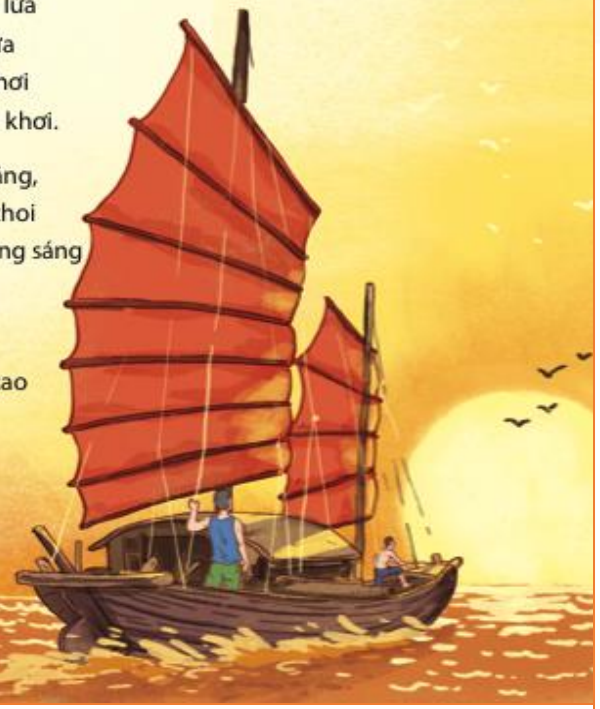

Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng
Vảy bạc đuôi vàng loé rạng đông,
Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng.

Câu hát căng buồm với gió khơi
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời
Mặt trời đội biển nhô màu mới,
Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.

(Huy Cận)

Từ ngữ

- *Thoi*: bộ phận của khung cửi hoặc máy dệt để luồn sợi khi dệt vải.
- *Gõ thuyền* (động tác của người đánh cá): gõ mạnh vào mạn thuyền, tạo nên tiếng động để lùa cá bơi về một hướng.

1. Ở khổ thơ thứ nhất, đoàn thuyền đánh cá ra khơi trong khung cảnh thiên nhiên như thế nào? Cách miêu tả của nhà thơ có gì đặc biệt?

Mặt trời | Sóng | ❁

2. Tìm trong bài thơ những chi tiết thể hiện tình cảm, cảm xúc của những người đánh cá trên biển:

Niềm vui trong lao động | Tình yêu và lòng biết ơn đối với biển cả

3. Những hình ảnh ở khổ thơ cuối có ý nghĩa gì?

4. Bài thơ giúp em cảm nhận được những vẻ đẹp nào của cuộc sống?

* Học thuộc lòng bài thơ.

Tuần 19

Bài 1

TIẾNG HÁT CỦA NGƯỜI ĐÁ

ĐỌC

Kể tên 1 – 2 truyện cổ mà em đã đọc hoặc đã nghe. Nêu những chi tiết em thích.

TIẾNG HÁT CỦA NGƯỜI ĐÁ

Trên đỉnh núi cao ở vùng Chư Bô-đa, có một mỏm đá xanh giống hình một em bé cười voi. Những tia nắng vàng dịu, những hạt mưa trong vắt thay nhau tắm gội, sưởi ấm cho mỏm đá. Gió rì rào kể cho mỏm đá nghe những câu chuyện về mọi miền. Chim hót cho mỏm đá nghe những điệu ca du dương. Cứ thế, năm này qua năm khác, những câu chuyện của gió, những bài ca của chim thấm sâu vào mỏm đá hình em bé.

Một buổi sáng, mỏm đá khẽ cựa quậy, rồi từ từ biến thành một em bé xinh đẹp. Em bước xuống núi, thấy muông thú từng đàn kéo về phá

nương rẫy, dân làng đuổi đằng đông, dồn đằng tây mà chẳng ăn thua gì. Em bé liền cất giọng hát. Tiếng hát của em vang khắp núi rừng. Muông thú quên cả phá lúa, nhảy múa theo tiếng hát. Dân làng vây quanh em bé, hỏi em từ đâu tới, tên em là gì, nhưng em chỉ cười. Mọi người đặt tên cho em là Nai Ngọc.

Ngày nọ, giặc kéo đến đông như lá rừng, nhanh như chớp giật, giáo mác chĩa lên trời tua tủa như bông lách, bông lau. Dân làng không kể trẻ già, trai gái vội cầm tên nỏ, khiên đao đuổi giặc. Bốn phương lửa cháy rừng rực. Nai Ngọc trèo lên một mỏm núi, cất tiếng hát kêu gọi những kẻ xâm lược chớ đi ăn cướp, hãy trở về với vợ con, đi hái rau ngọt, cắt lúa vàng, tối ngủ bên lửa ấm, sáng thức dậy theo mặt trời,… Giọng hát của Nai Ngọc khiến giặc đứng sững như những pho tượng, vũ khí tuột khỏi tay.

Giặc tan, nhưng không thấy Nai Ngọc đâu. Dân làng bảo nhau rằng sau khi giúp dân trừ giặc, Nai Ngọc đã trở lên núi cao, biến thành đá như trước. Ai cũng tin rằng nhất định Nai Ngọc sẽ trở về với dân làng, cất tiếng hát giữa cảnh núi rừng thanh bình, tươi đẹp.

(Theo *Truyện cổ Việt Nam*, Ngọc Anh và Văn Lang *kể*)

1. Mỏm đá trên đỉnh núi cao có gì đặc biệt? Mỏm đá được mọi vật yêu quý như thế nào?

Nắng | Mưa | ● | ●

2. Chuyện gì xảy ra vào ngày mỏm đá hoá thành một em bé? Mọi người được chứng kiến điều gì kì lạ khi em bé người đá cất tiếng hát vang khắp núi rừng?

3. Khi giặc kéo đến, em bé người đá và dân làng đã làm gì để đuổi giặc?

4. Theo em, lời hát của em bé người đá thể hiện ước nguyện gì của con người?

5. Nêu một kết thúc khác cho câu chuyện theo mong muốn của em.

ĐỊNH HƯỚNG DẠY HỌC ĐỌC HIỂU

• GV cần vận dụng linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động trong giờ học Đọc cho HS. Phương châm là dạy đọc hiểu phải kích hoạt được việc đọc tích cực, sáng tạo ở chủ thể đọc.

• Chú trọng huy động trải nghiệm, hiểu biết của HS có liên quan đến nội dung VB đọc, cho HS so sánh, liên hệ mở rộng…

ĐỊNH HƯỚNG DẠY HỌC ĐỌC HIỂU

• Trong dạy học đọc hiểu, GV cần khích lệ HS mạnh dạn phát biểu (phát biểu khi làm việc theo cặp, theo nhóm hoặc chung cả lớp).

• Ý kiến phát biểu của HS có thể chưa thật rõ, chưa thật phù hợp, diễn đạt có thể chưa gãy gọn, lời lẽ chưa lưu loát,… song điều quan trọng là các em được tập luyện để từng bước hình thành thói quen tìm tòi, khám phá văn bản (VB văn học, VB thông tin), dần có được sự tự tin vào chính mình trong học tập và trong cuộc sống.

ĐỊNH HƯỚNG DẠY HỌC ĐỌC HIỂU

• GV có thể bổ sung câu hỏi để tạo cơ hội cho HS phát huy khả năng suy luận, suy nghĩ độc lập (VD: Trước khi đọc VB, GV có thể cho HS dựa vào nhan đề và tranh minh hoạ để suy đoán nội dung VB,...). Có thể bổ sung những câu hỏi/ nêu vấn đề gợi ra từ bài đọc để HS đưa ra các ý kiến tranh luận, giúp hiểu sâu VB.

• Tổ chức đàm thoại giữa HS với HS, giữa GV và HS; tăng cường hoạt động thảo luận nhóm.

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Yêu cầu về đọc mở rộng: Đọc tối thiểu **35 VB** văn học và **18 VB** thông tin (**Lưu ý:** Số VB không phải là định mức bắt buộc).

2. Tổ chức hoạt động đọc mở rộng:

• Nội dung tiết đọc mở rộng: HS được yêu cầu tự tìm sách, báo để đọc. Các em có cơ hội tự chọn văn bản (truyện, thơ, văn bản thông tin,...) để đọc ở nhà hoặc ở lớp. *Tiếng Việt 5* giới thiệu các mẫu phiếu đọc sách, HS tham khảo để thiết kế phiếu đọc sách và ghi chép kết quả đọc vào phiếu.

Chuẩn mực Khoa học Hiện đại

ĐỌC MỞ RỘNG

• Mục đích của tiết đọc mở rộng: HS từng bước hình thành, phát triển thói quen và hứng thú đọc sách, phát triển kĩ năng tự đọc, tự học để mở rộng hiểu biết.

• Thời gian dành cho đọc mở rộng: 2 tuần có 1 tiết đọc mở rộng, dành khoảng thời gian phù hợp để HS được chia sẻ kết quả đọc mở rộng ở lớp.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG
Chuẩn mực
Khoa học
Hiện đại

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc bài thơ viết về trẻ em.

Ví dụ:

…Khi trẻ con tập đi
Đường có từ ngày đó
Nhưng còn cần cho trẻ
Tình yêu và lời ru
Cho nên mẹ sinh ra
Để bế bồng chăm sóc…

(Xuân Quỳnh,
Chuyện cổ tích về loài người)

…Những hạt nắng bé con
Lăng xăng đùa quanh tớ
Rì rào tiếng gió thở
Như bà kể chuyện xưa
Tớ có một giấc mơ
Dưới nắng vàng êm dịu…

(Nguyễn Quỳnh Mai,
Dưới bóng cây dã hương)

Con đường tới lớp cùng em
Đã thành người bạn thân quen lâu rồi
Mà sao chân bước bồi hồi
Nghe trong thầm lặng bao lời thân yêu.

(Nguyễn Trọng Hoàn, *Con đường tới lớp*)

2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.

PHIẾU ĐỌC SÁCH		
Tên bài thơ: ❁	Tác giả: ❁	Ngày đọc: ❁
Nội dung bài thơ: ❁	Những câu thơ hay hoặc những hình ảnh thơ đẹp: ❁	
Suy nghĩ, cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ: ❁	Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆	

3. Trao đổi với bạn về bài thơ đã đọc.

G: Em có thể đọc những câu thơ hoặc đoạn thơ em yêu thích và chia sẻ với bạn.

- Tình cảm, cảm xúc của nhà thơ đối với trẻ em được thể hiện trong bài thơ.
- Suy nghĩ, cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ.

Tìm đọc câu chuyện hoặc bài báo về một môn thể thao hoặc vận động viên mà em yêu thích.

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc phiếu đọc sách dưới đây:

Phiếu đọc sách này của Lâm Phong
Ngày đọc: 2 tháng 11 năm 2024

Tên truyện:
ĐẤT RỪNG PHƯƠNG NAM
Tác giả: Đoàn Giỏi
Thể loại: truyện

Nội dung tác phẩm

Giới thiệu về cảnh sắc của vùng đất Nam Bộ qua hành trình phiêu lưu của cậu bé An.	Tiền Giang, Hậu Giang, Kiên Giang, Cà Mau,… là những miền đất trù phú với những cánh đồng mênh mang, sông nước rì rào, rừng rậm bạt ngàn, có nhiều loài thú hoang dã: hổ, rắn, cá sấu,…	Người dân Nam Bộ yêu lao động, yêu thiên nhiên, nhân ái, trí dũng, một lòng đi theo kháng chiến.

Điều ấn tượng nhất về tác phẩm

Những câu văn tả cảnh như chứa đầy âm thanh, màu sắc, hương vị:
Chim hót líu lo. Nắng bốc hương hoa tràm thơm ngây ngất. Gió đưa mùi hương ngọt lan ra, phảng phất khắp rừng…

Cảm nhận chung về tác phẩm

- Nhờ cuốn sách này, tôi có thêm hiểu biết về vùng đất Nam Bộ. Tôi bị choáng ngợp bởi thiên nhiên hoang sơ, đẹp đẽ lại rất êm đềm, trù phú. Tôi xúc động, trân trọng vẻ đẹp tâm hồn của con người nơi đây.
- Điều tiếc nuối nhất: Kết thúc tác phẩm, cậu bé An vẫn chưa gặp lại bố mẹ của mình.

Mức độ yêu thích
☑ Rất hay
☐ Khá hay
☐ Bình thường
☐ Không hấp dẫn

2. Đọc một cuốn sách viết về một miền đất.

3. Viết phiếu đọc sách theo mẫu ở bài tập 1 và dựa vào đó chia sẻ với các bạn những thông tin thú vị trong cuốn sách.

Dựa vào cuốn sách mà em đã đọc về một miền đất, vẽ tranh hoặc chia sẻ với người thân cảm xúc, suy nghĩ về cảnh vật, con người,…của miền đất đó.

Các tiết ***Đọc mở rộng*** được thiết kế đa dạng, sinh động nhưng thống nhất về yêu cầu.

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc câu chuyện về một người làm việc trong lĩnh vực nghệ thuật.

G:

- *Những mẩu chuyện âm nhạc* (Hoàng Lân)
- *Bức tranh của em gái tôi* (Tạ Duy Anh)
- *Những mẩu chuyện về nhà văn Tô Hoài* (Cao Minh)
- ❁

2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.

PHIẾU ĐỌC SÁCH		
Tên câu chuyện: ❁	Tác giả: ❁	Ngày đọc: ❁
Tên nhân vật chính: ❁		Lĩnh vực nghệ thuật: ❁
Nội dung chính của câu chuyện: ❁		Chi tiết đáng nhớ: ❁
Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆		

3. Trao đổi với bạn về câu chuyện đã đọc.

G:

Em có thể:

- Giới thiệu về nhân vật chính trong câu chuyện (tên, nghề nghiệp, những đóng góp trong hoạt động nghệ thuật,...).
- Nêu ấn tượng của em đối với tinh thần lao động, sáng tạo của những người nghệ sĩ hoặc sản phẩm nghệ thuật xuất sắc của họ.

Trao đổi với người thân về một người làm nghệ thuật hoặc ý nghĩa của những tác phẩm nghệ thuật đối với cuộc sống.

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc sách báo viết về quyền và bổn phận của trẻ em hoặc những hoạt động của thiếu nhi quốc tế.

G:

Hiểu về Quyền trẻ em là bộ sách gồm 10 tập được phát hành năm 2019. Có thể coi bộ sách là bản Tuyên ngôn về Quyền trẻ em với 10 nguyên tắc. Mỗi một tập sách sẽ chuyển tải một nguyên tắc thông qua một câu chuyện thú vị cùng những hình vẽ ngộ nghĩnh, đáng yêu. Thông điệp gửi đi từ bộ sách là: *Loài người phải dành cho trẻ em những điều tốt đẹp nhất.*

Bài báo *Trại Thiếu nhi Quốc tế A-tếch – niềm ước mơ của thiếu nhi thế giới* viết về một trại hè quốc tế có lịch sử hàng trăm năm, được tổ chức hằng năm bên bờ Biển Đen. Trại hè A-tếch là nơi giao lưu, chia sẻ của những trẻ em có thành tích đặc biệt xuất sắc trong nhiều lĩnh vực: học tập văn hoá, thể thao và các ngành nghệ thuật. Đã có nhiều trẻ em Việt Nam được tham gia trại hè này.

VOV.VN 4.8.2017
Thế giới
Trại Thiếu nhi Quốc tế A-tếch – niềm ước mơ của thiếu nhi thế giới
(Điệp Anh)

2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.

PHIẾU ĐỌC SÁCH		
Tên sách báo: ❁	Tác giả: ❁	Ngày đọc: ❁
Nội dung chính hoặc những thông tin chính của sách báo: ❁		
Chi tiết ấn tượng trong sách báo giúp em mở rộng hiểu biết: ❁		
Suy nghĩ, cảm xúc của em về vấn đề được nêu trong sách báo: ❁		
Mức độ yêu thích: ☆☆☆☆☆		

3. Trao đổi với bạn về những thông tin mới trong sách báo em đã đọc.

Chia sẻ với người thân về quyền và bổn phận của trẻ em hoặc những hoạt động của thiếu nhi quốc tế.

Đọc mở rộng được chỉ dẫn cụ thể, HS có thể dễ dàng thực hiện.

2. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC LUYỆN TỪ VÀ CÂU

Cách sắp xếp nội dung mạch Luyện từ và câu

Tập 1

- Luyện tập về danh từ, động từ, tính từ
- **Đại từ**; luyện tập về đại từ
- **Từ đồng nghĩa**; luyện tập về từ đồng nghĩa
- **Từ đa nghĩa**; luyện tập về từ đa nghĩa
- **Sử dụng từ điển**; luyện tập sử dụng từ điển
- **Dấu gạch ngang**; luyện tập về dấu gạch ngang
- **Biện pháp điệp từ, điệp ngữ**; luyện tập về điệp từ, điệp ngữ
- **Kết từ**; luyện tập về kết từ

Tập 2

- **Câu đơn & câu ghép**; **cách nối các vế câu ghép**; luyện tập về câu ghép
- **Liên kết câu** (bằng cách lặp từ ngữ, bằng từ ngữ nối, bằng từ ngữ thay thế); luyện tập về liên kết câu trong đoạn văn
- Luyện tập về đại từ, kết từ; luyện tập về từ đồng nghĩa, từ đa nghĩa; luyện tập về câu ghép; luyện tập về dấu gạch ngang
- **Viết tên riêng nước ngoài; Viết hoa DT chung thể hiện sự tôn trọng**
- Luyện tập về liên kết câu trong đoạn văn

4 tuần ôn tập định kì

Ôn tập các kiến thức về từ và câu đã học.

ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

- Mỗi đơn vị kiến thức ở Luyện từ và câu được thiết kế thành hai phần: hình thành kiến thức và luyện tập.
- Phần hình thành kiến thức bắt đầu bằng bài tập nhận diện, sau đó là Ghi nhớ. Sau Ghi nhớ có một số bài tập củng cố, vận dụng kiến thức đã ghi nhớ.
- Phần Luyện tập được đặt ở một tiết (hoặc một số tiết) tiếp theo.

Hình thành kiến thức: Các khái niệm được giải thích dễ hiểu, chú trọng đến nghĩa và cách dùng của các đơn vị ngôn ngữ.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

TỪ ĐỒNG NGHĨA

1. Đọc 2 đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

Đàn kiến tiếp tục công việc của chúng: **khuân** đất, nhặt lá khô, **tha** mồi. Kiến bé tí tẹo nhưng rất khoẻ và hăng say. Kiến **vác**, kiến lôi, kiến đẩy, kiến **nhấc** bổng lên được một vật nặng khổng lồ. Kiến chạy tíu tít, gặp nhau đụng đầu chào, rồi lại vội vàng, tíu tít...

(*Theo* Nguyễn Kiên)

47

Một chú ve kéo đàn. Tiếng đàn ngân lên phá tan bầu không khí tĩnh lặng của buổi **ban mai**. Rồi chú thứ hai, thứ ba, thứ tư cùng hoà vào khúc tấu. Từ **sáng sớm**, khi mặt trời mới ló rạng, tiếng ve đã át tiếng chim.

(*Theo* Hữu Vi)

a. Những từ in đậm trong đoạn văn nào có nghĩa giống nhau?

b. Những từ in đậm trong đoạn văn nào có nghĩa gần giống nhau? Nêu nét nghĩa khác nhau giữa chúng.

2. Tìm trong mỗi nhóm từ dưới đây những từ có nghĩa giống nhau.

a. chăm chỉ, cần cù, sắt đá, siêng năng, chịu khó

b. non sông, đất nước, núi non, giang sơn, quốc gia

c. yên bình, tĩnh lặng, thanh bình, bình tĩnh, yên tĩnh

Ghi nhớ

– Từ đồng nghĩa là những từ có nghĩa giống nhau (ví dụ: *bố, ba, cha,...*) hoặc gần giống nhau (ví dụ: *ăn, xơi, chén,...*).

– Khi viết hoặc nói, cần lựa chọn từ phù hợp nhất với ý nghĩa được thể hiện.

3. Những thành ngữ nào dưới đây chứa các từ đồng nghĩa? Đó là những từ nào?

a. Chân yếu tay mềm	b. Thức khuya dậy sớm	c. Đầu voi đuôi chuột
d. Một nắng hai sương	e. Ngăn sông cấm chợ	g. Thay hình đổi dạng

4. Chọn từ thích hợp trong mỗi nhóm từ đồng nghĩa để hoàn thiện đoạn văn.

Tháng Ba, tháng Tư, Tây Trường Sơn (1)(*khai mạc/ bắt đầu*) mùa mưa. Mưa tới đâu, cỏ lá (2)(*tốt tươi/ tươi tắn*) tới đó. Phía trước bầy voi luôn luôn là những vùng đất (3)(*no nê/ no đủ*), nơi chúng có thể sống những ngày sung sướng bù lại thời gian (4)(*đói khát/ đói rách*) của mùa thu. Vì thế, bầy voi cứ theo sau những cơn mưa mà đi. Đó là luật lệ của rừng.

(*Theo* Vũ Hùng)

48

Dạy học về từ vựng (nghĩa của từ, quan hệ nghĩa giữa các từ): gắn với ngữ cảnh.

Hình thành kiến thức: Các khái niệm được giải thích dễ hiểu, chú trọng đến nghĩa và cách dùng của các đơn vị ngôn ngữ.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

TỪ ĐA NGHĨA

1. Đọc đoạn thơ và các nghĩa của từ *mắt* rồi trả lời câu hỏi.

Xe có [1]**mắt** đèn
Chân người: mắt cá!
[2]**Mắt** chim, hình tròn
[3]**Mắt** người, hình lá.
(Phạm Hổ)

Mắt:
Nghĩa 1: cơ quan để nhìn của người hay động vật.
Nghĩa 2: chỗ lồi ra, giống hình con mắt ở một số vật.

a. Tìm nghĩa thích hợp cho từ *mắt* được in đậm.
b. Trong các nghĩa của từ *mắt* nêu trên, nghĩa nào là nghĩa gốc, nghĩa nào là nghĩa được phát triển từ nghĩa gốc (nghĩa chuyển)?
c. Các nghĩa trên của từ *mắt* có liên hệ với nhau như thế nào?

2. Xác định nghĩa của từ *biển* trong những câu thơ, câu ca dao dưới đây và cho biết nghĩa nào là nghĩa gốc, nghĩa nào là nghĩa chuyển.

a. Việt Nam đất nước ta ơi
Mênh mông **biển** lúa đâu trời đẹp hơn.
(Nguyễn Đình Thi)

b. Mặt trời xuống **biển** như hòn lửa
Sóng đã cài then, đêm sập cửa.
(Huy Cận)

c. Công cha như núi ngất trời
Nghĩa mẹ như nước ngời ngời **Biển** Đông.
(*Ca dao*)

Ghi nhớ
Từ đa nghĩa là từ có nhiều nghĩa, trong đó có một nghĩa gốc và một hoặc một số nghĩa chuyển.
Các nghĩa của một từ đa nghĩa luôn có mối liên hệ với nhau.

3. Từ *lưng* trong mỗi đoạn thơ dưới đây được dùng với nghĩa gốc hay nghĩa chuyển? Nêu các nghĩa đó.

a. Trăng tròn như quả bóng
Lơ lửng treo **lưng** trời.
(Nguyễn Ngọc Hưng)

b. [1]**Lưng** núi thì to mà [2]**lưng** mẹ nhỏ
Em ngủ ngoan em đừng làm mẹ mỏi
Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi
Mặt trời của mẹ, em nằm trên [3]**lưng**.
(Nguyễn Khoa Điềm)

4. Chọn 1 trong 2 từ dưới đây và đặt câu để phân biệt các nghĩa của từ đó.

a. ấm
- Nghĩa 1: có nhiệt độ cao hơn mức trung bình một chút (thường mang lại cảm giác dễ chịu).
- Nghĩa 2: có tác dụng mang lại cảm giác êm dịu, dễ chịu.

b. lạnh
- Nghĩa 1: có nhiệt độ thấp hơn mức trung bình rất nhiều (thường gây cảm giác khó chịu).
- Nghĩa 2: tỏ ra không có chút tình cảm gì trong quan hệ người với người.

Dạy học về từ vựng (nghĩa của từ, quan hệ nghĩa giữa các từ): gắn với ngữ cảnh.

Luyện tập sau khi đã nắm được kiến thức: Chú trọng đến nghĩa và cách dùng của các đơn vị ngôn ngữ.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ TỪ ĐỒNG NGHĨA

1. Chọn từ thích hợp thay cho bông hoa trong mỗi thành ngữ dưới đây:
G: Từ cần tìm đồng nghĩa với từ in đậm trong mỗi thành ngữ.

lớn | nơi | ước | lượt | yên | lành

a. Ngày ● tháng **tốt**
b. Năm **lần** bảy ●
c. Sóng ● biển **lặng**
d. **Cầu** được ● thấy
e. Đao **to** búa ●
g. Đi đến ● về đến **chốn**

2. Tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ in đậm trong đoạn thơ dưới đây:

Góc sân **nho nhỏ** mới xây
Chiều chiều em đứng nơi này em **trông**
Thấy trời xanh biếc **mênh mông**
Cánh cò chớp trắng trên sông Kinh Thầy…
(Trần Đăng Khoa)

3. Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn để hoàn thành đoạn văn.

Mưa mùa xuân xôn xao, phơi phới. Những hạt mưa [1](*bé mọn, bé con, bé nhỏ*), mềm mại, rơi như nhảy nhót. Hạt nọ tiếp hạt kia đan xuống mặt đất. Mặt đất đã [2](*khô cằn, khô khan, khô khốc*) bỗng thức dậy, âu yếm đón lấy những giọt mưa ấm áp, [3](*trong sáng, trong lành, trong xanh*). Mặt đất lại [4](*dịu mềm, dịu nhẹ, dịu ngọt*), lại cần mẫn tiếp nhựa sống cho cây cỏ. Mưa mùa xuân đã mang lại cho cây [5](*sức lực, sức vóc, sức sống*) tràn đầy. Và cây trả nghĩa cho mưa bằng cả mùa hoa thơm trái ngọt.
(*Theo* Nguyễn Thị Thu Trang)

4. Viết đoạn văn (4 – 5 câu) về một cảnh đẹp thiên nhiên, có sử dụng 2 – 3 từ đồng nghĩa.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ TỪ ĐA NGHĨA

1. Nêu nghĩa của từ *hạt* trong mỗi đoạn thơ dưới đây. Từ *hạt* trong đoạn thơ nào được dùng với nghĩa gốc?

a. Khi đang là hạt
Cầm trong tay mình
Chưa gieo xuống đất
Hạt nằm lặng thinh.
(Trần Hữu Thung)

b. Hạt mưa mải miết trốn tìm
Cây đào trước của lim dim mắt cười
Quất gom từng hạt nắng rơi
Làm thành quả – những mặt trời tí hon.
(Đỗ Quang Huỳnh)

2. Trong hai đoạn thơ dưới đây, từ *chân* được dùng với các nghĩa nào? Các nghĩa đó có gì giống và khác nhau?

a. Cái gậy có một chân,
Biết giúp bà khỏi ngã.
Chiếc com-pa bố vẽ,
Có chân đứng, chân quay.
Cái kiềng đun hằng ngày,
Ba chân xoè trong lửa.
(Vũ Quần Phương)

b. Chân em bước thật êm
Đường sau mưa ẩm ướt
Trên lá non mịn mướt
Những giọt nước trong lành.
(Nguyễn Quỳnh Mai)

3. Đặt câu để phân biệt các nghĩa của mỗi từ sau đây:

Mũi
Nghĩa 1: bộ phận nhô lên ở giữa mặt người hoặc động vật có xương sống, dùng để thở và ngửi.
Nghĩa 2: bộ phận có đầu nhọn nhô ra phía trước của một số vật.

Cao
Nghĩa 1: có khoảng cách bao nhiêu đó từ đầu này đến đầu kia theo chiều thẳng đứng.
Nghĩa 2: hơn mức trung bình về số lượng hay chất lượng.

Dạy học về từ vựng (nghĩa của từ, quan hệ nghĩa giữa các từ): gắn với ngữ cảnh.

Hình thành kiến thức về đại từ.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

ĐẠI TỪ

1. Những từ in đậm trong mỗi câu sau được dùng để thay cho từ ngữ nào?

a. Nắng vàng óng. Lúa cũng **vậy**.

b. Cây tre này cao và thẳng. Các cây kia cũng **thế**.

c. Cánh đồng vàng ruộm báo hiệu một vụ mùa bội thu. **Đó** là thành quả lao động vất vả, "một nắng hai sương" của các cô bác nông dân.

2. Trong những đoạn trích dưới đây, từ nào được dùng để hỏi?

a. Cốc! Cốc! Cốc!
– Ai gọi đó?
– Tôi là thỏ…
(Võ Quảng)

b. Bé nằm ngẫm nghĩ
– Nắng ngủ ở đâu?
– Nắng ngủ nhà nắng
Mai lại gặp nhau.
(Thuỵ Anh)

c. Mùa nào phượng vĩ
Nở đỏ rực trời
Ở khắp nơi nơi
Ve kêu ra rả?
(*Câu đố*)

3. Đọc câu chuyện dưới đây và trả lời câu hỏi.

Hạt thóc

Hạt thóc được mẹ lúa yêu thương, chiều chuộng nên rất kiêu. Thóc nói với ngô, khoai, sắn:

– **Ta** là hạt vàng đấy, các **bạn** ạ. Chẳng ai bằng **ta** được.

Ngô liền nói:

– **Cậu** ơi, **tớ** nghĩ **cậu** chỉ là hạt vàng khi ở trên cánh đồng này thôi. Còn nếu ở trong bát cơm, chắc chắn **cậu** sẽ bị gắp bỏ ra ngoài.

Hạt thóc nghe xong, im lặng.

(Phan Tự Gia Bách)

a. Các từ in đậm trong câu chuyện trên được dùng để làm gì?

b. Trong số các từ đó, những từ nào chỉ người nói, những từ nào chỉ người nghe?

Ghi nhớ

Đại từ là từ dùng để thay thế như *thế, vậy, đó, này,…* (đại từ thay thế), để hỏi như *ai, gì, nào, sao, bao nhiêu, đâu,…* (đại từ nghi vấn) hoặc để xưng hô như *tôi, tớ, chúng tôi, chúng tớ, mày, chúng mày, chúng ta,…* (đại từ xưng hô). Ngoài ra, trong tiếng Việt, có nhiều danh từ được dùng để xưng hô như *ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em, cháu, thầy, bạn,…*

4. Đóng vai hạt thóc trong câu chuyện *Hạt thóc*, viết câu đáp lại lời của ngô, trong câu có sử dụng một đại từ.

VIẾT

LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO

Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:

Đề 1: Viết bài văn kể sáng tạo câu chuyện *Thanh âm của gió* hoặc *Cánh đồng hoa*.

Đề 2: Viết bài văn kể sáng tạo một câu chuyện có nhân vật chính là con vật hoặc đồ vật.

Dạy học về ngữ pháp (từ loại, các kiểu câu, liên kết câu,…): Chú trọng vào nghĩa, vào cách dùng từ và câu.

Luyện tập về đại từ.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ ĐẠI TỪ

1. Tìm các từ dùng để xưng hô trong mỗi đoạn dưới đây. Nhận xét về thái độ của người nói qua các từ đó.

a. Trông thấy tôi theo mẹ vào đến cổng, bà buông cái chổi, chạy ra nắm tay tôi.

– Cu Dũng lớn ngần này rồi ư?

[...]

Bà xăng xái xuống bếp lấy dao ra vườn chặt mía đem vào.

– Mía ngọt lắm, mẹ con ăn đi cho đỡ khát.

Bà róc, bà tiện, bà chẻ từng khẩu mía đưa cho tôi:

– Ăn đi! Cháu ăn đi! Răng bà yếu rồi, bà chả nhai được đâu.

(*Theo* Vũ Tú Nam)

b. Cánh cam vùng chạy, nhớn nhác tìm lối thoát. Chuột cống cười phá lên:

– Ha ha! Ta đã cho bịt kín tất cả lối ra vào. Nhà ngươi chớ có nhọc công vô ích! Tất cả các ngươi đã trở thành nô lệ của ta. Dưới cống này, ta là chúa tể, các ngươi không biết sao?

(Vũ Tú Nam)

2. Chọn các đại từ thay thế thích hợp với mỗi bông hoa và cho biết chúng được dùng để thay cho từ ngữ nào.

đó ấy thế vậy này

a. Cô dạy mình động tác bơi ếch. Động tác ✿ thật lạ.

b. Cây lạc tiên ra quả quanh năm. Vì ✿, con đường luôn phảng phất mùi lạc tiên chín.

c. Mây đen đã kéo đến đầy trời. Nhưng bọn trẻ chẳng chú ý đến điều ✿.

3. Tìm đại từ nghi vấn trong các câu dưới đây và xác định mục đích sử dụng tương ứng với mỗi đại từ đó.

a. Anh muốn gặp ai?	(1) Hỏi về số lượng
b. Sao con về muộn thế?	(2) Hỏi về người
c. Bạn làm được mấy bài tập rồi?	(3) Hỏi về thời gian
d. Bao giờ cháu về quê?	(4) Hỏi về địa điểm
e. Nó ngồi ở đâu?	(5) Hỏi về nguyên nhân

Dạy học về ngữ pháp (từ loại, các kiểu câu, liên kết câu,...): Chú trọng vào nghĩa, vào cách dùng từ và câu.

Ghi nhớ ngắn gọn

(so sánh Tiếng Việt 5 ở 2 chương trình)

SÁCH 2000

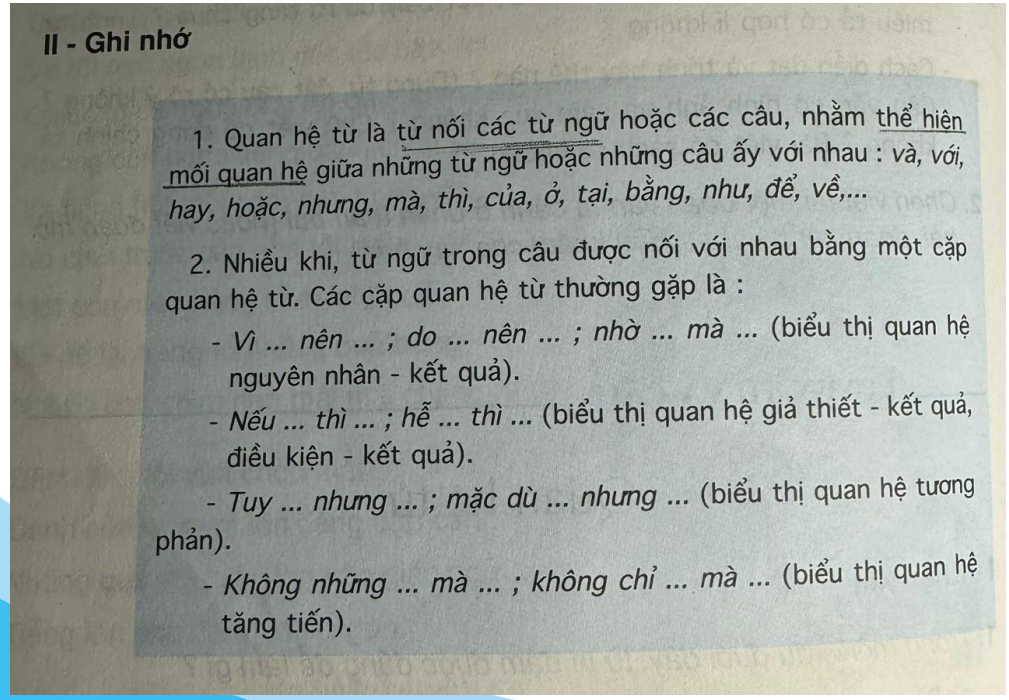

II - Ghi nhớ

1. Quan hệ từ là từ nối các từ ngữ hoặc các câu, nhằm thể hiện mối quan hệ giữa những từ ngữ hoặc những câu ấy với nhau : *và, với, hay, hoặc, nhưng, mà, thì, của, ở, tại, bằng, như, để, về,...*

2. Nhiều khi, từ ngữ trong câu được nối với nhau bằng một cặp quan hệ từ. Các cặp quan hệ từ thường gặp là :

- *Vì ... nên ... ; do ... nên ... ; nhờ ... mà ...* (biểu thị quan hệ nguyên nhân - kết quả).
- *Nếu ... thì ... ; hễ ... thì ...* (biểu thị quan hệ giả thiết - kết quả, điều kiện - kết quả).
- *Tuy ... nhưng ... ; mặc dù ... nhưng ...* (biểu thị quan hệ tương phản).
- *Không những ... mà ... ; không chỉ ... mà ...* (biểu thị quan hệ tăng tiến).

SÁCH KẾT NỐI

Ghi nhớ

– Kết từ là từ nối các từ ngữ hoặc các câu, nhằm thể hiện mối quan hệ giữa các từ ngữ hoặc các câu với nhau như: *và, với, hay, hoặc, vì, do, của,...*

– Có những kết từ dùng theo cặp (cặp kết từ) như: *mặc dù... nhưng, vì... nên, nếu... thì, không những... mà còn,...*

KẾT TỪ

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ KẾT TỪ

1. Chọn từ ngữ ở cột A phù hợp với từ ngữ ở cột B để tạo câu. Chỉ ra các kết từ trong mỗi câu.

A	B
a. Nước Áo được coi là đất nước của âm nhạc	(1) nhưng đó vẫn là những bức tranh đắt nhất thế giới.
b. Nếu không tính toán thật kĩ lưỡng và luyện tập tỉ mỉ trong mỗi cảnh quay	(2) mà còn giúp ta ngủ sâu và hoàn toàn thư giãn.
c. Âm nhạc không những làm tăng sự lạc quan	(3) thì các diễn viên đóng thế vẫn có thể gặp nguy hiểm.
d. Mặc dù nhiều bức tranh của Van Gốc có màu vàng chói chang đến nhức mắt	(4) bởi nhiều nhạc sĩ nổi tiếng thế giới đều đã sống ở đây.

2. Chọn kết từ phù hợp thay cho bông hoa.

cho | của | mà | và

Nghị lực phi thường, sự lãng mạn ❁ lòng nhân ái đã chắp cánh ❁ tài năng âm nhạc ❁ Mô-da. Di sản ❁ ông để lại ❁ nhân loại thật là vĩ đại: hơn 600 tác phẩm lớn nhỏ. Đây là một cống hiến vào mức kỉ lục ❁ một con người chỉ sống trên đời có 35 năm.

3. Hoàn thiện câu a hoặc b dưới đây với mỗi kết từ cho sẵn.

a. Tôi học chơi đàn ghi-ta
- và ❁.
- để ❁.
- vì ❁.

b. Môn ảo thuật luôn kích thích người xem
- bởi ❁.
- nên ❁.
- với ❁.

Hình thành kiến thức về biện pháp điệp từ, điệp ngữ và luyện tập.

(Bắt đầu từ những yêu cầu đơn giản, có gợi ý; thuận lợi cho HS thực hiện)

Từ ngữ

- *Xe ben*: xe tải, thùng xe có thể được điều khiển cho dốc hẳn xuống để đổ vật liệu.
- *Sông Đà*: phụ lưu lớn nhất của sông Hồng, chảy từ Lai Châu qua các tỉnh Điện Biên, Sơn La, Hoà Bình, Phú Thọ. (Trên sông Đà, tại khu vực tỉnh Hoà Bình, các chuyên gia Liên Xô đã giúp Việt Nam xây dựng một công trình thuỷ điện lớn.)
- *Ba-la-lai-ca*: tên một loại đàn 3 dây của người Nga.

1. Tiếng đàn ba-la-lai-ca được miêu tả thế nào qua 8 dòng thơ đầu?
2. Trên công trường thuỷ điện sông Đà, tác giả đã nghe tiếng đàn ba-la-lai-ca vang lên trong khung cảnh như thế nào?
3. Miêu tả những điều em hình dung khi đọc 2 dòng thơ sau:

   Chỉ còn tiếng đàn ngân nga
   Với một dòng trăng lấp loáng sông Đà.

4. Nêu cảm nghĩ của em về hình ảnh cô gái Nga chơi đàn ba-la-lai-ca trên công trường thuỷ điện sông Đà.

* Học thuộc lòng đoạn thơ từ đầu đến *lấp loáng sông Đà*.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

BIỆN PHÁP ĐIỆP TỪ, ĐIỆP NGỮ

1. Đọc bài ca dao dưới đây và trả lời câu hỏi.

   Người ta đi cấy lấy công
   Tôi nay đi cấy còn trông nhiều bề
   Trông trời, trông đất, trông mây
   Trông mưa, trông nắng, trông ngày, trông đêm
   Trông cho chân cứng đá mềm
   Trời yên, biển lặng mới yên tấm lòng.

   a. Từ *trông* được lặp lại mấy lần?
   b. Theo em, việc lặp lại đó có tác dụng gì?

G: Nhấn mạnh rằng người nông dân có nhiều nỗi lo về công việc đồng áng.

2. Từ nào được lặp lại trong câu tục ngữ dưới đây? Việc lặp lại từ đó có tác dụng gì?

   Học ăn, học nói, học gói, học mở.

Ghi nhớ

Điệp từ, điệp ngữ là biện pháp lặp lại từ ngữ để nhấn mạnh nội dung được nói đến.

3. Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi.

   Tôi đạp vỡ màu nâu
   Bầu trời trong quả trứng
   Bỗng thấy nhiều gió lộng
   Bỗng thấy nhiều nắng reo
   Bỗng tôi thấy thương yêu
   Tôi biết là có mẹ.

   (Xuân Quỳnh)

   a. Từ *bỗng* xuất hiện mấy lần trong đoạn thơ?
   b. Việc lặp lại nhiều lần từ *bỗng* có tác dụng gì? Chọn đáp án đúng.
   A. Nhấn mạnh niềm vui của chú gà con vì được mẹ yêu thương.
   B. Nhấn mạnh niềm vui của chú gà con vì được ra khỏi quả trứng.
   C. Nhấn mạnh sự tươi đẹp của thiên nhiên mà chú gà con quan sát được.
   D. Nhấn mạnh sự ngỡ ngàng của chú gà con trước những điều mới mẻ.

4. Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi.

   Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!

   (Thép Mới)

   a. Từ nào được lặp lại ở tất cả các câu trong đoạn?
   b. Việc lặp lại từ đó có tác dụng gì?

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ ĐIỆP TỪ, ĐIỆP NGỮ

1. Xác định điệp từ, điệp ngữ trong những câu thơ, đoạn văn ở cột A. Chọn câu, đoạn phù hợp với ý nêu tác dụng của biện pháp đó ở cột B.

A	B
a. Ngủ yên, ngủ yên, cò ơi, chớ sợ Cành có mềm mẹ đã sẵn tay nâng. (Chế Lan Viên)	Làm nổi bật các bộ phận của hoa sen, phần nào cũng đẹp đẽ, từ đó nhấn mạnh vẻ đẹp bình dị mà thanh cao của loài hoa này.
b. Trong đầm gì đẹp bằng sen Lá xanh, bông trắng, lại chen nhị vàng Nhị vàng, bông trắng, lá xanh Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn. *(Ca dao)*	Làm nổi bật sự thay đổi nhanh chóng của vạn vật qua các mùa.
c. Thoắt cái, lá vàng rơi trong khoảnh khắc mùa thu. Thoắt cái, trắng long lanh một cơn mưa tuyết trên những cành đào, lê, mận. Thoắt cái, gió xuân hây hẩy nồng nàn với những bông hoa lay ơn màu đen nhung hiếm quý. (Nguyễn Phan Hách)	Lặp lại lời vỗ về của "cò mẹ", tạo nên âm hưởng của lời ru ngọt ngào, qua đó nhấn mạnh tình yêu thương của "cò mẹ" đối với con.

2. Xác định điệp từ, điệp ngữ trong đoạn thơ dưới đây và nêu tác dụng của biện pháp điệp từ, điệp ngữ đó.

   Nếu thế giới không có trẻ con
   Ai sẽ dạy bông hoa học nói
   Ai sẽ tô biển hoá màu vàng
   Ai sẽ nhốt hương thơm vào túi?

   (Thục Linh)

3. Viết 2 – 3 câu thể hiện tình cảm, cảm xúc về một đoạn thơ, đoạn văn ở bài tập 1 hoặc bài tập 2, trong đó có sử dụng biện pháp điệp từ, điệp ngữ.

Hình thành kiến thức về biện pháp điệp từ, điệp ngữ và luyện tập.

(Bắt đầu từ những yêu cầu đơn giản; thuận lợi cho HS thực hiện)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

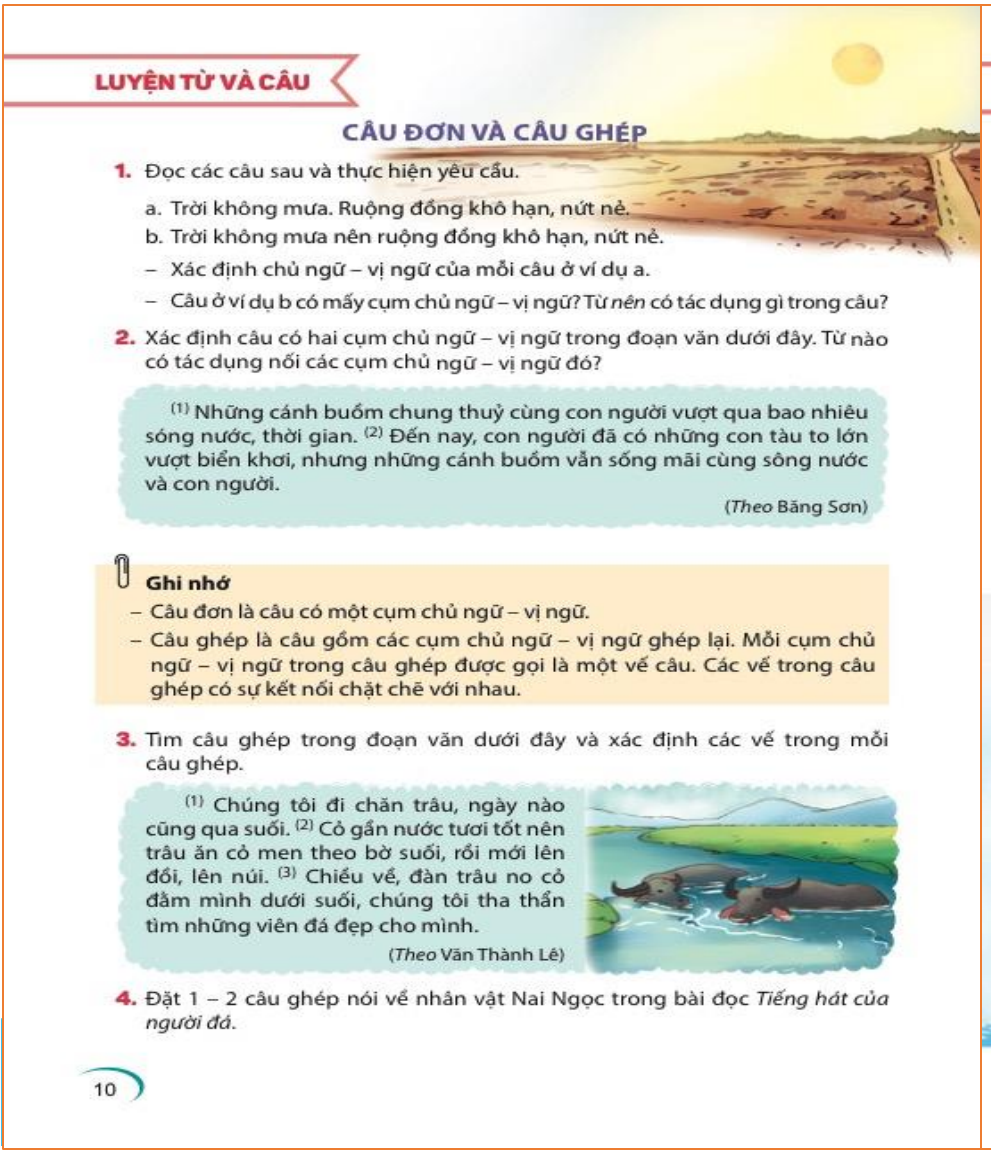

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

CÂU ĐƠN VÀ CÂU GHÉP

1. Đọc các câu sau và thực hiện yêu cầu.

a. Trời không mưa. Ruộng đồng khô hạn, nứt nẻ.

b. Trời không mưa nên ruộng đồng khô hạn, nứt nẻ.

– Xác định chủ ngữ – vị ngữ của mỗi câu ở ví dụ a.

– Câu ở ví dụ b có mấy cụm chủ ngữ – vị ngữ? Từ *nên* có tác dụng gì trong câu?

2. Xác định câu có hai cụm chủ ngữ – vị ngữ trong đoạn văn dưới đây. Từ nào có tác dụng nối các cụm chủ ngữ – vị ngữ đó?

(1) Những cánh buồm chung thuỷ cùng con người vượt qua bao nhiêu sóng nước, thời gian. (2) Đến nay, con người đã có những con tàu to lớn vượt biển khơi, nhưng những cánh buồm vẫn sống mãi cùng sông nước và con người.

(*Theo* Băng Sơn)

Ghi nhớ

– Câu đơn là câu có một cụm chủ ngữ – vị ngữ.

– Câu ghép là câu gồm các cụm chủ ngữ – vị ngữ ghép lại. Mỗi cụm chủ ngữ – vị ngữ trong câu ghép được gọi là một vế câu. Các vế trong câu ghép có sự kết nối chặt chẽ với nhau.

3. Tìm câu ghép trong đoạn văn dưới đây và xác định các vế trong mỗi câu ghép.

(1) Chúng tôi đi chăn trâu, ngày nào cũng qua suối. (2) Cỏ gần nước tươi tốt nên trâu ăn cỏ men theo bờ suối, rồi mới lên đồi, lên núi. (3) Chiều về, đàn trâu no cỏ đầm mình dưới suối, chúng tôi tha thẩn tìm những viên đá đẹp cho mình.

(*Theo* Văn Thành Lê)

4. Đặt 1 – 2 câu ghép nói về nhân vật Nai Ngọc trong bài đọc *Tiếng hát của người đá*.

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

LUYỆN TẬP VỀ CÂU GHÉP

1. Tìm câu ghép trong các đoạn văn dưới đây và cho biết các vế của mỗi câu ghép được nối với nhau bằng cách nào.

a. (1) Làng Tày, làng Dao ven suối và trong rừng, nhưng làng người Mông ở chơ vơ đỉnh núi, giữa cỏ tranh mênh mông. (2) Vách và mái nhà đều ghép bằng những miếng gỗ pơ-mu, nhà nhà ám khói sạm đen tưởng như làng xóm liền với trời xanh. (3) Xung quanh nhà nào cũng sum sê những đào, những lê. (4) Giữa mùa đông, hoa lê trắng ngần. (5) Vào đầu xuân, hoa đào nở hồng cả trời.

(Tô Hoài)

b. (1) Gió bấc thổi ào ào qua khu rừng vắng. (2) Những cành cây khẳng khiu chốc chốc run lên bần bật. (3) Mưa phùn lất phất… (4) Bên gốc đa, một chú thỏ bước ra, tay cầm một tấm vải dệt bằng rong. (5) Thỏ tìm cách quấn tấm vải lên người cho đỡ rét, nhưng tấm vải bị gió lật tung, bay đi vun vút. (6) Thỏ đuổi theo. (7) Tấm vải tròng tành trên ao. (8) Thỏ vừa đặt chân xuống nước đã vội co chân lên. (9) Thỏ cố khều nhưng đưa chân không tới.

(Võ Quảng)

2. Tìm cặp kết từ hoặc cặp từ hô ứng thay cho bông hoa để tạo câu ghép.

a. ● em có một khu vườn rộng ● em sẽ trồng thật nhiều loại cây.

b. ● thành phố này không sầm uất, hiện đại ● nó rất hấp dẫn du khách.

c. Mọi người ● đối xử tốt với nhau thì cuộc sống ● tốt đẹp hơn.

3. Viết đoạn văn (3 – 5 câu) về bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá*, trong đó có câu ghép chứa kết từ để nối các vế câu.

Dạy học về ngữ pháp (từ loại, các kiểu câu, liên kết câu,…): Chú trọng vào nghĩa, vào cách dùng từ và câu.

ĐỊNH HƯỚNG VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

LUYỆN TỪ VÀ CÂU

- Trong các bài học, nội dung kiến thức về từ và câu được hình thành, phát triển một cách tự nhiên thông qua hoạt động thực hành giao tiếp, giúp HS huy động hiểu biết, trải nghiệm để tiếp nhận kiến thức mới.
- Bài học được thiết kế bắt đầu từ những điều HS quan tâm, những điều các em đã biết, muốn biết để từ đó hướng vào những kiến thức các em cần hiểu biết.
- Chú trọng lựa chọn ngữ liệu hay, tươi mới, hấp dẫn.

Với cách thiết kế bài học và tổ chức hoạt động dạy học như vậy, việc học tập phần Luyện từ và câu trở nên nhẹ nhàng và thú vị đối với HS.

Khi HS không còn quá chú trọng vào những khái niệm lí thuyết hàn lâm, các em sẽ phát huy được tính tích cực, chủ động của người học thông qua các hoạt động phù hợp với đặc điểm nhận thức và cách học của HS tiểu học.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

XEM VIDEO TIẾT DẠY MINH HOẠ

LUYỆN TỪ VÀ CÂU: ĐẠI TỪ

Chuẩn mực
Khoa học
Hiện đại

3. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC KĨ NĂNG VIẾT

THỰC HÀNH VIẾT ĐOẠN VĂN, VĂN BẢN TRONG SÁCH TIẾNG VIỆT 5

Sắp xếp nội dung dạy học KĨ NĂNG VIẾT

Tập 1

- Viết bài văn kể chuyện sáng tạo
- Viết báo cáo công việc
- Viết bài văn tả phong cảnh
- Viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách
- Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện
- Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ
- Viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một bộ phim hoạt hình

Tập 2

- Viết bài văn tả người
- Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc
- Viết chương trình hoạt động
- Viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng
- LT viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc
- LT viết bài văn tả phong cảnh, LT viết bài văn tả người
- Viết đoạn văn nêu ý kiến phản đối một sự việc, hiện tư

4 tuần ôn tập định kì

Ôn tập cách viết các kiểu bài đã học.

MỘT SỐ THUẬN LỢI TRONG DẠY VIẾT

- Nhiều kiểu bài có sự tiếp nối, nâng cao so với những kiểu bài đã được học, được luyện viết ở các lớp trước.
- Sách chủ trương thiết kế nội dung viết đoạn, viết văn bản kết nối, tích hợp với chủ điểm của các bài đọc. Nhờ thế, các văn bản đọc trong tuần cũng góp phần làm giàu vốn sống, trải nghiệm, cảm xúc cho HS để các em có thể hoàn thành bài viết của mình một cách thuận lợi.

Chuẩn mực Khoa học Hiện đại

CÁCH SẮP XẾP NỘI DUNG VIẾT TRONG *TIẾNG VIỆT 5*

Nội dung viết kết nối, tích hợp với chủ điểm của các bài đọc, cụ thể:

- Viết **bài văn kể chuyện sáng tạo** được triển khai ở chủ điểm ***Thế giới tuổi thơ***, giúp HS có cơ hội phát huy trí tưởng tượng bay bổng, thú vị của tuổi thơ, bộc lộ cảm nghĩ, mong muốn riêng.
- Viết **bài văn miêu tả phong cảnh** được triển khai ở chủ điểm ***Thiên nhiên kì thú.***
- Viết **bài văn tả người** được triển khai ở chủ điểm ***Vẻ đẹp cuộc sống***.
- Viết ***đoạn văn giới thiệu một bộ phim hoạt hình*** được triển khai ở chủ điểm ***Nghệ thuật muôn màu***,...

➔ Văn bản đọc góp phần làm giàu vốn sống, trải nghiệm, cảm xúc cho HS để các em hoàn thành bài viết một cách thuận lợi, dễ dàng hơn.

Chuẩn mực Khoa học Hiện đại

QUY TRÌNH DẠY VIẾT ĐOẠN VĂN, VĂN BẢN

Tiếng Việt 5 thiết kế hoạt động thực hành viết theo một quy trình khoa học, gồm các bước cơ bản:

- **BƯỚC 1: Tìm hiểu kiểu bài, nhận biết cấu trúc và cách viết**
- **BƯỚC 2: Tìm ý và lập dàn ý**
- **BƯỚC 3: Thực hành viết đoạn văn, văn bản**
- **BƯỚC 4: Chỉnh sửa, hoàn thiện**
- **BƯỚC 5: Đánh giá (trả bài).**

Đối với một số kiểu bài đặc thù như kiểu bài tả cảnh, tả người thì có thêm bước **quan sát.**

Chuẩn mực Khoa học Hiện đại

KINH NGHIỆM QUỐC TẾ TRONG DẠY HỌC VIẾT

• Chu trình dạy học (Teaching and Learning Cycle): Ứng dụng để thiết kế một số nội dung dạy viết (và có thể cho cả đọc) trong SGK và tổ chức các hoạt động dạy học trong lớp.

• Chu trình dạy học là quá trình người học chuyển từ chỗ phụ thuộc nhiều vào GV đến độc lập từng bước và cuối cùng gần như độc lập để khi rời khỏi nhà trường, các em có khả năng độc lập hoàn toàn: phương pháp "bắc giàn giáo" (Scaffolding).

• Cơ sở của chu trình này là lí thuyết "vùng phát triển gần nhất" (Zone of Proximal Development) của Vygotsky.

• Mỗi chu trình có ba giai đoạn cơ bản: Deconstruction (GV phân tích VB mẫu thuộc thể loại cần học), Joint Construction (GV cùng HS tạo lập một VB khác cũng cùng thể loại nhưng khác đề tài), Independent Construction (HS tự viết VB thuộc thể loại đó, nhưng về một đề tài khác nữa).

• Mỗi giai đoạn như vậy đều bao gồm các hoạt động thu thập thông tin, xây dựng kiến thức về đề tài cần viết; phân tích về ngôn ngữ được sử dụng và kiểu bài cần viết (Rothery, 1994; Martin & Rose, 2005; Derewianka & Jones, 2012; Rose, 2015).

• Joint Construction (GV và HS cùng tạo ra sản phẩm) là bước cần thiết trong quá trình chuyển tiếp trọng tâm từ thầy (GV làm mẫu, phân tích mẫu) (Deconstruction/Modelling) sang trò (HS tự làm) (Independent Construction) trong một chu trình dạy học.

• Phương pháp này trước hết dùng để dạy viết, nhưng cơ sở giáo dục học và tâm lí học của nó có thể đặt nền tảng cho phương pháp dạy học đọc cũng như nói và nghe.

Carole Cox (trong Teaching Language Arts: A Student-and Response-Centered Classroom): Viết như một quá trình được phát triển từ những năm 1970 và 1980 được khởi đầu từ một cuốn sách nổi tiếng của Donald Graves (1983) (*Writing: Teachers and Students at Work*).

Với cách tiếp cận này, trọng tâm dạy viết chuyển từ sản phẩm sang quá trình, gồm các bước: chuẩn bị viết (lựa chọn đề tài, tìm ý, lập dàn ý), viết, chỉnh sửa và hoàn thiện, công bố. Tuy nhiên, các bước này không phải theo một trật tự cố định và tuyến tính; bản thảo đầu chỉ là dự kiến, có thể thay đổi nhiều thứ bất kì lúc nào;…

Viết để khám phá những gì bạn biết. Bạn có thể không biết sẽ viết gì cho đến khi bạn viết. Viết chính là cách để biết.

HƯỚNG DẪN CÁCH VIẾT MỘT KIỂU BÀI

Bất kì một kiểu đoạn văn, văn bản nào cũng có 1 – 2 tiết ***Tìm hiểu kiểu bài.*** Tiết học này giúp HS nhận biết cấu trúc bài viết và cách viết.

HS được thực hành viết dựa trên việc phân tích "mẫu", tức bài viết tham khảo, để nắm được kiểu bài và mục đích viết, không viết lan man, nhưng đồng thời vẫn tôn trọng quyền sáng tạo của người học. HS chỉ tham khảo cấu trúc của bài viết tham khảo, còn đề tài của bài viết là mới, vì vậy, chất liệu, ý tưởng phải là của chính các em.

Mỗi kiểu bài đều có GHI NHỚ để HS nắm vững kiến thức về kiểu bài, từ đó vận dụng vào việc thực hành viết đáp ứng yêu cầu của kiểu bài đó.

Chuẩn mực Khoa học Hiện đại

Cách hướng dẫn tìm hiểu kiểu bài của sách giúp HS dễ dàng nắm bắt cách viết trước khi thực hành tìm ý, lập dàn ý và viết bài.

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN TẢ NGƯỜI

1. Đọc bài văn dưới đây và thực hiện yêu cầu.

Chú bé vùng biển

Thắng, con cá vược của thôn Bần, là địch thủ bơi lội đáng gờm nhất của bọn trẻ.

Lúc này, Thắng đang ngồi trên chiếc thuyền đậu ở ngoài cùng. Nó trạc tuổi thằng Chân "phệ" nhưng cao hơn hẳn cái đầu. Nó cởi trần, phơi nước da rám đỏ khoẻ mạnh của những đứa trẻ lớn với nắng, nước mặn và gió biển. Thân hình nó rắn chắc, cân đối, nở nang: cổ mập, vai rộng, ngực nở căng, bụng thon hằn rõ những múi, hai cánh tay gân guốc như hai cái bơi chèo, cặp đùi dế chắc nịch. Thắng có cặp mắt to và sáng. Miệng tươi, hay cười. Cái trán hơi dô ra, trông có vẻ là một tay bướng bỉnh, gan dạ.

Tấm lưới rộng đang vá phủ lên hai đầu gối, tay Thắng cầm kim tre đưa lên đưa xuống thoăn thoắt coi bộ rất thành thạo. Chỗ lưới thủng cứ mỗi lúc một nhỏ dần lại. Tay vẫn thoăn thoắt vá lưới nhưng mắt Thắng thỉnh thoảng lại nhìn lên bờ như có ý chờ đợi ai. Nhác trông thấy lũ trẻ chạy xuống bến, nó vội vàng đặt tấm lưới trên gối xuống, bước đến bên mạn thuyền, bám tay vào cọc chèo và đu mình xuống nước, êm không một tiếng động. Nó ngụp một cái lặn biến đi như một con cá.

Bọn trẻ đứng trên bờ nhìn nó lặn vừa ghen vừa phục.

(*Theo* Trần Vân)

a. Người được tả trong bài văn trên là ai?

b. Tìm phần mở bài, thân bài, kết bài của bài văn trên và nêu nội dung chính của mỗi phần.

c. Trong phần thân bài, đặc điểm của người được tả (một đứa trẻ lớn lên với nắng, nước mặn và gió biển) hiện ra như thế nào?

Ngoại hình	Tầm vóc so với lứa tuổi	●
	Dáng người	●
	Nước da	●
	Gương mặt	●
	Trang phục	●
Hoạt động	Việc làm, cử chỉ,…	●
Sở trường	Điểm mạnh nổi trội	●

d. Bằng cách nào, tác giả làm nổi bật đặc điểm của người được tả?

Lựa chọn từ ngữ có sức gợi tả | Sử dụng hình ảnh so sánh ●

2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả người.

Bố cục | Cách lựa chọn chi tiết miêu tả ●

Ghi nhớ

Bài văn tả người thường có 3 phần:

- Mở bài: Giới thiệu người được tả và nêu ấn tượng chung về người đó.
- Thân bài:
  + Tả ngoại hình (đặc điểm nổi bật về tầm vóc, dáng người, gương mặt, trang phục,…).
  + Tả hoạt động (việc làm, cử chỉ, lời nói, cách ứng xử,…).
  + Tả sở trường, sở thích hoặc tính tình.
- Kết bài: Nêu nhận xét hoặc cảm nghĩ về người được tả.

1. Tìm đọc các đoạn văn hoặc bài văn tả người (trẻ em, người lớn,…).

2. Tìm đọc sách báo viết về người tốt, việc tốt.

Ngoài các kiểu bài viết mới, những kiểu bài quen thuộc như tả người, tả cảnh,... cũng được thiết kế theo cách thức mới: Ngữ liệu đọc dùng cho luyên viết được sử dụng "tiết kiệm", tránh tình trạng đọc "lấn át" viết.

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH

1. Đọc bài văn dưới đây và trả lời câu hỏi.

Đà Lạt

Đà Lạt là thành phố ngàn hoa, nổi tiếng với hồ trong xanh và thông mơ màng.

Nằm trên độ cao 1500 mét so với mặt nước biển, Đà Lạt có khí hậu mát mẻ quanh năm. Đây là nơi nghỉ mát lí tưởng của du khách chẳng những vì không khí mát lành mà còn bởi những cảnh đẹp đến nao lòng.

Thác Cam Ly như một dải lụa, trắng sáng như gương, tô điểm cho thành phố vẻ hùng vĩ và nên thơ. Suối Vàng có cột nước quanh năm suốt tháng đổ xuống ào ào. Suối Vàng chia nước cho các con suối nhỏ rì rào, chảy mãi vào những nẻo nào trong lòng các rừng thông cây mọc thẳng tắp, ngút ngàn.

Trong nắng ấm, bầu trời Đà Lạt không chút gợn mây, luôn thẳm xanh một màu ngọc bích. Cái màu xanh của tầng không càng thêm lung linh biến ảo khi phản chiếu xuống những mặt hồ trong suốt như pha lê.

Cảnh sắc thiên nhiên của Đà Lạt vốn dĩ đã đẹp, lại được con người ra công tô điểm. Những vườn rau xanh tươi và những vườn hoa muôn hồng nghìn tía như khoác cho thành phố xinh đẹp này một chiếc áo lụa rực rỡ. Hương hoa hoà với hương ngàn thông làm cho không khí Đà Lạt dễ chịu vô cùng.

Thật không ngoa khi ca ngợi Đà Lạt là chốn "bồng lai tiên cảnh".

(*Theo* Ay Dun và Lê Tấn)

Từ ngữ:

Bồng lai tiên cảnh: nơi có cảnh đẹp và cuộc sống hạnh phúc như thế giới thần tiên.

a. Bài văn trên tả gì?

b. Tìm phần mở bài, thân bài và kết bài của bài văn. Nêu nội dung chính của mỗi phần.

c. Trong phần thân bài, phong cảnh được tả theo trình tự nào? Tìm từ ngữ được sử dụng để làm nổi bật vẻ đẹp của phong cảnh.

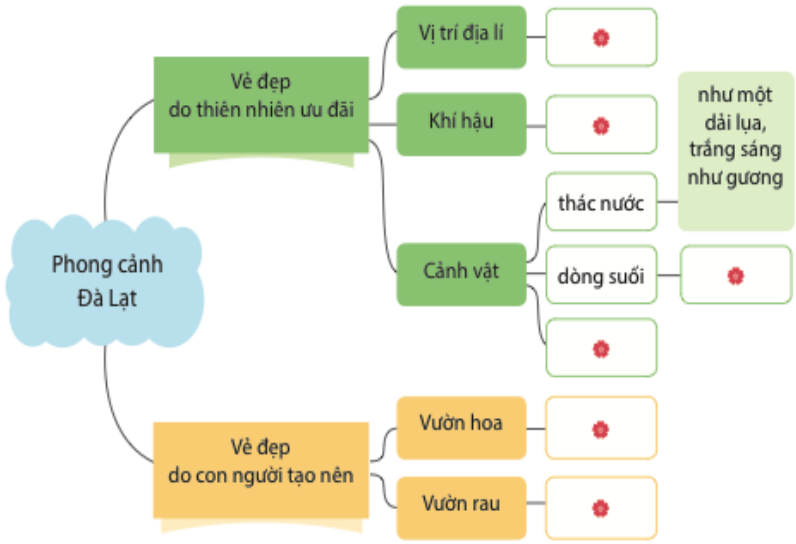

d. Tình cảm của người viết đối với phong cảnh được thể hiện qua những chi tiết nào?

2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả phong cảnh.

Phong cảnh được miêu tả	Bố cục bài văn	Trình tự miêu tả	Cách lựa chọn cảnh vật để miêu tả	Cách làm nổi bật đặc điểm của phong cảnh

Ghi nhớ

Bài văn tả phong cảnh thường có 3 phần:

- Mở bài: Giới thiệu khái quát về phong cảnh.
- Thân bài: Tả lần lượt từng phần hoặc từng vẻ đẹp của phong cảnh.
- Kết bài: Nêu nhận xét hoặc cảm nghĩ về phong cảnh.

1. Sưu tầm đoạn văn hoặc bài văn tả phong cảnh (cảnh sông suối, ao hồ, biển đảo,...).

2. Tìm đọc sách báo khoa học viết về động vật hoang dã.

Tìm hiểu cách viết bài văn tả phong cảnh theo trình tự thời gian

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH

(Tiếp theo)

1. Đọc bài văn dưới đây và trả lời câu hỏi.

Bốn mùa trong ánh nước

Hồ Hoàn Kiếm là nơi quen thuộc với rất nhiều người. Cảnh đẹp lộng lẫy từ ngọn cỏ, hàng cây cho tới nước hồ trong xanh gợn sóng.

Mùa hè, sau những cơn mưa rào, nước hồ đầy lên, màu nước như bớt xanh hơn. Trong dông gió, hồ nổi sóng. Nhưng dông gió đến đâu thì mặt hồ vẫn chỉ lăn tăn sóng gợn, trầm mặc giữa thinh không, soi bóng những áng mây nổi rồi lại tan.

Về mùa đông, nước hồ cạn đi, sâu xuống, chân cầu Thê Húc bỗng cao hơn, lênh khênh. Trong cái lạnh bao trùm phố phường Hà Nội, nước hồ lặng trong sương, một màn sương trong nhẹ và mỏng như khăn voan. Hồ hiện ra vẻ cổ kính với những cành khô lá vàng in bóng xuống mặt nước lặng thinh.

Có lẽ tưng bừng nhất là vào dịp tết Nguyên đán, hồ được trang điểm lộng lẫy bởi đèn đủ màu, cờ bay phất phới và hoa rực rỡ. Trong mưa bay, người người đi trẩy hội. Ngàn vạn tiếng rao, tiếng mời chào của người bán hàng rong cất lên như chim hót mùa xuân.

Nhưng hồ Hoàn Kiếm đẹp hơn cả là về mùa thu. Mùa thu Hà Nội dường như không có gió lớn, đủ để nước hồ lắng sâu. Ánh nắng mùa thu lại tươi nên mặt hồ ngời lên như ánh mắt thanh xuân. Những cây liễu bên hồ xanh mướt, lá bay dịu dàng như mái tóc thiếu nữ. Những cây đa cổ thụ xanh tốt và tráng kiện như những lão tướng, hàng rễ rủ như những bộ râu oai hùng. Trong đến Ngọc Sơn có nhiều tiếng chim ríu rít, tiếng hót của chim non, của ước mơ bay bổng.

Từng ánh nước của hồ Hoàn Kiếm có biết bao người đã ngắm, từng bóng cây nơi này có biết bao người đã ngồi hóng mát, nghỉ ngơi và thầm nghĩ về cuộc sống của mình ở một góc nhỏ nào trên trái đất này.

(*Theo* Lê Phương Liên)

a. Bài văn trên tả phong cảnh ở đâu?

b. Tìm phần mở bài, thân bài, kết bài của bài văn và nêu ý chính của từng phần.

c. Trong phần thân bài, cảnh hồ Hoàn Kiếm được tả vào những thời gian nào? Những từ ngữ nào giúp em nhận biết như vậy?

d. Theo trình tự miêu tả trong bài, người đọc cảm nhận được đặc điểm gì của cảnh hồ Hoàn Kiếm?

2. Em học được những gì về cách miêu tả phong cảnh từ bài văn trên?

Sử dụng nhiều giác quan để quan sát, cảm nhận cảnh vật.

Sử dụng nhiều hình ảnh so sánh để làm nổi bật đặc điểm từng cảnh vật.

3. So sánh trình tự miêu tả của bài *Bốn mùa trong ánh nước* với bài *Đà Lạt*.

Ghi nhớ

Ngoài cách tả lần lượt từng phần, từng vẻ đẹp của phong cảnh, có thể tả phong cảnh theo trình tự thời gian (theo các mùa trong năm, theo các buổi trong ngày, theo sự đổi thay của cảnh qua năm tháng,...) hoặc phối hợp cả hai cách để miêu tả.

ĐỌC MỞ RỘNG

1. Đọc sách báo khoa học viết về động vật hoang dã.

(Theo *Mười vạn câu hỏi Vì sao?*)

Trên Trái Đất của chúng ta có vô vàn loài động vật sinh sống. Sự tồn tại của thế giới động vật khiến cho Trái Đất luôn tràn đầy sức sống.

(Theo *Động vật hoang dã*)

Việt Nam là ngôi nhà của rất nhiều loài động vật hoang dã. Năm nào cũng có những loài mới được phát hiện và ghi nhận.

(Theo *Thú rừng Tây Nguyên*)

Ngựa rừng mình dài, chân thon và cao. Ngựa rừng sống cuộc sống hoang dã, tự do trên các triền núi thấp ven dãy Trường Sơn.

HS luyện tập quan sát đối tượng sẽ tả (người hoặc phong cảnh), chứ không tìm hiểu cách quan sát của người nào đó trong một bài văn miêu tả.

1. Tìm câu văn miêu tả bao quát về đảo ở vịnh Hạ Long. Câu văn đó giúp em hình dung được những gì về vịnh Hạ Long?
2. Những hòn đảo ở Hạ Long được tạo hoá xếp đặt thú vị như thế nào? Bằng cách nào, tác giả giúp ta cảm nhận được điều đó?
3. Dựa vào bài đọc, em hãy miêu tả hình dáng một số hòn đảo ở Hạ Long.
4. Khi ngắm đảo ở vịnh Hạ Long, vì sao tác giả có cảm giác được "chiêm ngưỡng một thế giới sống động đã trải qua hàng triệu năm hoá đá"?
5. Chủ đề của bài *Những hòn đảo trên vịnh Hạ Long* là gì? Chọn đáp án đúng.

A. Vẻ đẹp kì thú của những hòn đảo trên vịnh Hạ Long
B. Sự thơ mộng, huyền bí của sóng nước Hạ Long
C. Sức cuốn hút của thiên nhiên Hạ Long đối với du khách
D. Những cảnh đẹp có một không hai của thiên nhiên

1. Nêu tác dụng của các từ ngữ sau trong việc miêu tả những hòn đảo trên vịnh Hạ Long.

nhấp nhô | sừng sững | thưa thớt | chon von | xúm xít | chông chênh

2. Tìm trong các từ dưới đây những cặp từ đồng nghĩa.

ngắm nhìn | quần tụ | vững chắc | trầm tĩnh | trầm lặng | vững chãi | quây quần | chiêm ngưỡng

3. Đặt câu với 1 cặp từ đồng nghĩa em tìm được ở bài tập 2.

VIẾT

QUAN SÁT PHONG CẢNH

Yêu cầu: Quan sát một cảnh ao hồ, sông suối hoặc biển đảo và ghi lại kết quả quan sát.

1. Chuẩn bị.
   - Lựa chọn phong cảnh để quan sát (cảnh ao, hồ, sông, suối, biển, đảo,...).
   - Lựa chọn cách quan sát (trực tiếp hoặc qua tranh ảnh, video,...).
   - Lựa chọn trình tự quan sát.

a. Theo không gian:
- Từ bao quát toàn cảnh đến từng chi tiết, từng bộ phận (hoặc ngược lại)
- Từ gần đến xa (hoặc ngược lại)
- Từ trái qua phải (hoặc ngược lại)
- ...

b. Theo thời gian:
- Theo thời gian trong ngày
- Theo các mùa trong năm
- Theo sự thay đổi của phong cảnh trong mỗi lần quan sát
- ...

2. Quan sát và ghi lại kết quả quan sát.

M: Quan sát dòng suối theo trình tự không gian:

a. Quan sát toàn cảnh.

G:
- Không gian chung (thoáng, rộng, giữa rừng bao la,...)
- Đặc điểm chung (yên tĩnh, thơ mộng,...)

b. Quan sát từng sự vật, hiện tượng,...

G:

Cảnh vật	Hình dáng	Màu sắc	Âm thanh	Hương vị	...
Dòng suối	*uốn lượn,* ...	*trong vắt,* ...	*róc rách,* ...	...	...
...	...	...	...	...	...

Lưu ý: Em có thể lựa chọn một số sự vật, hiện tượng chủ yếu, trọng tâm hoặc những sự vật, hiện tượng nổi bật, đặc sắc để quan sát.

3. Trao đổi về kết quả quan sát.

Cảnh vật được quan sát | Đặc điểm của cảnh vật | ...

Tả người như một chỉnh thể, không luyện viết bài tả ngoại hình hoặc tả hoạt động riêng biệt…

Ghi nhớ

Các vế của câu ghép có thể nối với nhau bằng một kết từ (*và, rồi, hoặc, còn, hay, nhưng, mà, song,…*).

Các vế của câu ghép có thể nối trực tiếp với nhau: giữa các vế không có kết từ mà chỉ có dấu câu (*dấu phẩy, dấu chấm phẩy,…*).

3. Chọn kết từ thay cho mỗi bông hoa trong các câu ghép sau:

và, rồi, còn, nhưng

a. Chích bông là loài chim bé nhỏ ✿ nó lại là loài chim có ích đối với nhà nông.

b. Ngoài sân, mèo mun đang nằm sưởi nắng ✿ cún con cũng vậy.

c. Vườn nhà em, ban ngày, hoa mẫu đơn, hoa lan, hoa cúc đua nhau khoe sắc ✿ ban đêm, hoa nguyệt quế, hoa hoàng lan, hoa mộc lại cùng nhau toả hương.

d. Ngày nghỉ, em dậy sớm đá bóng với bố ✿ em cùng mẹ ra vườn tưới cây.

4. Viết đoạn văn (3 – 5 câu) về bài thơ *Hạt gạo làng ta*, trong đó có câu ghép gồm các vế nối bằng một kết từ hoặc nối trực tiếp.

VIẾT

QUAN SÁT ĐỂ VIẾT BÀI VĂN TẢ NGƯỜI

Yêu cầu: Quan sát một người thân trong gia đình em hoặc một người đã để lại cho em những ấn tượng tốt đẹp và ghi lại kết quả quan sát.

1. Chuẩn bị.

– Chọn người để quan sát theo yêu cầu.

G:

+ Nếu muốn tả một người thân trong gia đình, có thể chọn người gần gũi, chăm sóc em hằng ngày hoặc người mà em yêu quý.

+ Nếu muốn tả người đã để lại cho em những ấn tượng tốt đẹp, có thể chọn một người bạn thân hoặc một người quen biết mà em có nhiều thiện cảm.

– Chọn cách quan sát: có thể quan sát trực tiếp hoặc quan sát qua tranh ảnh, video,…

– Làm phiếu ghi chép kết quả quan sát.

2. Quan sát và ghi chép kết quả.

Lưu ý: Cần lựa chọn những chi tiết tiêu biểu (về ngoại hình, hoạt động, sở trường, sở thích,…) thể hiện nét riêng, giúp phân biệt người được tả với những người khác.

3. Trao đổi về kết quả quan sát.

a. Chia sẻ kết quả quan sát.

– Người được quan sát là ai?

– Người đó có những đặc điểm nào nổi bật?

b. Nhận xét, góp ý về kết quả quan sát.

– Cách lựa chọn, sắp xếp đặc điểm của người được quan sát

– Cách miêu tả đặc điểm ngoại hình, hoạt động,…

Trao đổi với người thân về sở trường, sở thích,… của từng thành viên trong gia đình.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

QUY TRÌNH THỰC HÀNH VIẾT BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO

Chuẩn mực
Khoa học
Hiện đại

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO

1. Đọc bài văn kể lại câu chuyện và các chi tiết kể sáng tạo (A, B) dưới đây, sau đó thực hiện yêu cầu.

Nếu hay đọc truyện phiêu lưu, có lẽ bạn sẽ thích câu chuyện *Một chuyến phiêu lưu* của tác giả Nguyễn Thị Kim Hoà.

Chuyện kể rằng, một hôm, mèo nhép rủ chuột xù sang sông chơi, nhưng chuột xù từ chối. (A) Mèo nhép khăng khăng muốn đi nên chuột đành đồng ý vì không nỡ để bạn mạo hiểm một mình. Hai bạn nhờ bác ngựa đưa sang sông.

Đồng cỏ bên kia sông quả là một thế giới xanh tuyệt đẹp! (B) Thích chí, mèo nhép nhảy nhót khắp nơi, mặc dù chuột xù đã cảnh báo rằng trong bụi cỏ có hang rắn.

Y như chuột lo ngại, rắn bị phá giấc ngủ, tức giận quăng mình về phía mèo nhép. Chuột xù vội nhảy từ mỏm đá xuống mình rắn để cứu bạn. Rắn tối sầm mặt mũi, còn chuột té văng ra. May thay, bác ngựa kịp thời chạy đến cứu hai bạn.

Trên lưng bác ngựa trở về, thấy chuột xù nằm thiêm thiếp, mèo nhép cứ sụt sịt, nước mắt rơi ướt lông chuột xù. Mèo không để ý, miệng chuột đang mím lại do cố nén cười.

Câu chuyện thật thú vị và hài hước. Mèo nhép đã có bài học quý giá về việc phải biết lắng nghe người khác để giữ an toàn cho bản thân và những người xung quanh.

A
Chuột xù nói:
– Bác ngựa bảo nguy hiểm lắm.
Mèo nhép hứ một cái:
– Cậu không đi thì thôi, tớ đi một mình.

B
Cỏ phủ kín cánh đồng như một tấm thảm xanh mát. Cây cối cũng xanh mướt như ngày nào cũng được gội rửa. Không gian ngai ngái mùi cỏ thơm, thật dễ chịu!

a. Bài văn trên kể lại câu chuyện gì?
b. Tìm phần mở bài, thân bài và kết bài của bài văn. Nêu ý chính của mỗi phần.
c. Các chi tiết sáng tạo A, B được bổ sung vào phần nào của bài văn?

d. Tìm nội dung phù hợp với mỗi chi tiết sáng tạo A, B.

Sáng tạo thêm chi tiết tả cảnh.

Sáng tạo thêm lời thoại cho nhân vật.

2. Theo em, đoạn dưới đây có thể thay cho đoạn nào của câu chuyện?

Chuột xù lổm cổm bò dậy, thấy mèo nhép vẫn sợ hãi, run lập cập. Một lúc lâu, mèo nhép mới xấu hổ bảo:
– Bờ sông bên nhà mình cũng đẹp lắm. Chúng mình về thôi.
Bác ngựa và chuột xù cười phá lên. Mèo nhép cũng bẽn lẽn cười.

3. Nêu những cách em có thể vận dụng để viết bài văn kể chuyện sáng tạo.

Ghi nhớ

Trong bài văn kể chuyện sáng tạo, người viết có thể thêm chi tiết (thêm lời thoại, thêm lời kể, lời tả,...) hoặc thay đổi cách kết thúc mà không làm thay đổi nội dung chính và ý nghĩa của câu chuyện.

Bài văn có 3 phần:
– Mở bài: Giới thiệu câu chuyện.
– Thân bài: Kể lại câu chuyện với những chi tiết sáng tạo.
– Kết bài: Nêu suy nghĩ, cảm xúc về câu chuyện.

1. Kể cho người thân nghe câu chuyện *Một chuyến phiêu lưu* với chi tiết em sáng tạo thêm.

2. Tìm đọc một câu chuyện về thế giới tuổi thơ.

1. Xếp những từ in đậm dưới đây vào nhóm thích hợp.

- Mỗi lần Ja Ka vỗ trống, các bạn lại cùng múa hát **tưng bừng**.
- Bọn mình còn đâu chỗ mà **vui chơi**!
- Biết ý tưởng đó, nhiều cô bác trong làng đã **hưởng ứng**.
- Nhóm bạn vui mừng nhảy múa, ca hát giữa muôn hoa rực rỡ, trong tiếng trống **rộn ràng**.

Động từ	Tính từ

2. Tìm từ có thể thay thế từ in đậm trong mỗi câu ở bài tập 1.

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO

(Tiếp theo)

1. Đọc các đoạn văn dưới đây và trả lời câu hỏi.

Chào các bạn. Tôi là chuột xù. Tôi sẽ kể cho các bạn nghe câu chuyện phiêu lưu lí kì của tôi và cậu bạn thân mèo nhép.

Hôm ấy là một ngày rất đẹp trời, chúng tôi đều muốn đi chơi. Tôi thì muốn chơi ở bên này sông, còn cậu bạn của tôi lại nằng nặc đòi đi chơi ở bên kia sông. Tôi vẫn nhớ lời dặn của bác ngựa là bên kia sông nguy hiểm lắm. Thế mà **chẳng hiểu sao** mèo nhép lại cứ muốn đi chơi ở đó. Cậu ấy quả là thích phiêu lưu. Nhưng phiêu lưu mà mất an toàn thì thật đáng sợ. Tôi cố gắng thuyết phục mèo nhép. Cậu ấy chẳng những không nghe mà còn chê tôi nhát. Cuối cùng, tôi đành chịu thua và đi theo cậu ấy vì không nỡ để cậu ấy mạo hiểm một mình.

Trên lưng bác ngựa trở về, tôi vẫn giả vờ nằm thiêm thiếp. Mèo nhép **chắc là** biết lỗi, cứ sụt sịt, sụt sịt, nước mắt rơi ướt cả bộ lông của tôi. So với lúc cậu ấy khăng khăng đòi sang sông chơi thì bây giờ trông cậu ấy thật quá khác biệt. Tôi phải cố nén cười. Cứ để cậu ấy ân hận một lúc nữa, như thế mới có bài học chứ.

a. Các đoạn văn trên kể lại câu chuyện theo lời của nhân vật nào?

b. Nhân vật đó dùng những từ ngữ nào để gọi mình và các nhân vật khác?

c. Những từ ngữ in đậm thể hiện điều gì? Chọn đáp án đúng.

A. Chuột xù không chắc chắn về suy nghĩ, cảm xúc của mèo nhép.
B. Chuột xù không chắc chắn về suy nghĩ, cảm xúc của mình.
C. Chuột xù dự đoán được sự việc xảy ra tiếp theo.
D. Chuột xù thể hiện sự khách quan khi kể câu chuyện.

d. Cách kể chuyện trong các đoạn văn trên có gì khác với cách kể chuyện trong bài văn trang 11?

Cách mở đầu câu chuyện	Cách kể lại các sự việc trong câu chuyện	Cách kết thúc câu chuyện

2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi đóng vai một nhân vật để kể lại câu chuyện.

Câu chuyện được kể theo lời của nhân vật nào? Nhân vật kể chuyện xưng là gì?

Các sự việc trong câu chuyện được kể như thế nào theo cảm nhận của nhân vật?

Ghi nhớ

Đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện cũng là một cách viết bài văn kể chuyện sáng tạo.

Bài văn có 3 phần:

- Mở bài: Đóng vai nhân vật để tự giới thiệu và dẫn dắt vào câu chuyện.
- Thân bài: Kể lại diễn biến câu chuyện theo cảm nhận của nhân vật mà em đóng vai.
- Kết bài: Kể kết thúc của câu chuyện theo cảm nhận của nhân vật.

Hiện đại

3. Đọc câu chuyện dưới đây và trả lời câu hỏi.

Hạt thóc

Hạt thóc được mẹ lúa yêu thương, chiều chuộng nên rất kiêu. Thóc nói với ngô, khoai, sắn:

– **Ta** là hạt vàng đấy, các **bạn** ạ. Chẳng ai bằng **ta** được.

Ngô liền nói:

– **Cậu** ơi, **tớ** nghĩ **cậu** chỉ là hạt vàng khi ở trên cánh đồng này thôi. Còn nếu ở trong bát cơm, chắc chắn **cậu** sẽ bị gắp bỏ ra ngoài.

Hạt thóc nghe xong, im lặng.

(Phan Tự Gia Bách)

a. Các từ in đậm trong câu chuyện trên được dùng để làm gì?

b. Trong số các từ đó, những từ nào chỉ người nói, những từ nào chỉ người nghe?

Ghi nhớ

Đại từ là từ dùng để thay thế như *thế, vậy, đó, này,…* (đại từ thay thế), để hỏi như *ai, gì, nào, sao, bao nhiêu, đâu,…* (đại từ nghi vấn) hoặc để xưng hô như *tôi, tớ, chúng tôi, chúng tớ, mày, chúng mày, chúng ta,…* (đại từ xưng hô). Ngoài ra, trong tiếng Việt, có nhiều danh từ được dùng để xưng hô như *ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em, cháu, thầy, bạn,…*

4. Đóng vai hạt thóc trong câu chuyện *Hạt thóc*, viết câu đáp lại lời của ngô, trong câu có sử dụng một đại từ.

VIẾT

LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO

Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:

Đề 1: Viết bài văn kể sáng tạo câu chuyện *Thanh âm của gió* hoặc *Cánh đồng hoa*.

Đề 2: Viết bài văn kể sáng tạo một câu chuyện có nhân vật chính là con vật hoặc đồ vật.

1. Chuẩn bị.

2. Lập dàn ý.

G:

Mở bài	Giới thiệu tên câu chuyện, tên tác giả,… (Nếu đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện, em cần giới thiệu mình là nhân vật nào.)
Thân bài	Kể lại câu chuyện theo trình tự hợp lí, trong đó có chi tiết được kể sáng tạo theo 1 trong 3 cách: – Sáng tạo thêm chi tiết (có thể lựa chọn sáng tạo một hoặc nhiều chi tiết). – Thay đổi cách kết thúc theo tưởng tượng của em. – Đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện (chú ý cách xưng hô, cách thể hiện lời nói, suy nghĩ, cảm xúc phù hợp với nhân vật).
Kết bài	Nêu suy nghĩ, cảm xúc,… về câu chuyện hoặc nêu kết thúc của câu chuyện dưới góc nhìn của nhân vật (nếu đóng vai kể chuyện).

3. Góp ý và chỉnh sửa.

– Nội dung câu chuyện

– Cách sáng tạo các chi tiết trong câu chuyện

Chia sẻ với người thân dàn ý bài viết của em và trao đổi về cách sáng tạo cho câu chuyện.

Hiện đại

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO

Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:

Đề 1: Viết bài văn kể sáng tạo câu chuyện *Thanh âm của ... đồng hoa.*

Đề 2: Viết bài văn kể sáng tạo một câu chuyện có nhân v... vật hoặc đồ vật.

1. Dựa vào dàn ý đã lập trong hoạt động Viết ở Bài 3, ... yêu cầu của đề bài.

Lưu ý:

Khi thêm lời kể, tả, thêm lời thoại hoặc thay đổi cách kết thúc của câu chuyện, cần lựa chọn chi tiết sáng tạo hấp dẫn, thú vị và phù hợp với nội dung câu chuyện.

Khi đóng vai k... chọn cách xư... và kể, tả sự vi... cảm xúc của ... đóng vai.

Một số đoạn văn tham khảo:

– Sáng tạo thêm chi tiết (lời kể, lời tả, hội thoại,...) c...

Cánh đồng hoa

Ngồi tựa vào gốc cây, các bạn nhỏ ngước nhìn ... xanh biếc, muôn vàn đám mây như đang đùa giỡ... Một cụm mây bỗng tách ra, nhìn giống bông cúc t... cụm mây nữa, trông giống đoá quỳnh tinh kh... "bông hoa mây" cứ bồng bềnh, bồng bềnh, khiến... Hoa phải bật dậy reo lên: "Các cậu có thấy bầu t... như một vườn hoa không?".

– Thay đổi cách kết thúc của câu chuyện.

Thanh âm của gió

Bố bảo mới nghe chúng tôi kể thôi mà bố... hẹn chúng tôi ngày mai dậy sớm chạy ra bờ su... Thế là chúng tôi tưởng tượng ra bao nhiêu t... được. Tiếng gió cứ lao xao, lao xao đưa chú... không hay.

– Đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện.

Ông lão đánh cá và con cá vàng

Đang bơi lội tung tăng trong làn nước xanh mát, bỗng nhiên tôi bị cuốn phăng đi. Tôi hốt hoảng nhận ra mình đã mắc vào một tấm lưới và bị nhấc bổng lên khỏi mặt nước. Trước mắt tôi là một ông lão có nét mặt khắc khổ. Ông nhìn tôi với vẻ thất vọng, có lẽ vì trong lưới chỉ có mỗi mình tôi.

2. Đọc soát và chỉnh sửa.

– Giới thiệu được câu chuyện một cách... người đọc.

– Kể chuyện với chi tiết sáng tạo độc... nội dung chính, ý nghĩa của câu chu...

–

NÓI VÀ NGHE

NHỮNG CÂU C...

Yêu cầu: Thảo luận về những chi tiết t...

1. Chuẩn bị.

– Nhớ lại câu chuyện mà em yê...

G:

Tên câu chuyện	Tên tác ...

– Liệt kê các chi tiết thú vị trọ...

26

2. Chọn các đại từ thay thế thích hợp với mỗi bông hoa và cho biết chúng được dùng để thay cho từ ngữ nào.

đó ấy thế vậy này

a. Cô dạy mình động tác bơi ếch. Động tác ❁ thật lạ.

b. Cây lạc tiên ra quả quanh năm. Vì ❁, con đường luôn phảng phất mùi lạc tiên chín.

c. Mây đen đã kéo đến đầy trời. Nhưng bọn trẻ chẳng chú ý đến điều ❁.

3. Tìm đại từ nghi vấn trong các câu dưới đây và xác định mục đích sử dụng tương ứng với mỗi đại từ đó.

a. Anh muốn gặp ai?	(1) Hỏi về số lượng
b. Sao con về muộn thế?	(2) Hỏi về người
c. Bạn làm được mấy bài tập rồi?	(3) Hỏi về thời gian
d. Bao giờ cháu về quê?	(4) Hỏi về địa điểm
e. Nó ngồi ở đâu?	(5) Hỏi về nguyên nhân

VIẾT

ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO

1. Nghe thầy cô giáo nhận xét chung.

2. Đọc lại bài làm của em và nhận xét của thầy cô để biết ưu điểm và hạn chế trong bài.

3. Trao đổi bài làm với bạn để học tập các ưu điểm trong bài của bạn.

Cách viết mở bài, kết bài ấn tượng

Cách lựa chọn và kể các chi tiết sáng tạo trong câu chuyện

Cách sử dụng từ ngữ hay, sinh động

4. Sửa lỗi trong bài (nếu có) hoặc viết lại một đoạn cho hay hơn.

1. Ghi vào sổ tay những điều em học được về cách viết bài văn kể lại câu chuyện với các chi tiết sáng tạo.

2. Tìm đọc một bài thơ viết về trẻ em.

30

Chuẩn ... học

Hiện đại

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

QUY TRÌNH THỰC HÀNH VIẾT BÀI VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT CUỐN SÁCH HOẶC MỘT BỘ PHIM

Chuẩn mực
Khoa học
Hiện đại

2. Đọc các thông tin về từ đọc trong từ điển dưới đây và trả lời c

Động từ

Ví dụ về cách dùng từ

Nghĩa thứ (nghĩa g

đọc (đgt) 1. Phát thành lời những điều đã được viết ra theo đúng trình tự: *Đọc bài thơ. Đọc thuộc lòng.* 2. Tiếp nhận nội dung của một tập hợp kí hiệu bằng cách nhìn vào các kí hiệu: *Đọc bản thiết kế.* 3. Thu lấy thông tin từ một thiết bị lưu trữ của máy tính (như đĩa từ, đĩa CD, v.v.): *Đĩa bị lỗi nên không đọc được.* 4. Hiểu rõ điều gì bằng cách nhìn vào những biểu hiện bên ngoài: *Đọc được suy nghĩ của người khác.*

(*Theo* Thành Yến, *Từ điển tiếng Việt dành cho học sin*

a. Từ đọc là danh từ, động từ hay tính từ?

b. Nghĩa gốc của từ đọc là gì?

c. Từ đọc có mấy nghĩa chuyển?

d. Nghĩa gốc và nghĩa chuyển của từ được sắp xếp n

3. Tra cứu nghĩa của các từ dưới đây:

học tập | tập trung | trôi c

4. Đặt câu với 1 nghĩa chuyển của mỗi từ ở bài tập 3.

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOẠN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT

1. Đọc đoạn văn dưới đây và trả lời câu hỏi.

Truyện kể hằng đêm dành cho các cô bé cá tính và Phran-xét-ca Ca-va-lô là cuốn sách thú vị k toàn cầu. Trong đó, người để lại ấn tượng mạn trống người Cu-ba. Ngay từ nhỏ, Mi-lô đã bộc lộ mình. Trống tim-pan-ni, công-ga, bông-gô,...,

Mi-lô mơ ước trở thành một nghệ sĩ trống, mặc dù ở qu trai mới được chơi trống. Cô quyết tâm theo đuổi ước ngày, cô rèn khả năng cảm nhận âm thanh bằng cá tiếng động xung quanh: tiếng lá đu đưa, tiếng chim kiên trì, cô đã thuyết phục được cha cho tham gia l bao khó khăn, Mi-lô vẫn tin: "Sẽ đến một ngày mình ban nhạc thứ thiệt!". Nhờ tài năng, sự nỗ lực và niề đã có một nghệ sĩ trống nổi tiếng. Mi-lô đã trở thà quyết tâm theo đuổi ước mơ.

a. Đoạn văn trên có nội dung chính là gì? Chọn

A. Nêu tình cảm, cảm xúc của người viết đối

B. Giới thiệu về nhân vật Mi-lô trong cuốn *dành cho các cô bé cá tính.*

C. Nêu lí do người viết yêu thích cuốn sách *các cô bé cá tính.*

D. Kể về 100 phụ nữ nổi tiếng trên thế giớ

b. Tìm phần mở đầu và kết thúc của đ thông tin gì?

c. Phần triển khai nói về những đặc điể mỗi đặc điểm, người viết đã đưa nhữ suy nghĩ,... của nhân vật)?

Nhân vật Mi-lô

Đặc điể Có năng âm n

Đặc

92

2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách.

- Bố cục của đoạn văn (mở đầu, triển khai, kết thúc)
- Cách lựa chọn đặc điểm của nhân vật để giới thiệu
- Cách đưa dẫn chứng làm rõ đặc điểm của nhân vật
- Tình cảm, cảm xúc của người đọc đối với nhân vật

Ghi nhớ

Đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách thường có 3 phần:

- Mở đầu: Giới thiệu tên sách, tên tác giả, tên nhân vật và nêu ấn tượng chung về nhân vật.
- Triển khai: Cung cấp những thông tin về đặc điểm nổi bật của nhân vật (về ngoại hình, hành động, lời nói, suy nghĩ,...) và đưa ra dẫn chứng minh hoạ.
- Kết thúc: Nêu nhận xét hoặc cảm nghĩ về nhân vật,...

1. Thực hiện dự án: Sổ tay từ ngữ tiếng Việt của em.

Tập hợp một số từ ngữ cần giải thích trong các bài đọc đã học.

Tra cứu nghĩa và các thông tin khác của những từ ngữ đó trong từ điển.

Sắp xếp từ ngữ theo thứ tự trong bảng chữ cái, ghi chép từ ngữ và thông tin đã tra cứu vào sổ.

Thêm các quy ước và trình bày sổ tay giống như một từ điển. Trang trí thật đẹp.

ngôi sao | trung du | thường thức | siêng năng | du mục | tha thẩn | kì vĩ

M:

N

- *Ngôi sao* (dt): người đạt thành tích nổi bật trong biểu diễn nghệ thuật hoặc hoạt động thể thao: *Ngôi sao sân cỏ.*

2. Tìm đọc câu chuyện về nhà trường, thầy cô, học sinh.

93

Chuẩ a học

Hiện đại

VIẾT

TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT CUỐN SÁ

Đề bài: Viết đoạn văn giới thiệu một nhân vật trong cuốn sách

1. Chuẩn bị.
- Em chọn nhân vật trong cuốn sách nào để giới thiệu? Tác đó là ai?
- Nhân vật đó có tên là gì?
- Em muốn giới thiệu điều gì về nhân vật?

2. Tìm ý.

G:

Mở đầu	Giới thiệu chung về nhân vật trong c sách, tên tác giả, tên nhân vật) và nêu về nhân vật.
Triển khai	Chỉ ra những đặc điểm ngoại hình, hà suy nghĩ,... của nhân vật; nêu các lấy ra từ cuốn sách để minh hoạ cho nhân vật.
Kết thúc	Nêu nhận xét hoặc cảm nghĩ về nhâ bài học mà nhân vật đem đến cho e

3. Góp ý và chỉnh sửa.

Nêu thông tin chính xác về cuốn sách.

Giới thiệu đúng đặc điểm nhân vật.

96

VIẾT

VIẾT ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT CU

Đề bài: Viết đoạn văn giới thiệu một nhân vật t đã đọc.

1. Dựa vào kết quả tìm ý trong hoạt động Viết ở giới thiệu nhân vật trong cuốn sách mà em đã đọ

Lưu ý:

- Tập trung giới thiệu những đặc điểm nổi bật

Ví dụ:

Ma-ri-a rất ưa quan sát. Hồi 6 tuổi, mỗ cô lại để ý sự chuyển động của tách đựn say mê khám phá, Ma-ri-a làm đi làm lại điều kì lạ cô đã thấy. Cuối cùng, cô đã ph đĩa có một chút nước thì tách trà sẽ đứn

- Thể hiện tình cảm, cảm xúc đối với nhâ cùng tìm đọc cuốn sách.

Ví dụ:

Đọc cuốn *Những tấm lòng cao cả* thấy Cơ-rô-xét-ti. Sau rất nhiều n nết, nhớ chỗ ngồi của học trò học trò ngày ấy.

2. Đọc soát và chỉnh sửa.

Bố cục đoạn văn

Cách dùng từ, viết câu

Chia sẻ với người thân nội dung trong một cuốn sách.

VIẾT

ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT CUỐN SÁCH

1. Nghe thầy cô nhận xét chung.

Cách mở đoạn | Cách giới thiệu đặc điểm nhân vật | Cách kết thúc | Cách dùng từ, đặt câu

2. Tự đọc soát và đánh giá.
- Tên nhân vật, tên cuốn sách, các chi tiết liên quan có chính xác không?
- Sắp xếp các ý trong phần triển khai đã hợp lí chưa? Dẫn chứng cho các đặc điểm của nhân vật (trong cuốn sách) đã đầy đủ, phù hợp chưa?
- Còn lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, lỗi trình bày đoạn văn hay không?

3. Viết lại một số câu trong bài viết của em cho đúng hơn hoặc hay hơn.

NÓI VÀ NGHE

CUỐN SÁCH TÔI YÊU

Yêu cầu: Giới thiệu cuốn sách mà em yêu thích.

1. Chuẩn bị.
- Chọn 1 cuốn sách em yêu thích.
- Dự kiến những thông tin sẽ giới thiệu về cuốn sách.

G: + Tên sách, tên tác giả, nội dung chính, các nhân vật,...
+ Những điều khiến em yêu thích cuốn sách (nhân vật gây ấn tượng, những bài học bổ ích trong cuốn sách,...)
+ Suy nghĩ, cảm xúc của em khi đọc cuốn sách đó

2. Trình bày.
- Giới thiệu về cuốn sách em yêu thích theo nội dung đã chuẩn bị.
- Trả lời câu hỏi của bạn về cuốn sách em giới thiệu.

Lưu ý: Khi nghe bạn trình bày, ghi chép những thông tin quan trọng và chuẩn bị câu hỏi để hiểu rõ hơn cuốn sách bạn giới thiệu.

3. Đánh giá.
- Những ý kiến hay.
- Những điều cần rút kinh nghiệm.

Chia sẻ với người thân về cuốn sách mà em đã thảo luận cùng bạn bè ở lớp.

104

Chuẩn ... Khoa học ... Hiện đại

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT BỘ PHIM HOẠT HÌNH

1. Đọc đoạn văn dưới đây và trả lời câu hỏi.

Chú thỏ trắng trong bộ phim hoạt hình *Dưới một mái nhà* của đạo diễn Phan Trung được khán giả rất yêu thích. Với kĩ thuật vi tính hiện đại, hình ảnh chú thỏ được tái hiện thật sinh động trên màn ảnh. Đó là một chú thỏ có bộ lông trắng muốt, đôi mắt to tròn, tinh anh, đôi tai dài, cái đuôi ngắn ngủn, xinh xinh và giọng nói ấm áp. Sự vui vẻ, cởi mở khiến thỏ càng thêm đáng yêu. Câu nói hồn nhiên: "Tớ thì lại khoái nhất món này!" và tiếng cười giòn tan của chú khiến người xem vô cùng thích thú. Tuy nhiên, điều đáng quý nhất ở thỏ trắng là sự tốt bụng và lòng bao dung. Biết tin nhà nhím bị đổ, thỏ vội vã đến giúp đỡ. Hình ảnh chú thỏ chạy như bay trong cơn dông bão, giữa tiếng gió ù ù thật xúc động! Thấy nhím run cầm cập vì đói rét, thỏ đưa bạn về nhà, tận tình chăm sóc, giúp bạn mau chóng khoẻ lại. Thỏ sẵn lòng san sẻ với bạn thức ăn, chỗ ở, cùng bạn vượt qua mùa đông giá rét. Khi nhím giận dỗi bỏ đi vì hiểu nhầm thỏ, thỏ không những không giận nhím mà còn tất tả đi tìm bạn trong đêm. Câu chuyện về chú thỏ trắng đã cho chúng ta bài học ý nghĩa về lòng tốt, niềm tin, sự chân thành, bao dung trong tình bạn.

(Gia Hân – Hà Phương)

a. Đoạn văn trên tập trung giới thiệu về nhân vật nào?

b. Xác định phần mở đầu, triển khai, kết thúc của đoạn văn và nêu nội dung của từng phần.

c. Phần triển khai giới thiệu những đặc điểm nào của nhân vật thỏ trắng?

G:

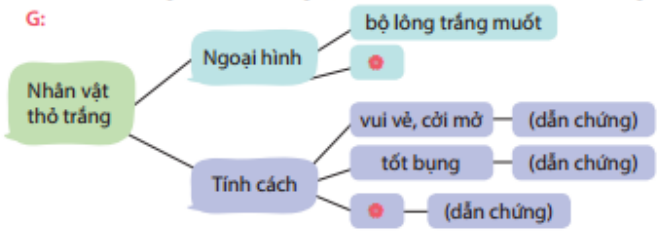

d. Những chi tiết nào trong đoạn văn giúp em nhận ra đây là nhân vật trong phim hoạt hình?

e. Những từ ngữ nào thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của người xem đối với nhân vật và bộ phim?

2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một bộ phim hoạt hình.

– Dựa vào đâu để nhận biết đặc điểm của nhân vật?

G: Ngoại hình (hình dáng, gương mặt, trang phục,… của nhân vật).
Hoạt động (việc làm, cử chỉ, lời nói,… của nhân vật theo diễn biến của bộ phim).

– Làm thế nào để thể hiện rõ đây là đoạn văn giới thiệu nhân vật trong phim hoạt hình?

Tên phim | Đặc điểm nhân vật được nhận biết qua mắt nhìn, tai nghe

Ghi nhớ

Đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một bộ phim hoạt hình thường có 3 phần:

– Mở đầu: Giới thiệu tên bộ phim, tên nhân vật,…

– Triển khai: Nêu những đặc điểm nổi bật về ngoại hình, hoạt động, tính cách,… của nhân vật. (*Lưu ý*: Nên đưa dẫn chứng về chi tiết trong phim (hình ảnh, âm thanh) để làm nổi bật đặc điểm của nhân vật.)

– Kết thúc: Nêu cảm nghĩ về nhân vật và ý nghĩa, giá trị của bộ phim.

1. Làm một tờ quảng cáo cho bộ phim mà em yêu thích.
2. Tìm đọc một bài giới thiệu phim.

Hiện đại

VIẾT

TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN V... TRONG MỘT BỘ PHIM HOẠT HÌNH

Đề bài: Viết đoạn văn giới thiệu một nhân vật trong bộ phi... em đã được xem.

1. Chuẩn bị.
- Em chọn giới thiệu nhân vật trong bộ phim hoạt hình n... có một tập hay nhiều tập?
- Nhân vật trong phim em sẽ giới thiệu là ai? Vì sao em... nhân vật đó?
- Đặc điểm của nhân vật được thể hiện thế nào... hoạt động, tính cách,...?

2. Tìm ý.

G:

Mở đầu	Giới thiệu tên bộ phim hoạt hình... ấn tượng cho em.
Triển khai	- Nêu khái quát nội dung phim. - Trình bày đặc điểm về ngoa... tính cách,... của nhân vật và... trong phim để minh hoạ.
Kết thúc	Nêu những suy nghĩ, đánh giá c... về bộ phim.

3. Góp ý và chỉnh sửa.

Nêu thông tin chính xác về bộ...

Trình bày đúng đặc điểm của...

Đưa ra dẫn chứng cụ thể, si...

3. Hoàn thiện câu a hoặc b dưới đây với mỗi kết từ cho sẵn.

a. Tôi học chơi đàn ghi-ta – và ●. / để ●. / vì ●.

b. Môn ảo th... luôn kích t... người xem...

VIẾT

VIẾT ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NH... TRONG MỘT BỘ PHIM HOẠT...

Đề bài: Viết đoạn văn giới thiệu về một nh... hoạt hình em đã được xem.

1. Dựa vào các ý đã tìm được trong hoạt động... theo yêu cầu của đề bài.

Lưu ý:
- Viết mở đầu và kết thúc gây được sự chú...
- Tập trung giới thiệu nhân vật đã lựa c... hoạt động, tính cách,... của nhân vật).
- Sử dụng những dẫn chứng minh... thuyết phục và cuốn hút.

2. Đọc soát và chỉnh sửa.

Cách mở đầu đoạn văn	Cách giớ... nhân vật tr...
Cách lựa chọn và đưa dẫn chứng	Cách dù... đặt...

Sưu tầm tranh ảnh về một công... Giới thiệu với bạn về công trình...

152

VIẾT

ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA ĐOẠN VĂN GIỚI THIỆU NHÂN VẬT TRONG MỘT BỘ PHIM HOẠT HÌNH

1. Nghe thầy cô giáo nhận xét chung.
2. Đọc lại đoạn văn của em và nhận xét của thầy cô để biết bài viết đạt được những điểm nào dưới đây:
- Có đủ 3 phần: mở đầu, triển khai, kết thúc.
- Đảm bảo yêu cầu của đoạn văn giới thiệu nhân vật trong phim.

Về nội dung

+ Giới thiệu được tên bộ phim, tên nhân vật gây ấn tượng.
+ Nêu khái quát nội dung bộ phim.
+ Trình bày được đặc điểm nổi bật về ngoại hình, hoạt động,... của nhân vật thông qua những tình huống cụ thể trong phim.
+ Nêu được ý nghĩa của bộ phim.
+ Thể hiện được tình cảm, cảm xúc đối với bộ phim.

Về hình thức

+ Trình bày đoạn văn đúng quy cách.
+ Sắp xếp ý hợp lí.
+ Có sáng tạo trong việc dùng từ, viết câu.
+ Chữ viết sạch, rõ ràng, không mắc lỗi chính tả.

3. Viết lại các câu hoặc đoạn trong bài làm của em cho hay hơn.

NÓI VÀ NGHE

BỘ PHIM YÊU THÍCH

Yêu cầu: Giới thiệu một bộ phim mà em yêu thích.

1. Chuẩn bị.

Chọn bộ phim để giới thiệu	G: phim hoạt hình, phim tài liệu, phim khoa học,...
Tìm thông tin để trình bày	G: đạo diễn, nhân vật, nội dung phim,...
Sắp xếp thông tin	G: vẽ sơ đồ tư duy,...
Tìm phương tiện để hỗ trợ trình bày	G: tranh ảnh minh hoạ,...

156

Chuẩ... ...a học Hiện đại

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

QUY TRÌNH THỰC HÀNH VIẾT BÀI VĂN NÊU Ý KIẾN TÁN THÀNH (HOẶC PHẢN ĐỐI)

Chuẩn mực
Khoa học
Hiện đại

3. Chọn kết từ (*mà, cho, như, tuy … nhưng …*) thay cho bông hoa.

a. Con người có tổ, có tông
● cây có cội, ● sông có nguồn.

b. Bầu ơi thương lấy bí cùng
● rằng khác giống ● chung một giàn.

c. Lời nói chẳng mất tiền mua
Lựa lời ● nói ● vừa lòng nhau.

d. Công cha ● núi ngất trời
Nghĩa mẹ ● nước ngời ngời Biển Đông
Núi cao biển rộng mênh mông
Cù lao chín chữ, ghi lòng con ơi!

4. Viết đoạn văn (3 – 5 câu) giới thiệu về một vị anh hùng dân tộc, trong đó có sử dụng đại từ và kết từ.

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN TÁN THÀNH MỘT SỰ VIỆC, HIỆN TƯỢNG

1. Đọc đoạn văn dưới đây và thực hiện yêu cầu.

Hôm nay, lớp tôi thảo luận về chủ điểm "Tiếp bước cha ông". Một trong những ý kiến các bạn nêu ra là cần bảo vệ di sản của cha ông để lại. Tôi rất tán thành ý kiến này. Di sản là tài sản quý báu của cha ông, được trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Tôi và bạn nhìn thấy di sản qua di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, phong tục, lễ hội,… Vì sao phải giữ gìn di sản của cha ông để lại? Vì giữ gìn di sản của cha ông để lại chính là giữ gìn thành quả lao động của những thế hệ trước. Để có một công trình kiến trúc, một mái đình, ngôi chùa,… cha ông ta đã phải đổ biết bao mồ hôi, công sức lao động thậm chí cả xương máu. Biết bao khát vọng của người xưa được gửi gắm vào mỗi di sản đó. Từ những di sản của cha ông, chúng ta thấy lòng yêu quê hương, đất nước, tinh thần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Những giá trị ấy đã nối kết quá khứ với hiện tại. Tôi nghĩ bảo vệ di sản của cha ông để lại là trách nhiệm của thế hệ trẻ, trong đó có tôi và các bạn.

(Đăng Dương)

a. Đoạn văn trên nói về sự việc gì? Người viết có ý kiến thế nào về sự việc đó?

b. Xác định các phần (mở đầu, triển khai, kết thúc) của đoạn văn.

c. Chọn nội dung tương ứng với mỗi phần của đoạn văn.

Mở đầu	Khẳng định lại một lần nữa ý kiến tán thành về sự việc.
Triển khai	Giới thiệu sự việc, nêu ý kiến tán thành của người viết về sự việc.
Kết thúc	Trình bày lí do và dẫn chứng để chứng minh ý kiến của mình là đúng.

d. Trong phần triển khai, người viết đã đưa ra lí do và những dẫn chứng nào để chứng minh ý kiến của mình là đúng?

2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng.

G:

- Đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng thường có mấy phần? Đó là những phần nào?
- Làm thế nào để ý kiến tán thành có sức thuyết phục?
- ●

Ghi nhớ

Đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng thường có 3 phần:

- Mở đầu: Giới thiệu sự việc, hiện tượng và nêu ý kiến tán thành của người viết.
- Triển khai: Trình bày lí do, dẫn chứng để chứng minh ý kiến đó là đúng.
- Kết thúc: Khẳng định lại ý kiến tán thành hoặc nêu ý nghĩa của sự việc, hiện tượng đó đối với cuộc sống.

1. Trao đổi với người thân về một chương trình truyền hình có tác động tích cực đối với học sinh.

2. Tìm đọc sách báo viết về một danh nhân của Việt Nam.

1. Tìm các câu ghép trong đoạn văn sau:

(1) Các môn sinh đồng thanh dạ ran. (2) Thế là thầy đi trước, (3) Các anh có tuổi đi ngay sau thầy, người ít tuổi hơn nhường chú tóc để trái đào đi sau cùng. (4) Cụ dẫn học trò đi về cuối lí ngôi nhà tranh đơn sơ nhưng sáng sủa, ấm cúng.

2. Xác định các vế câu trong những câu ghép tìm được ở bà biết chúng được nối với nhau bằng cách nào.

3. Đặt một câu ghép nói về tình cảm của em đối với thầy cô

VIẾT

TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN TÁN THÀNH MỘT SỰ VIỆC, HIỆN

Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:
Đề 1: Viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành việc lập Câu lạc bộ
Đề 2: Viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành việc phát triển hoạ thể thao trong nhà trường.

1. Chuẩn bị.
- Chọn sự việc, hiện tượng mà em muốn nêu ý kiến tá
- Tìm kiếm thông tin có liên quan đến sự việc, hiện nêu ý kiến.

2. Tìm ý.

Mở đầu	Giới thiệu sự việc, hiện tượng mà em tán thành. Nêu rõ ý kiến tán thành củ
Triển khai	– Trình bày những lí do khiến em t tượng được nói tới (ví dụ: những ý nghĩa của sự việc, hiện tượng,... – Lựa chọn những dẫn chứng để ch em là đúng.
Kết thúc	Khẳng định lại ý kiến của em (ví thành) hoặc nêu ý nghĩa của sự bản thân và cộng đồng.

4. Từ *ăn* trong mỗi nhóm từ dưới đây mang nghĩa nào?

ăn xăng, ăn dầu	Tự cho thức ăn vào cơ thể
ăn cơm, ăn cỏ	Ăn uống nhận dịp gì đó
ăn cưới, ăn giỗ	(Máy móc, xe cộ) tốn nhiều nhiê

5. Viết đoạn văn (3 – 4 câu) nêu cảm nghĩ của em về
có sử dụng một cặp từ đồng nghĩa.

VIẾT

VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN T MỘT SỰ VIỆC, HIỆN TU

(Bài viết số 1)

Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:
Đề 1: Viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành việc lậ
Đề 2: Viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành việc
thể thao trong nhà trường.

1. Dựa vào các ý tìm được trong hoạt động
yêu cầu của đề bài đã chọn.

Lưu ý:
- Ý kiến tán thành cần được trình bày
- Để thuyết phục người đọc, cần l tiêu biểu.

2. Đọc soát và chỉnh sửa lỗi (nếu có).

Lỗi về bố cục | Lỗi v

Tìm đọc sách báo viết về nhữ

a. Tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ in đậm trong đoạn văn trên.
b. Đặt câu với 1 – 2 từ đồng nghĩa em tìm được.

2. Các câu trong đoạn văn ở bài tập 1 liên kết với nhau bằng những cách nào?

VIẾT

ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN TÁN THÀNH MỘT SỰ VIỆC, HIỆN TƯỢNG

1. Nghe thầy cô nhận xét về bài làm.
2. Đọc lại bài làm của em và nhận xét của thầy cô để phát hiện lỗi.

Một số lỗi thường mắc

Lỗi về bố cục:
- Đoạn văn không có câu giới thiệu sự việc, hiện tượng và không nêu ý kiến của người viết.
- Cách sắp xếp lí do và dẫn chứng chưa phù hợp.

Lỗi về nội dung:
- Ý kiến tán thành chưa rõ ràng.
- Lí do chưa thuyết phục.
- Dẫn chứng chưa phù hợp, chưa làm sáng tỏ lí do.

3. Chỉnh sửa bài viết.

Viết lại một số câu trong đoạn văn của em cho đúng hoặc hay hơn theo gợi ý dưới đây:
- Bổ sung thêm dẫn chứng để làm sáng tỏ ý kiến tán thành. Ví dụ:
+ Lập Câu lạc bộ Đọc sách.

Câu lạc bộ Đọc sách không chỉ là nơi chúng ta tìm kiếm tri thức mà còn là địa điểm để kết nối bạn bè. Mỗi cuốn sách sẽ trở nên thú vị hơn, ý nghĩa hơn khi có bạn cùng đọc. Qua hoạt động đọc sách, giới thiệu sách, thiết kế lại bìa sách hoặc viết bài cảm nhận về tác phẩm văn học,... chúng ta sẽ học hỏi được nhiều điều từ bạn bè. Tôi nghĩ rằng điều tuyệt vời ở Câu lạc bộ Đọc sách không chỉ là số lượng sách bạn đọc được mà còn là sự gắn kết của bạn với các thành viên.

(Lâm Phong)

- Tổ chức tiệc trà trong vườn hoa anh đào.
- Thưởng thức ẩm thực Nhật Bản, trong đó có nhiều món được chế biến từ hoa anh đào.
- Ca hát hoặc giao lưu văn hoá nghệ thuật truyền thống mừng mùa hoa anh đào nở.

(*Theo* Thanh Long)

3. Viết đoạn văn (3 – 4 câu) giới thiệu một danh lam thắng cảnh trên thế giới hoặc ở Việt Nam, trong đó có sử dụng dấu gạch ngang.

VIẾT

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN PHẢN ĐỐI MỘT SỰ VIỆC, HIỆN TƯỢNG

1. Đọc đoạn văn sau và thực hiện yêu cầu.

Một số người có thói quen vứt bừa bãi túi ni lông, chai, hộp, ống hút,... bằng nhựa sau khi sử dụng. Việc làm này cần chấm dứt ngay. Vì sao vậy? Vì rác thải nhựa có tác hại nghiêm trọng đối với môi trường sống và sức khoẻ của con người. Một chai nhựa nhỏ, một chiếc túi ni lông mỏng phải mất hàng nghìn năm mới phân huỷ được. Rác thải nhựa lẫn vào đất làm cho cây cối khó phát triển, động vật ăn phải dễ mắc bệnh, có khi chết hàng loạt. Rác thải nhựa trôi xuống sông, biển làm bẩn nguồn nước. Nếu đốt rác thải nhựa, chất độc sinh ra gây ô nhiễm không khí. Không khí, đất, nước bẩn sẽ gây bệnh cho con người. Chúng ta cần cùng nhau lên tiếng phản đối việc vứt bừa bãi rác thải nhựa. Điều đó giúp cộng đồng thay đổi được nhận thức và chấm dứt hành động đáng chê trách này.

(*Theo* Phan Thế An)

a. Đoạn văn trên nêu ý kiến phản đối về sự việc, hiện tượng nào trong đời sống?

b. Tác giả đưa ra những lí do, dẫn chứng gì để bảo vệ ý kiến của mình?

c. Xác định các phần (mở đầu, triển khai, kết thúc) của đoạn văn.

d. Chọn nội dung tương ứng với mỗi phần của đoạn văn.

Phần	Nội dung
Mở đầu	Trình bày những lí do, dẫn chứng để bảo vệ ý kiến phản đối.
Triển khai	Nêu ý nghĩa của việc thể hiện ý kiến phản đối.
Kết thúc	Nêu sự việc, hiện tượng và ý kiến phản đối của người viết.

2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn nêu ý kiến phản đối một sự việc, hiện tượng.

– Bố cục của đoạn văn

– Cách sắp xếp các lí do phản đối

– Cách lựa chọn từ ngữ thể hiện ý kiến phản đối

Ghi nhớ

Đoạn văn nêu ý kiến phản đối một sự việc, hiện tượng thường có 3 phần:

– Mở đầu: Giới thiệu sự việc, hiện tượng và nêu ý kiến phản đối của người viết.

– Triển khai: Trình bày những lí do, dẫn chứng để bảo vệ ý kiến phản đối.

– Kết thúc: Khẳng định lại ý kiến phản đối hoặc nêu ý nghĩa của việc thể hiện ý kiến phản đối.

Trao đổi với người thân ý kiến phản đối của em về việc sử dụng đồ nhựa dùng một lần.

2. Chọn từ ở bài tập 1 thay cho bông hoa trong đoạn văn dưới

(1) Việt Nam là một ● thành viên của Liên hợp quốc. (2) Ngày ngày ● của Việt Nam. (3) ● của Việt Nam là lá cờ đỏ sao vàng ● của Việt Nam là bài hát *Tiến quân ca*.

VIẾT

TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN PHẢN ĐỐI MỘT SỰ VIỆC, HIỆN TƯỢNG

Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:
Đề 1: Viết đoạn văn nêu ý kiến phản đối hiện tượng vứt rác b
Đề 2: Viết đoạn văn nêu ý kiến phản đối hiện tượng chen lấn

1. Chuẩn bị.
   a. Lựa chọn sự việc, hiện tượng mà em muốn bày tỏ ý ki
   b. Tìm trong sách báo in, mạng in-tơ-nét,... những thôn sự việc, hiện tượng cho đề bài em đã chọn.
   c. Ghi chép những thông tin cần thiết.
2. Tìm ý.

Mở đầu	Giới thiệu sự việc, hiện tượng và nêu ý kiế về sự việc, hiện tượng đó.
Triển khai	– Nêu các lí do khiến em không đồng tượng đó (ví dụ: những tác động sự việc, hiện tượng đó gây ra,...). – Đưa ra các dẫn chứng để chứng minh
Kết thúc	Khẳng định lại ý kiến phản đối của em việc thể hiện ý kiến phản đối.

3. Viết đoạn văn (3 – 4 câu) về tác dụng của phương tiện thông tin hiện đại đối với đời sống con người, trong đó có sử dụng ít nhất một cách liên kết câu đã học.

VIẾT

VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾ PHẢN ĐỐI MỘT SỰ VIỆC, HIỆN

Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:
Đề 1: Viết đoạn văn nêu ý kiến phản đối hiện tượ
Đề 2: Viết đoạn văn nêu ý kiến phản đối hiện tượ

1. Dựa vào các ý đã tìm trong hoạt động Viết ở cầu của đề bài đã chọn.
   Lưu ý:
   – Sử dụng từ ngữ để tỏ rõ ý kiến phản đ *không đồng ý,...).*
   – Các lí do phản đối phải xác đáng, có dẫ
2. Đọc soát và chỉnh sửa.
   a. Đọc lại đoạn văn của em để phát hiệ

Bố cục	
Diễn đạt	

   b. Sửa lỗi trong đoạn văn (nếu có).

1. Trao đổi với người thân ý kiến khi xếp hàng.
2. Tìm đọc văn bản thông tin

1. Đọc lại đoạn văn từ *Để đối phó với tình trạng nóng lên đến so với vùng sa mạc ở xung quanh*, chỉ ra những biện pháp liên kết câu được sử dụng trong đoạn.
2. Tìm vế câu thay cho bông hoa để tạo câu ghép.
   a. Nhờ những chiếc ô hình hoa hướng dương mà ●
   b. Tuy Mát-xđa mới được xây dựng nhưng ●
   c. Ở Mát-xđa, chính quyền khuyến khích người dân đi bộ, ●
3. Tìm trong bài những tên riêng nước ngoài:
   – Có cách viết giống tên riêng Việt Nam.
   – Có cách viết khác tên riêng Việt Nam.

VIẾT

ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN PHẢN ĐỐI MỘT SỰ VIỆC, HIỆN TƯỢNG

1. Nghe thầy cô nhận xét về bài viết.
2. Đọc lại bài làm của em và nhận xét của thầy cô để phát hiện lỗi.
   G:
   – Đoạn văn có đủ 3 phần mở đầu, triển khai và kết thúc không?
   – Ý kiến phản đối có được trình bày rõ ràng không?
   – Các lí do phản đối có xác đáng không, có dẫn chứng thuyết phục không?
   – Có mắc lỗi dùng từ, viết câu không?
   – ●
3. Đọc hoặc nghe bài viết của bạn, nêu những điều em muốn học tập.

Lí do phản đối có sức thuyết phục	Câu văn hay, từ ngữ phong phú	●

   a. Sửa lỗi trong bài viết của em theo nhận xét của thầy cô.
   b. Viết lại những câu văn mà em muốn chỉnh sửa cho hay hơn.

146

Chuẩn ... ...oa học

Hiện đại

Tóm lại:

Các bước của quy trình VIẾT được thiết kế rất cụ thể và chặt chẽ với khoảng thời gian phù hợp.

Bên cạnh hệ thống câu hỏi gợi ý, hướng dẫn, SGK *Tiếng Việt 5* còn tăng cường yếu tố trực quan (tranh ảnh, sơ đồ,...) giúp HS dễ dàng nắm bắt yêu cầu và cách thức thực hiện yêu cầu đối với mỗi kiểu bài.

Cách thiết kế bài học giúp GV tổ chức dạy học viết một cách sinh động, hiệu quả; giúp HS huy động vốn sống, trải nghiệm của bản thân trong quá trình thực hành viết, qua đó, các em phát huy được năng lực tự chủ, tự học.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

XEM VIDEO TIẾT DẠY MINH HOẠ

TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN KỂ CHUYỆN SÁNGTẠO

(Tiết 2)

Chuẩn mực Khoa học Hiện đại

4. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC KĨ NĂNG NÓI VÀ NGHE

YÊU CẦU VỀ NÓI VÀ NGHE Ở LỚP 5

NÓI

- **Nội dung nói:** Biết dựa trên gợi ý, giới thiệu về một di tích, một địa điểm tham quan hoặc một địa chỉ vui chơi. Sử dụng được các phương tiện hỗ trợ phù hợp để tăng hiệu quả biểu đạt.
- **Tốc độ, âm lượng giọng nói:** Điều chỉnh được lời nói (từ ngữ, tốc độ, âm lượng) cho phù hợp với người nghe.
- **Thái độ, cử chỉ,… khi nói:** Trình bày ý tưởng rõ ràng, có cảm xúc; có thái độ tự tin khi nói trước nhiều người; sử dụng lời nói, cử chỉ, điệu bộ thích hợp.

Chuẩn mực Khoa học Hiện đại

YÊU CẦU VỀ NÓI VÀ NGHE Ở LỚP 5

NGHE

- Biết vừa nghe vừa ghi những nội dung quan trọng từ ý kiến của người khác.
- Nhận biết được một số lí lẽ và dẫn chứng mà người nói sử dụng để thuyết phục người nghe.

NÓI NGHE TƯƠNG TÁC

Biết thảo luận về một vấn đề có các ý kiến khác biệt; biết dùng lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người đối thoại, biết tôn trọng sự khác biệt trong thảo luận, thể hiện sự nhã nhặn, lịch sự khi trình bày ý kiến trái ngược với người khác.

Chuẩn mực Khoa học Hiện đại

CÁC NỘI DUNG NÓI VÀ NGHE Ở TIẾNG VIỆT 5

TẬP MỘT

Bài 4 (Thế giới tuổi thơ, tuần 2). Những câu chuyện thú vị (thảo luận)

Bài 8 (Thế giới tuổi thơ, tuần 4). Những điểm vui chơi lí thú (giới thiệu)

Bài 12 (Thiên nhiên kì thú, tuần 6). Bảo tồn động vật hoang dã (thảo luận)

Bài 16 (Thiên nhiên kì thú, tuần 8). Cảnh đẹp thiên nhiên (giới thiệu)

Bài 20 (Trên con đường học tập, tuần 11). Cuốn sách tôi yêu (giới thiệu)

Bài 24 (Trên con đường học tập, tuần 13). Lợi ích của tự học (thảo luận)

Bài 28 (Nghệ thuật muôn màu, tuần 15). CT nghệ thuật em yêu thích (giới thiệu)

Bài 32 (Nghệ thuật muôn màu, tuần 17). Bộ phim yêu thích (giới thiệu)

Chuẩn mực Khoa học Hiện đại

CÁC NỘI DUNG NÓI VÀ NGHE Ở TIẾNG VIỆT 5

TẬP HAI

Bài 4 (Vẻ đẹp cuộc sống, tuần 20). Nét đẹp học đường (thảo luận)

Bài 8 (Vẻ đẹp cuộc sống, tuần 22). Những ý kiến khác biệt (thảo luận)

Bài 12 (Hương sắc trăm miền, tuần 24). Địa điểm tham quan, du lịch (giới thiệu)

Bài 16 (Hương sắc trăm miền, tuần 26). Sản vật địa phương (giới thiệu)

Bài 20 (Tiếp bước cha ông, tuần 29). Đền ơn đáp nghĩa (giới thiệu)

Bài 24 (Tiếp bước cha ông, tuần 31). Di tích lịch sử (giới thiệu)

Bài 28 (Thế giới của chúng ta, tuần 33). Trải nghiệm ngày hè (thảo luận)

Chuẩn mực Khoa học Hiện đại

NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG NÓI VÀ NGHE

NÓI VÀ NGHE

BẢO TỒN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

Yêu cầu: Thảo luận về việc bảo tồn động vật hoang dã.

1. Chuẩn bị.
- Tìm hiểu về động vật hoang dã và việc bảo tồn động vật hoang dã qua sách báo, in-tơ-nét.

  G: Một số cuốn sách về động vật hoang dã: *Sinh vật trú ẩn và săn mồi* (Rát Ô-oen), *Khám phá rừng già – Động vật hoang dã* (Xti Pa-cơ),…
- Ghi chép các thông tin quan trọng về những hoạt động bảo vệ động vật hoang dã.

2. Thảo luận.
- Người điều hành nêu nội dung thảo luận.
- Từng bạn trình bày ý kiến đã chuẩn bị. Ví dụ:
  + Thực tế: Nhiều loài động vật đang có nguy cơ tuyệt chủng, bị săn bắt, buôn bán trái phép; rừng bị chặt phá khiến môi trường sống của động vật hoang dã bị đe doạ;…
  + Những việc cần làm: Lập các khu bảo tồn; tuyên truyền vận động không chặt phá rừng, không săn bắt, không buôn bán động vật hoang dã;…
- Cả nhóm trao đổi, góp ý và thống nhất ý kiến.
  + Khẳng định tầm quan trọng của việc bảo tồn động vật hoang dã.
  + Nhấn mạnh những việc cần làm để bảo tồn động vật hoang dã.

3. Đánh giá.

Những thông tin quan trọng | Ý kiến hay | ❁

Sưu tầm tranh ảnh và tìm đọc thêm những thông tin về vịnh Hạ Long.

NÓI VÀ NGHE

CẢNH ĐẸP THIÊN NHIÊN

Yêu cầu: Giới thiệu một cảnh đẹp thiên nhiên của đất nước ta.

1. Chuẩn bị.
- Tìm hiểu những thắng cảnh nổi tiếng của Việt Nam.

  G: Cao nguyên đá Đồng Văn (Hà Giang), vịnh Hạ Long (Quảng Ninh), động Phong Nha – Kẻ Bàng (Quảng Bình), đảo Ngọc – Phú Quốc (Kiên Giang),…
- Tìm đọc trên sách báo, in-tơ-nét,… thông tin về một thắng cảnh em muốn giới thiệu. Ghi chép những thông tin quan trọng về thắng cảnh.

2. Trình bày.

G:

Mở đầu	Giới thiệu khái quát tên thắng cảnh, địa điểm, đặc điểm nổi bật.
Triển khai	Nêu những thông tin đặc sắc về thắng cảnh. Ví dụ: – Vịnh Hạ Long bao gồm gần 2 000 hòn đảo lớn nhỏ với nhiều hang động. – Đảo Ngọc – Phú Quốc là thiên đường du lịch của miền nhiệt đới với những hòn đảo xa đẩy bí ẩn, những khu rừng xanh mướt,…
Kết thúc	– Khẳng định giá trị và sức hấp dẫn của thắng cảnh. – Mời gọi bạn bè quốc tế đến tham quan.

Em có thể:
- Dùng thêm tranh ảnh hoặc đoạn phim ngắn để thuyết minh.
- Thể hiện sự tự hào về cảnh đẹp đất nước qua giọng nói.
- Ghi lại những điều thú vị trong bài trình bày của bạn.

3. Trao đổi, góp ý.

Giới thiệu được các thông tin thú vị. | Sử dụng những từ ngữ miêu tả gây ấn tượng. | ❁

Tìm đọc sách báo hoặc xem video về những miền đất xa xôi mà con người ít có cơ hội đặt chân đến (Nam Cực, Bắc Cực, sa mạc,…).

NÓI VÀ NGHE

NHỮNG Ý KIẾN KHÁC BIỆT

Yêu cầu: Thảo luận về một sự việc có nhiều ý kiến khác biệt.

1. Chuẩn bị.
- Lựa chọn một sự việc gần gũi với học sinh, có nhiều ý kiến khác biệt để thảo luận. Ví dụ: học sinh giữ tiền riêng để tiêu, học sinh mặc đồng phục khi đi học,…
- Tìm hiểu và ghi chép những thông tin liên quan đến nội dung thảo luận.

G:

Ý kiến tán thành việc học sinh giữ tiền riêng để tiêu	Ý kiến phản đối việc học sinh giữ tiền riêng để tiêu
– Học sinh có thể tự mua đồ ăn, nước uống hoặc đồ dùng học tập. – Học sinh sớm học được cách chi tiêu và cách quản lí tiền. – Học sinh hiểu được giá trị của đồng tiền và trân trọng công sức lao động của bố mẹ. – ❁	– Học sinh có thể quan tâm nhiều đến việc tiêu tiền, hình thành thói quen tiêu xài hoang phí. – Học sinh có thể bắt chước nhau, đòi cha mẹ cho tiền để tiêu vào những việc không cần thiết. – ❁

2. Thảo luận.
- Các thành viên phát biểu ý kiến đã chuẩn bị, trả lời câu hỏi của các bạn.
- Khi nghe bạn trình bày, cần ghi chép những thông tin đáng chú ý. Có thể nêu ý kiến đồng tình hoặc không đồng tình với thái độ tôn trọng sự khác biệt.
- Người điều hành tóm tắt nội dung thảo luận. Nêu những điểm đã thống nhất và những điểm còn khác biệt giữa các thành viên.

3. Đánh giá.
- Nhận xét về các ý kiến phát biểu, tiến trình thảo luận,…
- Bình chọn người tham gia thảo luận tích cực và có ý kiến hay.

Kể lại câu chuyện *Khu rừng của Mát* cho người thân nghe và chia sẻ cảm nghĩ của em về câu chuyện.

DẠY HỌC NÓI VÀ NGHE THEO NGUYÊN TẮC GIAO TIẾP

Đối tượng giao tiếp

- GV giúp HS xác định được những đề tài, nội dung nói và nghe cụ thể xuất phát từ chính những trải nghiệm của các em.

Nhân vật giao tiếp

- GV giúp HS xác định vai trò và các hoạt động phù hợp khi tham gia nói và nghe.

Mục đích giao tiếp

- Trong mỗi bài học, HS đều được hướng dẫn để xác định rõ mục đích nói và nghe.

Phương tiện giao tiếp

- Phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG NÓI VÀ NGHE

Sách *Tiếng Việt 5* thiết kế các hoạt động thực hành *Nói và nghe* với những hình thức phong phú, đáp ứng yêu cầu của chương trình lớp 5:

1. Giới thiệu (có người nói đóng vai trò chính, người nghe tiếp nhận)
2. Thảo luận (có người điều hành; vai người nói và người nghe luân phiên)
3. Trình bày ý kiến (có lí lẽ và dẫn chứng) (trong thảo luận)

Các tiết học chú trọng hướng dẫn HS:

- Điều chỉnh được lời nói (từ ngữ, tốc độ, âm lượng) cho phù hợp.
- Thể hiện rõ ý tưởng, lời nói có cảm xúc.
- Có thái độ tự tin khi nói trước nhiều người; biết tôn trọng sự khác biệt trong thảo luận; thể hiện sự nhã nhặn, lịch sự khi trao đổi;…

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG NÓI VÀ NGHE

1. • Giới thiệu kiểu bài, yêu cầu (hai kiểu bài: giới thiệu, thảo luận).
2. • Tổ chức, hướng dẫn HS chuẩn bị bài giới thiệu, ý kiến thảo luận.
3. • Tổ chức, hướng dẫn HS giới thiệu, thảo luận.
4. • Tổ chức, hướng dẫn HS nhận xét về bài giới thiệu, ý kiến thảo luận.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG NÓI VÀ NGHE

• Việc tổ chức hoạt động nói và nghe trên lớp nên linh hoạt, khuyến khích HS chủ động, tự tin khi trình bày, trao đổi thông tin. Nên tăng cường các hoạt động tương tác khi nói và nghe, tạo cơ hội cho nhiều HS được trình bày, trao đổi trong nhóm và trước lớp.

• Phát huy vai trò của các phương tiện hỗ trợ như số liệu, biểu đồ, tranh ảnh, đoạn phim ngắn,…

• GV cần chú ý mối quan hệ tích hợp, kết nối chặt chẽ giữa các hoạt động đọc, viết với hoạt động nói và nghe trong cách tổ chức bài học của *Tiếng Việt 5.*

• Hoạt động Nói và nghe ở lớp 5 có những yêu cầu cao hơn các lớp trước nhưng các bài học được thiết kế logic và có những cách gợi ý, hướng dẫn cặn kẽ, phù hợp để HS có thể dễ dàng thực hiện và đáp ứng tốt yêu cầu của chương trình.

• Tiếp nối lớp 4, ở lớp 5, hoạt động Nói và nghe theo chủ điểm (giới thiệu, thảo luận) được chú trọng, nội dung các chủ điểm phong phú và được nâng cao phù hợp với vốn sống, trải nghiệm của HS.

• HS cũng được tham gia vào các hoạt động trình bày lí lẽ để củng cố cho ý kiến hoặc nhận định về một vấn đề gần gũi với đời sống; thảo luận về một vấn đề đáng quan tâm hoặc một nhiệm vụ mà nhóm, lớp phải thực hiện.

• Ở lớp 5, dạy nói và nghe cũng chủ yếu được tiến hành theo cách GV đặt câu hỏi, nêu vấn đề và tổ chức đàm thoại giữa GV với HS, HS với HS; tổ chức cho HS thảo luận nhóm rồi trình bày trước nhóm và trước lớp.

• Qua hoạt động nói và nghe, GV cần chú ý giúp HS không chỉ phát triển kĩ năng sử dụng ngôn ngữ mà còn giúp các em phát triển khả năng tư duy và kĩ năng hợp tác.

IV. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC TRONG MÔN TIẾNG VIỆT

Đánh giá kĩ năng đọc thành tiếng

Các chỉ số đánh giá:

– Đọc đúng tiếng, từ, câu,…

– Tốc độ, âm lượng, mức độ diễn cảm

Đánh giá kĩ năng đọc hiểu

Văn bản văn học

- Đọc hiểu nội dung
- Đọc hiểu hình thức
- Liên hệ, so sánh, kết nối

Văn bản thông tin

- Đọc hiểu nội dung
- Đọc hiểu hình thức
- Liên hệ, so sánh, kết nối

Các yêu cầu đọc hiểu văn bản được cụ thể hoá qua hệ thống câu hỏi trong đề kiểm tra (được thiết kế theo ba mức nhận thức).

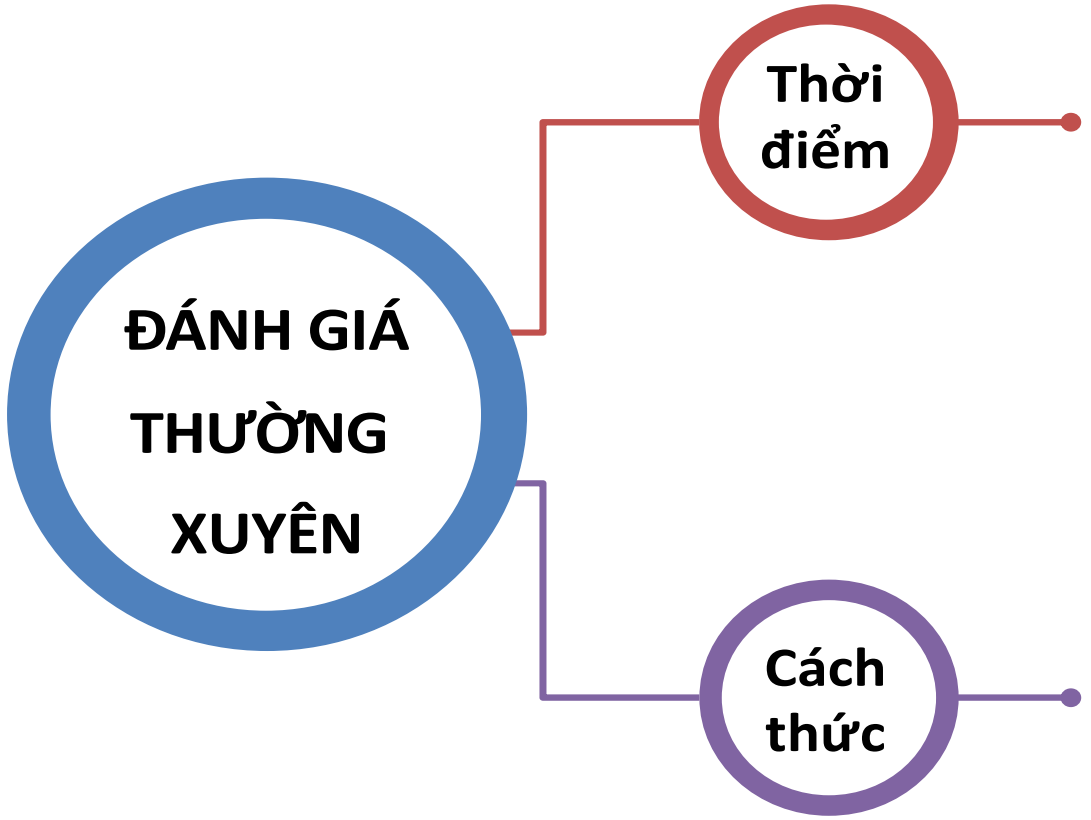

Thực hiện trong từng bài học nhằm xác nhận sự tiến bộ của mỗi HS trong quá trình học.

GV đánh giá

Đặt câu hỏi mở, câu hỏi trắc nghiệm khách quan để HS trả lời câu hỏi, HS làm bài tập, phát biểu ý kiến; quan sát và ghi chép hằng ngày về kết quả đọc, viết, nói và nghe của HS; nhận xét bằng lời...

HS tự đánh giá

Tự nêu những điểm tốt và chưa tốt trong kết quả đọc, viết, nói và nghe của bản thân,...

HS đánh giá lẫn nhau

Tổ chức cho HS nhận xét kết quả học của bạn, nêu những điều học tập được từ bạn,...

ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN TIẾNG VIỆT 5

KIỂM TRA ĐỌC
(10 điểm)

- **Đọc thành tiếng kết hợp kiểm tra nghe nói** (2 điểm)
- **Đọc hiểu** (8 điểm)

KIỂM TRA VIẾT
(10 điểm)

- **Viết chính tả** (Không có bài kiểm tra riêng)
- **Viết đoạn/bài** (10 điểm)

Ghi chú: Điểm kiểm tra định kì môn Tiếng Việt là trung bình cộng điểm của 2 bài kiểm tra đọc và viết (chia số điểm thực tế cho 2) và được làm tròn (0,5 thành 1). Lưu ý: Chỉ làm tròn một lần. Ví dụ: điểm thực tế của 2 bài kiểm tra đọc và viết là 19, quy về thang điểm 10 là 9,5 (làm tròn số thành 10).

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ

– Đối với đọc hiểu:

• Đọc hiểu 1 văn bản (không có trong SGK), độ dài của VB theo quy định của CT môn Tiếng Việt lớp 5 (theo từng kiểu loại văn bản).

• Câu hỏi đọc hiểu gồm câu hỏi trắc nghiệm khách quan (có thể thiết kế nhiều dạng khác nhau) và câu hỏi tự luận (câu hỏi mở). Câu hỏi tự luận yêu cầu HS tự hình thành câu trả lời ngắn: nêu ý kiến cá nhân về nhân vật, chi tiết,… trong đoạn/ bài đọc, hoặc liên hệ nội dung bài với bản thân hoặc với thực tế cuộc sống,…

• Kiến thức về từ và câu được tích hợp trong câu hỏi/ bài tập đọc hiểu.

– Đối với kĩ năng viết:

• Viết đoạn văn hoặc bài văn theo những kiểu bài đã được học (theo chương trình).

• Nên ra 2 đề để HS lựa chọn 1 đề phù hợp với mình.

• Việc chấm điểm cần chia tỉ lệ phù hợp: điểm cho nội dung, điểm cho kĩ năng, điểm cho chính tả, chữ viết,… Nên có điểm thưởng cho sự sáng tạo về nội dung, kĩ năng,…

PHẦN 2 – ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I

TIẾT 6 – 7

A. ĐỌC

I. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi.

VƯỜN MẶT TRỜI, QUẢ MẶT TRĂNG

(Trích)

Sớm mai trong veo nắng rọi
Nhìn cây tôi chợt bàng hoàng
Bao nhiêu mặt trời chói lọi
Chín mềm trong lá rất thơm.

Ngẩng lên vườn chôm chôm đỏ
Trái xoè những tia mặt trời
Cành cao trĩu lời mời mọc
Đung đưa chùm quả tươi ngời.

Chợt nhớ bao mùa táo ngọt
Quả vàng mát đất ngoại ô
Dịu như mặt trăng mềm mại
Ríu rít tiếng cười trẻ thơ.

Một mình đi trong vư
Một mình dưới tán c
Mặt trời, mặt trăng
Mặt đất dâng đầy
Mỗi bước một lời
Với trời, với đất,
Với người ngày
Cho mình quả

1. Vườn cây trái được tác giả so sánh với những hì tác dụng của những hình ảnh so sánh đó.
2. Những từ ngữ nào cho thấy đối với con ngườ thân thiện, đáng yêu?
3. Tác giả đã có cảm nghĩ thế nào khi đi trong vườn

II. Đọc hiểu.

CÁNH ĐỒNG VÀNG

(Trích)

Tôi thả trâu ngoài bờ đê. Một mình lên ngọn đê ng
Cánh đồng vàng rực trong nắng chiều hanh hao. Cả
tới. Hình như chúng chen lấn nhau mà chín.

– Đừng có chen! Đừng có chen! – Những bông
bông lúa khác thúc giục:

– Chín nhanh lên! Chín nhanh lên!

Tôi lắng nghe tiếng cánh đồng xôn xao. Mới đ
màu vàng chanh, còn bây giờ nó đã rực lên một
từ từ trôi về phía những dãy núi mờ xa.

Mặt trời càng xuống thấp, cánh đồng lúa cà
lên, trải ra mỗi lúc một rộng, giống như toàn
mênh mông màu vàng chói. Cánh đồng bậ

Mặt trời vẫn lặn chậm rãi xuống chân trờ
xuống cánh đồng vàng. Tôi thấy mình bập
màu vàng.

– Nhanh lên! Chín nhanh lên!

– Đừng có chen! Đừng có chen!

– Ai ngồi trên đê cao? Chín nhanh l

Tôi nghe lúa thì thầm. Tôi cũng thì

– Tôi ngồi trên đê cao. Tôi cũng đ

Và tôi thấy mình đang chín thật
từ bao giờ, màu vàng lấp lánh án
lớn lao của người khác, bản thân
tôi có niềm vui của lúa chín vàn

1. Bạn nhỏ ngắm cánh đồng vào thời gian nào trong ngày? Chọn đáp án đúng.
A. Buổi sáng B. Buổi trưa C. Buổi chiều D. Buổi tối
2. Cánh đồng lúa hiện ra như thế nào qua cảm nhận của bạn nhỏ khi ngồi trên đê?
– Về màu sắc – Về âm thanh – Về sự chuyển động, phát triển
3. Tìm trong bài những từ ngữ tả màu sắc của cánh đồng lúa.
4. Trong bài, cây lúa được nhân hoá bằng những cách nào?
5. Nêu tác dụng của biện pháp nhân hoá trong việc miêu tả đồng lúa đang chín.
6. Theo em, vì sao bạn nhỏ cảm thấy mình bập bềnh trên con thuyền giữa biển màu vàng?
7. Qua cách quan sát, cảm nhận về cánh đồng lúa đang chín, em thấy bạn nhỏ là người thế nào?
8. Em hiểu thế nào về câu "Hoà nhập vào hạnh phúc lớn lao của người khác, bản thân ta sẽ hạnh phúc."?
9. Tìm nghĩa của từ *chín* trong mỗi câu dưới đây:

a. Hoà nhập với cánh đồng, tôi có niềm vui của lúa **chín** vàng. (1) (thức ăn) được nấu nướng kĩ, đến độ ăn được

b. Một nghề cho **chín** còn hơn chín nghề. (2) (quả) ở vào giai đoạn phát triển đầy đủ nhất, thường có màu đỏ hoặc vàng, có hương thơm, vị ngon

c. Ăn **chín**, uống sôi (3) thành thục, am hiểu đầy đủ mọi khía cạnh

10. Đặt câu với từ *chín* theo 1 trong 3 nghĩa nêu ở bài tập 9.

B. VIẾT

Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:

Đề 1: Viết bài văn kể sáng tạo một câu chuyện đã học ở chủ điểm *Thế giới tuổi thơ*.

Đề 2: Viết bài văn tả một cảnh đẹp ở một nơi em đã từng đến hoặc nhìn thấy qua tranh ảnh, ti vi,...

nhoa học
Hiện đại

2. Viết đoạn văn giới thiệu về một nhân vật tài năng trong cuốn sách em đã đọc.

G:

Tên nhân vật, tên cuốn sách	Tài năng của nhân vật	Cảm nghĩ của em về nhân vật và cuốn sách

3. Trao đổi với bạn để góp ý cho nhau rồi chỉnh sửa bài viết.

PHẦN 2 – ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I

(Để tham khảo)

TIẾT 6 – 7

A. ĐỌC

I. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi.

BỐ ĐỨNG NHÌN BIỂN CẢ

Bố đứng nhìn biển cả
Con xếp giấy thả diều
Bố trời chiều bóng ngả
Con sóng sớm bừng reo.

Ông nhòm theo bi
Thấy buồm lên th
Theo con nhìn tu
Khắp khởi mừng

Chuyện bố bố con con
Dập dốn như lớp sóng
Biển bốn phía biển tròn
Diều bay trong gió lộng.

Trên boong tàu
Trên biển cả s
Diều con lên
Tường mọc

Bố dạy con hình học
Đo góc biển chân trời
Khi vừng dương mới mọc
Nhuộm tím màu xa khơi.

Từ ngữ:
Vừng dương (hay vầng dương): mặt trời.

1. Khi ra biển cùng bố, người con thường làm nhữ
2. Câu thơ nào thể hiện niềm vui, sự tin tưởng củ

II. Đọc hiểu.

Những điều thú vị về chim di cư

Nhiều loài chim như diều hâu, bồ nông, bồ câu, thường di chuyển nơi ở đều đặn theo mùa và theo thể. Vậy vì sao loài chim lại có tập tính này, thay vì Làm sao chúng định hướng được đường bay?

Trước hết, chim di cư để tránh sự lạnh giá khắc nghiệt khiến chim mất nhiều năng lượng di cư còn là để đi theo chuỗi thức ăn của chú trùng, sâu bọ hoặc động vật cỡ nhỏ – "thực di cư – sẽ trở nên khan hiếm vào mùa đông. M sẽ giúp chim dễ dàng sinh sản và nuôi con ăn và sự sinh sản chính là chìa khoá để các thú vị này ở loài chim.

Loài chim không có la bàn hoặc thiết định hướng bằng cách quan sát vị trí củ vì sao vào ban đêm. Chúng cũng có th bờ biển, dãy núi và thậm chí cả đường đặc biệt trong việc tìm đường như vậy quay trở về đúng "nhà" của mình.

Từ ngữ

- *Di cư*: di chuyển đến một miền hay
- *Tập tính*: đặc tính hoặc thói que bản năng.
- *Thiết bị GPS*: hệ thống định vị toà

1. Theo bài đọc, chim di cư có t
2. Kể tên một số loài chim di c
3. Có mấy lí do khiến chim di
4. Vì sao chim di cư bay rất x

5. Trong câu "Như vậy, năng lượng, thức ăn và sự sinh sản chính là chìa khoá để các nhà khoa học giải mã hành vi thú vị này ở loài chim.", *hành vi thú vị này* là hành vi nào? Chọn đáp án đúng.

A. đi theo chuỗi thức ăn
B. sinh sản và nuôi con
C. di cư
D. tránh rét

6. Lập sơ đồ cấu trúc bài đọc theo mô hình sau:

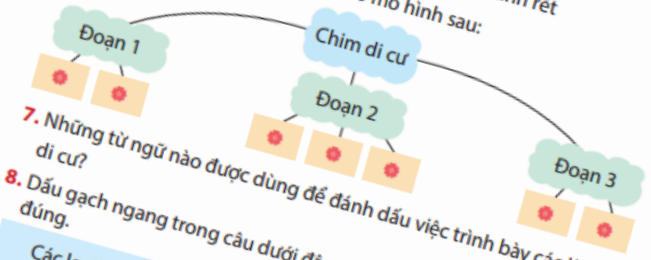

7. Những từ ngữ nào được dùng để đánh dấu việc trình bày các lí do chim di cư?

8. Dấu gạch ngang trong câu dưới đây được dùng để làm gì? Chọn đáp án đúng.

Các loại hoa trái, côn trùng, sâu bọ hoặc động vật cỡ nhỏ – "thực đơn" yêu thích của chim di cư – sẽ trở nên khan hiếm vào mùa đông.

A. Dùng để đánh dấu lời đối thoại.
B. Dùng để đánh dấu bộ phận chú thích.
C. Dùng để đánh dấu các ý liệt kê.
D. Dùng để nối các từ ngữ trong một liên danh.

9. Có thể dùng từ ngữ nào để thay thế cho từ *nhà* trong câu dưới đây?

Nhờ có những kĩ năng đặc biệt trong việc tìm đường như vậy, các loài chim dù di cư rất xa vẫn quay trở về đúng "nhà" của mình.

10. Viết một câu về chim di cư, trong câu có sử dụng 1 kết từ.

B. VIẾT

Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:

Đề 1: Viết đoạn văn giới thiệu một nhân vật trong cuốn sách em đã đọc hoặc bộ phim hoạt hình em đã xem.

Đề 2: Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ ca ngợi tình cảm gia đình.

Tiếng Việt 5, bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, đáp ứng yêu cầu:

Chuẩn mực – Khoa học – Hiện đại.

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, nhóm tác giả cùng các cộng sự trân trọng cảm ơn các địa phương, nhà trường, quý thầy cô, phụ huynh và các em HS đã tin tưởng, lựa chọn SGK *Tiếng Việt,* bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* trong những năm học qua.

Chúng tôi mong được đồng hành, hỗ trợ các địa phương, nhà trường, quý thầy cô và các em HS triển khai dạy và học *Tiếng Việt 5* trong năm học tới.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Trân trọng cảm ơn!

Chuẩn mực
Khoa học
Hiện đại